BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 3

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – NGUYỄN LÊ HẰNG
VŨ THỊ LAN – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

TIẾNG VIỆT 3

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ tư)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách

 Khởi động

 Đọc văn bản

 Trả lời câu hỏi

 Luyện từ và câu

 Luyện viết đoạn

 Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách ***Tiếng Việt 3*** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN	
19	Bài 1	Đọc: *Bầu trời* Nói và nghe: Bầu trời trong mắt em Viết: – Nghe – viết: *Buổi sáng* – Phân biệt: *ch/tr, at/ac*	8 9 10
	Bài 2	Đọc: *Mưa* Viết: Ôn chữ viết hoa: Ô, Ô, Ơ Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về các hiện tượng tự nhiên; Câu cảm, câu khiến – Viết đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời	11 12 12
20	Bài 3	Đọc: *Cóc kiện Trời* Nói và nghe: Kể chuyện *Cóc kiện Trời* Viết: – Nghe – viết: *Trăng trên biển* – Phân biệt: *s/x, ăt/ăc*	15 17 18
	Bài 4	Đọc: *Những cái tên đáng yêu* Đọc mở rộng Luyện tập: – Từ ngữ có nghĩa giống nhau; Đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào?* – Viết đoạn văn kể lại hoạt động quan sát được trong tranh	19 21 21
21	Bài 5	Đọc: *Ngày hội rừng xanh* Nói và nghe: Rừng Viết: – Nghe – viết: *Chim chích bông* – Viết hoa tên riêng địa lí; Phân biệt: *iêu/ươu, ât/âc*	23 25 25
	Bài 6	Đọc: *Cây gạo* Viết: Ôn chữ viết hoa: Ơ, Q Luyện tập: – Biện pháp so sánh; Đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu?* – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật trong tranh	27 28 29
22	Bài 7	Đọc: *Mặt trời xanh của tôi* Nói và nghe: Kể chuyện *Sự tích hoa mào gà* Viết: – Nhớ – viết: *Mặt trời xanh của tôi* – Phân biệt: *r/d/gi, in/inh*	32 33 34
	Bài 8	Đọc: *Bầy voi rừng Trường Sơn* Đọc mở rộng Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về núi rừng; Đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu?, Khi nào?* – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật yêu thích	35 37 37

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG	
23	Bài 9	Đọc: *Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục* Nói và nghe: Học từ bạn Viết: – Nghe – viết: *Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục* – Phân biệt: *l/n, dấu hỏi/dấu ngã*	41 42 43
	Bài 10	Đọc: *Quả hồng của thỏ con* Viết: Ôn chữ viết hoa: 𝓡, 𝓢 Luyện tập: – Từ ngữ có nghĩa giống nhau; Dấu gạch ngang – Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc	44 46 46
24	Bài 11	Đọc: *Chuyện bên cửa sổ* Nói và nghe: Kể chuyện *Cậu bé đánh giày* Viết: – Nghe – viết: *Chuyện bên cửa sổ* – Phân biệt: *iu/ưu, im/iêm*	48 49 50
	Bài 12	Đọc: *Tay trái và tay phải* Đọc mở rộng Luyện tập: – Dấu ngoặc kép; Đặt và trả lời câu hỏi *Bằng gì?* – Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe	51 53 53
25	Bài 13	Đọc: *Mèo đi câu cá* Nói và nghe: Cùng vui làm việc Viết: – Nghe – viết: *Bài học của gấu* – Phân biệt: *s/x, v/d*	55 56 57
	Bài 14	Đọc: *Học nghề* Viết: Ôn chữ viết hoa: 𝓒, 𝓤, 𝓤 Luyện tập: – Dấu gạch ngang, dấu ngoặc kép – Viết đoạn văn về ước mơ của em	58 60 60
26	Bài 15	Đọc: *Ngày như thế nào là đẹp?* Nói và nghe: Kể chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?* Viết: – Nghe – viết: *Ngày như thế nào là đẹp?* – Phân biệt: *r/d/gi; dấu hỏi/dấu ngã*	62 64 64
	Bài 16	Đọc: *A lô, tớ đây* Đọc mở rộng Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về giao tiếp; Câu kể, câu hỏi – Viết thư điện tử	66 68 68

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
27		Ôn tập giữa học kì 2	71
		ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM	
28	Bài 17	Đọc: *Đất nước là gì?* Nói và nghe: Cảnh đẹp đất nước Viết: – Nghe – viết: *Bản em* – Phân biệt: *ch/tr, ươc/ươt*	80 81 82
	Bài 18	Đọc: *Núi quê tôi* Viết: Ôn chữ viết hoa: V, X Luyện tập: – Từ ngữ có nghĩa giống nhau; Biện pháp so sánh – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật quê hương	83 84 85
29	Bài 19	Đọc: *Sông Hương* Nói và nghe: Kể chuyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* Viết: – Nghe – viết: *Chợ Hòn Gai* – Viết hoa tên riêng địa lí	87 89 90
	Bài 20	Đọc: *Tiếng nước mình* Đọc mở rộng Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về đất nước; Câu cảm, câu khiến – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một cảnh đẹp của đất nước	91 92 93
30	Bài 21	Đọc: *Nhà rông* Nói và nghe: Quê hương em Viết: – Nghe – viết: *Nhà rông* – Phân biệt: *s/x; dấu hỏi/dấu ngã*	95 96 97
	Bài 22	Đọc: *Sự tích ông Đùng, bà Đùng* Viết: Ôn chữ viết hoa: Y Luyện tập: – Dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang – Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe	98 99 100
31	Bài 23	Đọc: *Hai Bà Trưng* Nói và nghe: Kể chuyện *Hai Bà Trưng* Viết: – Nghe – viết: *Hai Bà Trưng* – Phân biệt: *ch/tr, ai/ay*	102 104 105
	Bài 24	Đọc: *Cùng Bác qua suối* Đọc mở rộng Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về lễ hội; Dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang – Viết đoạn văn về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe	106 108 108

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		TRÁI ĐẤT CỦA CHÚNG MÌNH	
32	Bài 25	Đọc: *Ngọn lửa Ô-lim-pích* Nói và nghe: Kể chuyện *Đất quý, đất yêu* Viết: – Nghe – viết: *Ngọn lửa Ô-lim-pích* – Viết hoa tên riêng nước ngoài	111 113 113
	Bài 26	Đọc: *Rô-bốt ở quanh ta* Viết: Ôn chữ viết hoa: Ă, Â, Đ, Ơ (kiểu 2) Luyện tập: – Dấu hai chấm, dấu phẩy; Đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì?* – Viết bản tin	114 115 115
33	Bài 27	Đọc: *Thư của ông Trái Đất gửi các bạn nhỏ* Nói và nghe: Môi trường của chúng ta Viết: – Nghe – viết: *Em nghĩ về Trái Đất* – Phân biệt: *r/d/gi, dấu hỏi/dấu ngã*	118 120 120
	Bài 28	Đọc: *Những điều nhỏ tớ làm cho Trái Đất* Đọc mở rộng Luyện tập: – Ôn tập các dấu câu, các kiểu câu đã học – Viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường	122 123 124
34	Bài 29	Đọc: *Bác sĩ Y-éc-xanh* Nói và nghe: Người nổi tiếng Viết: – Nghe – viết: *Bác sĩ Y-éc-xanh* – Viết hoa tên riêng nước ngoài	126 128 129
	Bài 30	Đọc: *Một mái nhà chung* Viết: Ôn chữ viết hoa: M, N, U (kiểu 2) Luyện tập: – Mở rộng vốn từ về Trái Đất; Ôn tập các kiểu câu đã học – Viết đoạn văn tả bức tranh về Trái Đất	130 131 131
35		Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 2	134

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NHỮNG SẮC MÀU THIÊN NHIÊN



Tuần 19

Bài 1

BẦU TRỜI

ĐỌC



Nói về những gì em thấy trên bầu trời.



BẦU TRỜI

Ngẩng đầu nhìn lên trời, bạn thấy gì nào? Bạn có thể thấy những con chim đang bay, những vòm cây xanh biếc, những tia nắng xuyên qua đám mây trắng muốt như bông. Đôi khi bạn còn thấy cả những giọt mưa đang rơi xuống hay đàn bướm dập dờn trong gió nhẹ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bầu trời có màu gì nhỉ? Bầu trời thường có màu xanh lơ vào ban ngày, màu đen vào ban đêm. Tuy vậy, tuỳ vào thời tiết mà bầu trời có những sắc màu khác nhau. Khi Mặt Trời chiếu vào bầu không khí chứa nhiều hơi nước sau cơn mưa, bạn sẽ nhìn thấy bảy sắc màu rực rỡ của cầu vồng.

Bầu trời bao quanh Trái Đất và cung cấp không khí cho con người, loài vật và cây cối. Vì vậy, giữ bầu trời được trong lành chính là góp phần duy trì sự sống cho muôn loài.

(Theo *Từ điển bách khoa toàn thư đầu tiên của tôi*)

Từ ngữ

Dập dờn: chuyển động nhịp nhàng, lúc lên lúc xuống, lúc gần lúc xa, lúc ẩn lúc hiện.

1. Nhìn lên bầu trời, có thể thấy những gì?
2. Màu sắc của bầu trời như thế nào?
3. Bầu trời quan trọng thế nào đối với mọi người, mọi vật?
4. Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn trong bài.

Đoạn	Ý
Đoạn 1	Tầm quan trọng của bầu trời
Đoạn 2	Những sự vật trên bầu trời
Đoạn 3	Màu sắc của bầu trời

NÓI VÀ NGHE

Bầu trời trong mắt em

Hãy ngắm nhìn bầu trời

1. Nói 3 – 5 câu về bầu trời trong ngày hôm nay.

Hãy khám phá những điều thú vị trên bầu trời

2. Nếu vẽ tranh về bầu trời, em sẽ vẽ những gì?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Nghe – viết:

Buổi sáng

Biển giấu mặt trời
Sáng ra mới thả
Quả cầu bằng lửa
Bay trên sóng xanh.

Trời như lồng bàn
Úp lên đồng lúa
Nhốt cả bầy chim
Đang còn mê ngủ.

Cỏ non sương đêm
Trổ đầy lưỡi mác
Nắng như sợi mềm
Xâu từng chuỗi ngọc.

Đất vươn vai thở
Thành khói la đà
Trời hừng bếp lửa
Xóm làng hiện ra.

(Lam Giang)

Từ ngữ

La đà: sà xuống thấp, đưa đi đưa lại một cách nhẹ nhàng.

2. Chọn *chuyền* hoặc *truyền* thay cho ô vuông.

■ tin	■ cành	■ hình	chơi ■
dây ■	■ thống	bóng ■	lan ■

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Chúng ta không thể nhìn thấy ■ân cầu vồng. Chúng ta cũng không thể ■ạm vào cầu vồng. Vì cầu vồng chỉ là ánh sáng lơ lửng ■ong không ■ung. Khi Mặt Trời ■iếu vào bầu không khí còn nhiều hơi nước sau cơn mưa, cầu vồng sẽ xuất hiện.

b. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

thát	thác	■ nước	khát	khác	■ vọng
tạt	tạc	■ tượng	vạt	vạc	■ áo



Chia sẻ với người thân về các thông tin trong bài đọc *Bầu trời*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2

MƯA

ĐỌC

Tìm lời giải cho câu đố sau:

Tôi từ trời xuống
Tôi cho nước uống
Cho ruộng dễ cày
Cho đầy dòng sông
Cho lòng đất mát.

(*Tôi là gì?*)

MƯA

Mây đen lũ lượt
Kéo về chiều nay
Mặt trời lật đật
Chui vào trong mây.

Chớp đông chớp tây
Rồi mưa nặng hạt
Cây lá xoè tay
Hứng làn nước mát.

Gió reo gió hát
Giọng trầm giọng cao
Chớp dồn tiếng sấm
Chạy trong mưa rào.

Bà xỏ kim khâu
Chị ngồi đọc sách
Me làm bánh khoai
Lửa reo tí tách.

Chỉ thương bác ếch
Lặn lội trong mưa
Xem từng cụm lúa
Phất cờ lên chưa.

(Trần Tâm)



Từ ngữ

– *Lũ lượt*: từng đoàn nối tiếp nhau không ngớt.
– *Lật đật*: có dáng vẻ vội vã, như lúc nào cũng sợ không kịp.
– *Xỏ kim*: xuyên sợi chỉ qua lỗ kim.
– *Lặn lội*: làm việc vất vả nơi ruộng đồng, sông nước.

1. Tìm từ ngữ, chỉ tiết tả cảnh vật trên bầu trời trước lúc mưa.

2. Dựa vào khổ thơ 2 và 3, em hãy tả lại từng sự vật trong mưa.

cây lá | gió | chớp

3. Buổi chiều mưa, mọi người trong gia đình làm gì?

4. Em thích khổ thơ nào nhất trong bài? Vì sao?

* Học thuộc lòng 4 khổ thơ đầu.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Ô, Ơ, U

1. Viết tên riêng: sông Ông Đốc

2. Viết câu: Ơn trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

mưa	nóng	gió	xối xả
mát rượi	nắng	bão	lũ
hạn hán	lạnh	nứt nẻ	chói chang

Từ ngữ chỉ hiện tượng tự nhiên	Từ ngữ chỉ đặc điểm
M: mưa	M: lạnh

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Ghép thẻ chữ để gọi tên các loại mưa và gió.



3. Xếp các câu dưới đây vào kiểu câu thích hợp.

Sắp mưa rồi, con cất quần áo đi!

Hãy đội mũ khi ra ngoài trời nắng!

Trời ơi! Nóng quá!

Gió thổi mát quá!

Câu cảm

Câu khiến

1. Quan sát tranh, nói nội dung từng tranh.



2. Dựa vào sơ đồ dưới đây, nói về một hoạt động ngoài trời mà em được chứng kiến hoặc tham gia.

Nói về một hoạt động ngoài trời

a. Giới thiệu về hoạt động:
- Đó là hoạt động gì? (ví dụ: tập thể dục, thi đấu thể thao, biểu diễn văn nghệ, giờ học tại vườn trường,...)
- Hoạt động diễn ra ở đâu, khi nào? Những ai tham gia?

b. Nêu diễn biến của hoạt động:
- Việc gì diễn ra đầu tiên?
- Những việc gì diễn ra tiếp theo?
- Hoạt động kết thúc như thế nào?

c. Nêu nhận xét về hoạt động.

3. Viết đoạn văn kể lại diễn biến của một hoạt động ngoài trời dựa vào những điều em đã nói ở ý b bài tập 2.

Tìm đọc bài văn, bài thơ,... về hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, gió,...).

Ví dụ:

Mèo con và hoa nắng

Sáng, mọi người đi vắng
Mình mèo con ở nhà
Ngồi bên cây, sưởi nắng
Bỗng cơn gió lướt qua.

Mèo dỏng tai nghe ngóng
Có tiếng gì lao xao?
Ngước nhìn lên cành cao:
Lá, lá xoè tay vẫy.

Chợt mèo ta nhìn thấy
Dưới cây: hoa dập dờn!
Lạ quá, chạy đến vờn
Hoa chạy lui, chạy tới.

Ô kìa, hoa đứng lại?
Mèo vội nhìn lên cây
Thì ra: gió ngừng thổi
Hoa nắng vờ ngủ say!

(Nguyễn Trọng Hoàn)

Tuần 20

Bài 3

CÓC KIỆN TRỜI

ĐỌC



Tìm lời giải cho câu đố sau:

Trông tôi xấu xí, xù xì
Đêm về người ngủ, tôi thì bắt sâu
Khi nào trời nắng quá lâu
Tôi kêu mấy tiếng, mưa đâu bay về.

(*Là con gì?*)



CÓC KIỆN TRỜI

Ngày xưa, có một năm trời nắng hạn rất lâu, ruộng đồng nứt nẻ, cây cỏ trụi trơ, chim muông khát khô cả họng.

Cóc thấy nguy quá, bèn lên thiên đình kiện Trời. Dọc đường, gặp cua, gấu, cọp, ong và cáo. Tất cả đều xin đi theo.

Đến cửa nhà Trời, chỉ thấy một cái trống to, cóc bảo:

– Anh cua bò vào chum nước này. Cô ong đợi sau cánh cửa. Còn chị cáo, anh gấu, anh cọp thì nấp ở hai bên.

Sắp đặt xong, cóc một mình bước tới, lấy dùi đánh ba hồi trống. Thấy chú cóc bé tẹo dám náo động thiên đình, Trời nổi giận, sai gà ra trị tội. Gà vừa bay đến, cóc ra hiệu, cáo nhảy xổ tới, cắn cổ gà tha đi. Trời sai chó bắt cáo. Chó mới ra tới cửa, gấu đã quật chó chết tươi. Trời càng tức, sai Thần Sét trị gấu. Thần Sét cầm lưỡi tầm sét hùng hổ đi ra, chưa kịp nhìn địch thủ, đã bị ong ở sau cửa bay ra đốt túi bụi. Thần nhảy vào chum nước, lập tức cua giơ càng ra kẹp. Thần đau quá, nhảy ra thì bị cọp vồ.

Trời túng thế, đành mời cóc vào. Cóc tâu:

– Muôn tâu Thượng đế! Đã lâu lắm rồi, trần gian không hề được một giọt nước mưa. Thượng đế cần làm mưa ngay để cứu muôn loài.

Trời sợ trần gian nổi loạn, dịu giọng nói:

– Thôi, cậu hãy về đi. Ta sẽ cho mưa xuống!

Lại còn dặn thêm:

– Lần sau, hễ muốn mưa, cậu chỉ cần nghiến răng báo hiệu cho ta, khỏi phải lên đây!

Cóc về đến trần gian thì nước đã ngập cả ruộng đồng.

Từ đó, hễ cóc nghiến răng là trời đổ mưa.

(Truyện cổ Việt Nam)

Từ ngữ

– *Thiên đình*: triều đình ở trên trời, theo tưởng tượng của người xưa.
– *Náo động*: làm ầm ĩ, ồn ào.
– *Lưỡi tầm sét*: vũ khí hình cái búa của Thần Sét.
– *Địch thủ*: người đối chọi.
– *Túng thế* (núng thế): rơi vào cảnh lúng túng, không lối thoát.
– *Trần gian*: thế giới của con người trên mặt đất.

1. Vì sao cóc lên thiên đình kiện Trời?

2. Nêu cách sắp xếp đội hình của cóc khi đến cửa nhà Trời.

3. Đội quân của cóc và đội quân nhà Trời đã giao chiến với nhau như thế nào?

M:

Cóc đánh trống.	→	Trời sai gà ra trị tội cóc.
Gà vừa bay ra.	→	Cáo nhảy xổ tới, cắn cổ gà tha đi.

4. Vì sao Trời thay đổi thái độ với cóc sau khi giao chiến?

5. Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn trong câu chuyện *Cóc kiện Trời*.

Đoạn	Ý
Đoạn 1 (từ đầu đến *xin đi theo*)	Diễn biến cuộc đấu giữa hai bên
Đoạn 2 (tiếp theo đến *bị cọp vồ*)	Kết quả cuộc đấu
Đoạn 3 (phần còn lại)	Nguyên nhân cóc kiện Trời

NÓI VÀ NGHE

1. Nói về sự việc trong từng tranh.

Cóc kiện Trời









2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Trăng trên biển

Trăng trên sông, trên đồng, trên làng quê, tôi đã thấy nhiều. Duy trăng trên biển lúc mới mọc thì đây là lần đầu tiên tôi được thấy. Đẹp quá sức tưởng tượng! Màu lòng đỏ trứng mỗi lúc một sáng hồng lên, rất trong. Càng lên cao, trăng càng nhỏ dần, càng vàng dần, càng nhẹ dần. Bầu trời cũng sáng xanh lên. Mặt nước loá sáng. Cả một vùng nước sóng sánh, vàng chói lọi.

(*Theo* Trần Hoài Dương)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.





b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *ăt* hoặc *ăc* có nghĩa như sau:

– Tàu thuyền vướng vào chỗ cạn không đi được.

– Hoạt động thu hoạch lúa.

– Làm sạch quần áo bằng cách vò, giũ trong nước.

3. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 2.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Cóc kiện Trời* và chia sẻ cảm nghĩ của em về nhân vật cóc.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4

NHỮNG CÁI TÊN ĐÁNG YÊU

ĐỌC



Dựa vào đâu người ta đặt tên cho mỗi loài vật dưới đây?
(*tiếng kêu, hình dáng, cách kiếm ăn*)









NHỮNG CÁI TÊN ĐÁNG YÊU





Buổi sáng, giun đất bò đến bên cây nấm. Chú nhìn những giọt sương mát lành đọng trên tán nấm và nghển cổ uống.

Buổi trưa, trời nắng chang chang. Kiến bò đến chân cây nấm, nằm luôn tại đó ngủ trưa.



Buổi chiều, hai chú bướm bay lượn quanh cây nấm. Chúng cứ ngắm nghía cây nấm vì thấy lạ.



Tối đến, ếch cốm đi dạo và nhìn thấy cây nấm. Lúc thấm mệt, ếch nhảy lên tán nấm ngồi nghỉ.



Đêm khuya, ánh trăng vàng trải rộng bãi cỏ xanh tươi. Nấm khẽ đung đưa, vẻ mặt nghĩ ngợi. Rồi nấm thấy thú vị, liền bật cười khúc khích.

(*Theo* Hà Nhi)

Từ ngữ

– *Bí mật*: điều cần giữ kín, không để người khác biết.

– *Nghển cổ*: vươn cao cổ lên.

1. Mỗi con vật trong câu chuyện làm gì và nói gì khi đến bên cây nấm?
2. Vì sao cây nấm lại được các con vật gọi bằng những cái tên khác nhau?
3. Cây nấm cảm thấy thế nào khi được gọi bằng nhiều tên như vậy?
4. Nói 2 – 3 câu nhận xét về hình dáng, điệu bộ và hành động của một nhân vật trong câu chuyện.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài văn, bài thơ,... về hiện tượng tự nhiên (nắng, mưa, gió,...) và viết phiếu đọc sách theo mẫu.



PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...)	– Tác giả: (...) – Hiện tượng tự nhiên được nói đến trong bài: (...)
Thông tin mới đối với em: (...)	Một số từ ngữ mới: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn một số thông tin mới mà em biết được sau khi đọc.

LUYỆN TẬP

1. Tìm trong những từ dưới đây các từ có nghĩa giống nhau.



2. Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ in đậm dưới đây:

a. Trên bãi cỏ **xanh mướt** mọc lên một cây nấm mập mạp.

b. Chiếc bàn **xinh xắn** ơi, thức uống ở đây thật ngon!

c. Hai chú bướm gọi nấm là chiếc mũ **kì lạ**.

3. Dựa vào câu chuyện *Những cái tên đáng yêu*, hỏi – đáp về thời gian các con vật xuất hiện bên cây nấm.

M:

– **Khi nào** giun đất bò đến bên cây nấm?

– **Buổi sáng**, giun đất bò đến bên cây nấm.

1. Quan sát tranh, viết đoạn văn kể lại hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.

G:





2. Trao đổi bài làm trong nhóm để sửa lỗi và bổ sung ý cần thiết.

Cùng người thân trao đổi về ý nghĩa của hoạt động mà em viết trong đoạn văn.

Tuần 21

Bài 5

NGÀY HỘI RỪNG XANH

ĐỌC

Nhìn tranh, kể tên những con vật đi dự ngày hội rừng xanh.

NGÀY HỘI RỪNG XANH

Chim gõ kiến nổi mõ
Gà rừng gọi vòng quanh
Sáng rồi, đừng ngủ nữa
Nào, đi hội rừng xanh!

Tre, trúc thổi nhạc sáo
Khe suối gảy nhạc đàn
Cây rủ nhau thay áo
Khoác bao màu tươi non.

Công dẫn đầu đội múa
Khướu lĩnh xướng dàn ca
Kì nhông diễn ảo thuật
Thay đổi hoài màu da.

Nấm mang ô đi hội
Tới suối, nhìn mê say:
Ơ kìa, anh cọn nước
Đang chơi trò đu quay!

(Vương Trọng)

Từ ngữ

- *Mõ*: nhạc cụ dân gian làm bằng tre hoặc gỗ, lòng rỗng, dùng để điểm nhịp hoặc báo hiệu, phát hiệu lệnh.
- *Lĩnh xướng*: hát đơn ca một câu, một đoạn trước hoặc sau phần hát của tập thể.
- *Ảo thuật*: làm biến hoá các đồ vật một cách nhanh và khéo léo như có phép lạ.
- *Cọn nước*: vật hình bánh xe có gắn một hệ thống ống bằng tre, nứa, có thể tự quay được nhờ sức nước, dùng để đưa nước từ suối, sông lên ruộng.

1. Các sự vật dưới đây tham gia ngày hội như thế nào?









2. Cùng bạn hỏi – đáp về hoạt động của các con vật trong ngày hội rừng xanh.

M: – Chim gõ kiến làm gì?
– Chim gõ kiến nổi mõ.

3. Bài thơ nói đến những âm thanh nào? Những âm thanh ấy có tác dụng gì?

4. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?

NÓI VÀ NGHE

Rừng

1. Nói điều em biết về rừng (qua phim ảnh, sách báo).

G: – Em biết đến khu rừng đó nhờ đâu?

– Cây cối trong khu rừng đó như thế nào?

– Trong khu rừng có những con vật gì?

– Nêu cảm nghĩ của em về khu rừng đó.



2. Trao đổi với bạn: Làm thế nào để bảo vệ rừng?

VIẾT

1. Nghe – viết:

Chim chích bông



Chích bông là một con chim bé xinh đẹp. Hai chân chích bông xinh xinh bằng hai chiếc tăm. Thế mà hai cái chân tăm ấy rất nhanh nhẹn, được việc, nhảy cứ liên liến. Hai chiếc cánh nhỏ xíu. Cánh nhỏ mà xoải nhanh vun vút. Cặp mỏ chích bông tí tẹo bằng hai mảnh vỏ trấu chắp lại. Cặp mỏ tí hon ấy gắp sâu trên lá nhanh thoăn thoắt.

(*Theo* Tô Hoài)

Từ ngữ

Liên liến: (nhảy) rất nhanh và liên tiếp không ngừng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết vào vở các địa danh có trong đoạn văn dưới đây:

Vườn Quốc gia Cúc Phương là một khu bảo tồn thiên nhiên thuộc ba tỉnh: Ninh Bình, Phú Thọ, Thanh Hoá. Đây là vườn quốc gia đầu tiên tại Việt Nam. Trung tâm vườn đặt tại xã Cúc Phương, tỉnh Ninh Bình. Vườn có hệ thực vật, động vật phong phú. Nhiều loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cũng được bảo tồn tại đây.

(Lâm Anh)

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *iêu* hoặc *ươu* thay cho ô vuông.

– Cứ ch□ ch□, bầy h□ lại rủ nhau ra suối uống nước.

– Buổi sáng, tiếng chim kh□ lảnh lót khắp rừng.

– Mặt trời ch□ những tia nắng ấm áp xuống vườn cây.

b. Tìm và gọi tên các sự vật có tiếng chứa *ât* hoặc *âc* trong tranh.



Trao đổi với người thân về một loài thú sống trong rừng (tên gọi, đặc điểm,...).

Bài 6

CÂY GẠO

ĐỌC



Nói về đặc điểm nổi bật của một loài cây mà em quan sát được.





Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim ríu rít. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. Tất cả đều lóng lánh, lung linh trong nắng. Chào mào,

sáo sậu, sáo đen,... đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. Chúng nó gọi nhau, trò chuyện, trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn mà vui không thể tưởng được. Ngày hội mùa xuân đấy!

Cây gạo già mỗi năm lại trở lại tuổi xuân, cành nặng trĩu những hoa đỏ mọng và đầy tiếng chim hót.

Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những ngày tưng bừng, ồn ã, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, trầm tư. Cây đứng im, cao lớn, hiền lành, làm tiêu cho những con đò cập bến và cho những đứa con về thăm quê mẹ.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

Từ ngữ

– *Tuổi xuân*: tuổi của sự sinh sôi và phát triển.
– *Vãn*: số lượng giảm đi, không còn như lúc đầu.
– *Tiêu*: vật cắm làm mốc để từ xa dễ nhìn thấy.

1. Vào mùa hoa, cây gạo (hoa gạo, búp nõn) đẹp như thế nào?

2. Những chi tiết nào cho thấy các loài chim đem đến không khí tưng bừng trên cây gạo?

3. Vì sao trên cây gạo lại có "ngày hội mùa xuân"?

4. Những hình ảnh nào cho thấy cây gạo mang vẻ đẹp mới khi hết mùa hoa?

5. Em thích hình ảnh cây gạo vào mùa nào? Vì sao?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: P, Q

1. Viết tên riêng: Phú Quốc

2. Viết câu: Phú Quốc – đảo ngọc xanh xanh
Trời mây non nước, đất lành trời Nam.

(Trúc Lâm)

LUYỆN TẬP

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng tươi. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh.

a. Những sự vật nào được so sánh với nhau?

b. Chúng được so sánh với nhau ở đặc điểm gì?

c. Theo em, câu văn chứa hình ảnh so sánh có gì hay?

2. Ghi kết quả bài tập 1 vào vở theo mẫu sau:

Sự vật 1	Từ so sánh	Sự vật 2
cây gạo	như	tháp đèn khổng lồ

3. Quan sát tranh, tìm những sự vật có đặc điểm giống nhau (hình dạng, màu sắc,...). Đặt câu so sánh các sự vật đó với nhau.

M: Mắt mèo tròn như hòn bi ve.



4. Cùng bạn hỏi – đáp về địa điểm diễn ra các sự việc trong đoạn văn sau:

Trên vòm cây, lũ chim sẻ đang trò chuyện ríu rít. Dưới đất, đám lá khô cuống cuồng chạy, va vào nhau sột soạt. Trước hiên nhà, tấm mành che đung đưa, lách cách. Trong nhà, em bé chợt giật mình tỉnh giấc. "Suỵt, im nào!" – Ngọn gió thầm nhắc. Và bỗng dưng tất cả dừng lại thật.

(Ngọc Minh)

M: – Lũ chim sẻ đang trò chuyện ở đâu?
– Lũ chim sẻ đang trò chuyện trên vòm cây.

1. Quan sát tranh và nêu tình cảm, cảm xúc của em về cảnh vật trong tranh:

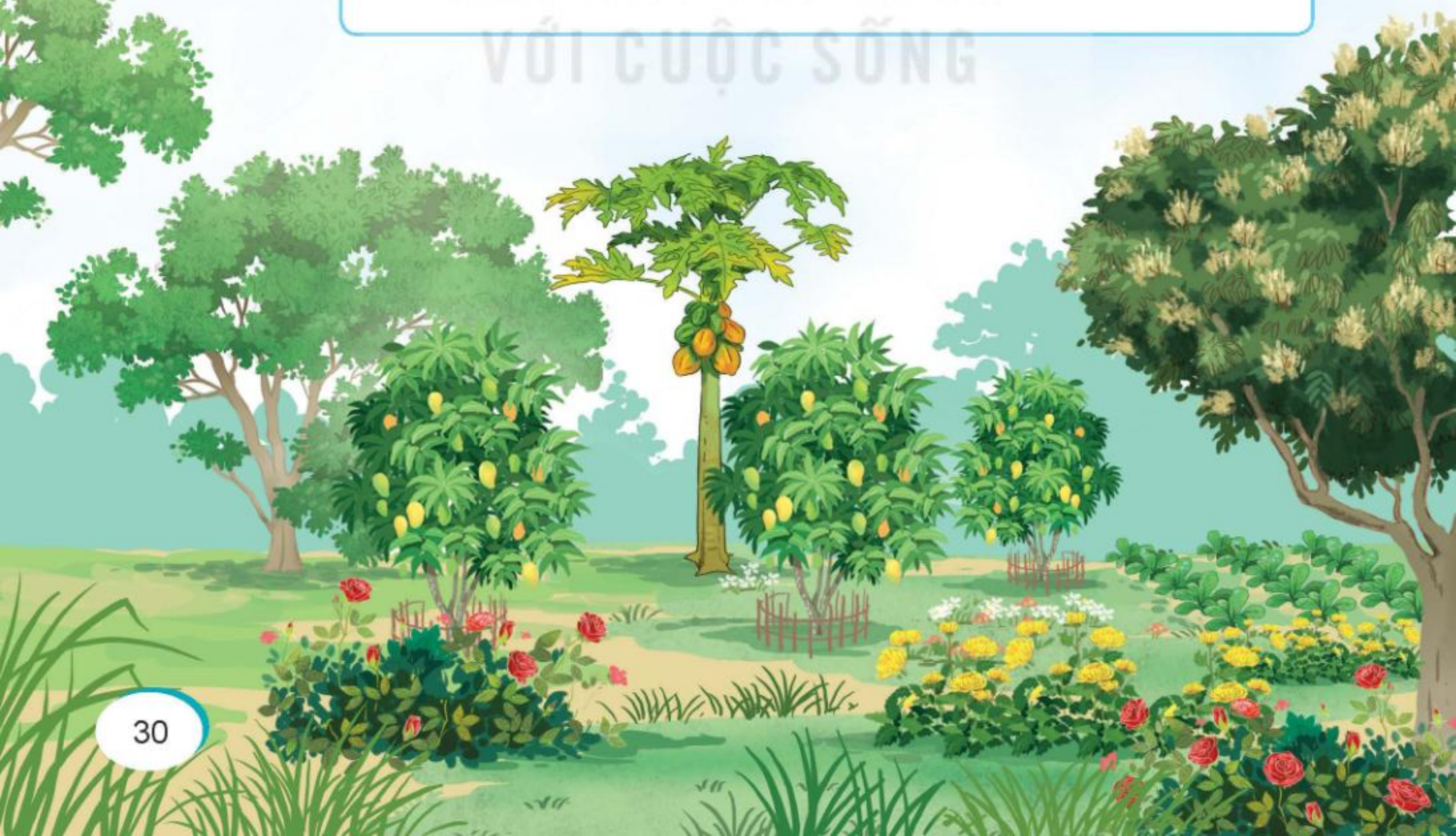
G:

Nêu tình cảm, cảm xúc về cảnh vật trong tranh

a. Giới thiệu bao quát về cảnh vật.
Ví dụ: Bức tranh vẽ khu vườn với nhiều cây trái.

b. Nêu đặc điểm nổi bật của cảnh vật.
Ví dụ: Cảnh vật có nhiều màu sắc của cây cỏ, hoa trái,...

c. Nêu tình cảm, cảm xúc của em đối với cảnh vật.
- Tình cảm, cảm xúc trước vẻ đẹp của cảnh vật.
Ví dụ: Em rất thích ngắm những quả xoài vàng ruộm,...
- Tình cảm, cảm xúc về vai trò của cảnh vật trong cuộc sống.
Ví dụ: Em yêu vườn cây vì cây cho hoa thơm, trái ngọt,...
- Tình cảm, cảm xúc khi nghĩ đến những người làm nên cảnh vật (hoặc giữ gìn, bảo vệ cảnh vật).
Ví dụ: Em rất biết ơn người trồng và chăm sóc cây cối.



2. Viết lại tình cảm, cảm xúc của em về cảnh vật theo ý c bài tập 1.

3. Đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về cây cối, muông thú,...

Ví dụ:



Tiếng vườn

Mùa xuân về lúc nào không rõ. Tôi nghe tiếng vườn gọi.

Trong vườn, cây muỗm khoe vồng hoa mới. Hoa muỗm tua tủa trổ thẳng lên trời. Hoa muỗm chính là chiếc đồng hồ mùa xuân đấy.

Hoa nhài đã trắng xoá ở bên vại nước. Hoa gọi người bằng hương, bằng sắc. Những bông hoa nhài xinh, một màu trắng tinh khôi, hương ngào ngạt, sực nức. Hoa nhài nở vào ban đêm. Mưa xuân lác đác, hoa nhài nở ra...





Khi hoa nhài nở, hoa bưởi cũng đua nhau nở. Từng chùm hoa bưởi, cánh trắng cũng chẳng kém hoa nhài, nhưng hoa bưởi lại có những tua nhị vàng ngấn lên giữa lòng hoa, chẳng khác gì những bông thuỷ tiên thu nhỏ. Hoa bưởi là hoa cây còn hoa nhài là hoa bụi. Hoa cây có sức sống mạnh mẽ. Hoa bụi có chút gì giản dị hơn. Hương toả từ những cánh hoa, nhưng hương bưởi và hương nhài chẳng bao giờ lẫn.

Mỗi thứ hoa đều có tiếng nói của riêng mình.

(*Theo* Ngô Văn Phú)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7 MẶT TRỜI XANH CỦA TÔI

ĐỌC



Quan sát tranh dưới đây và nói về loài cây em nhìn thấy trong tranh.



MẶT TRỜI XANH CỦA TÔI

Đã có ai lắng nghe
Tiếng mưa trong rừng cọ
Như tiếng thác dội về
Như ào ào trận gió.

Đã ai lên rừng cọ
Giữa một buổi trưa hè
Gối đầu lên thảm cỏ
Nhìn trời xanh, lá che.

Đã ai biết gió ấm
Thổi đến tự khi nào
Từ khi rừng cọ nở
Hoa vàng như hoa cau.

Đã có ai dậy sớm
Nhìn lên rừng cọ tươi
Lá xoè từng tia nắng
Giống hệt như mặt trời.

Rừng cọ ơi! Rừng cọ!
Lá đẹp, lá ngời ngời
Tôi yêu thường vẫn gọi
Mặt trời xanh của tôi.

(Nguyễn Viết Bình)

Từ ngữ

– *Cọ*: cây thuộc họ dừa, cao, lá to và xoè ra như hình cái quạt.

– *Hoa cau*: hoa của cây cau, có màu vàng nhạt.

1. Tiếng mưa trong rừng cọ được tả như thế nào?
2. Buổi trưa mùa hè ở rừng cọ có gì thú vị?
3. Tìm những câu thơ nói về vẻ đẹp của hoa cọ và lá cọ. Vì sao lá cọ được gọi là "mặt trời xanh"?
4. Vẻ đẹp của rừng cọ được tác giả cảm nhận bằng những giác quan nào?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.



NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh, đoán nội dung của câu chuyện.

Sự tích hoa mào gà

(Theo *Thơ, truyện cổ tích dành cho thiếu nhi*)



2. Nghe kể chuyện.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nhớ – viết: *Mặt trời xanh của tôi* (3 khổ thơ đầu).

2. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

– *dong/rong*	■ biển	■ dỏng	■ chơi	thong ■	■ rêu
– *dứt/rứt*	bứt ■	■ khoát	day ■	(khóc) rấm ■	■ điểm

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *r*, *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

Sầu ■iêng là loại trái quý của miền Nam. Hương vị của nó hết sức đặc biệt, mùi thơm đậm, bay ■ất xa, lâu tan trong không khí. Sầu ■iêng thơm mùi thơm của mít chín quyện với hương bưởi, béo cái béo của trứng gà, ngọt cái vị của mật ong ■à hạn.



(*Theo* Mai Văn Tạo)



Cây thược ■ược
Mới ■a hoa
Trận ■ó qua
Cây đổ ■ạp
Có đau lắm?
Tôi đỡ nào.

(*Theo* Ngô Quân Miện)

b. Tìm từ ngữ có tiếng chứa *in* hoặc *inh*.

M: *in*: mịn màng
inh: đủng đỉnh



Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về một loài cây (ví dụ: *Sự tích cây lúa, Sự tích cây khoai lang,…*).

Bài 8

BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN

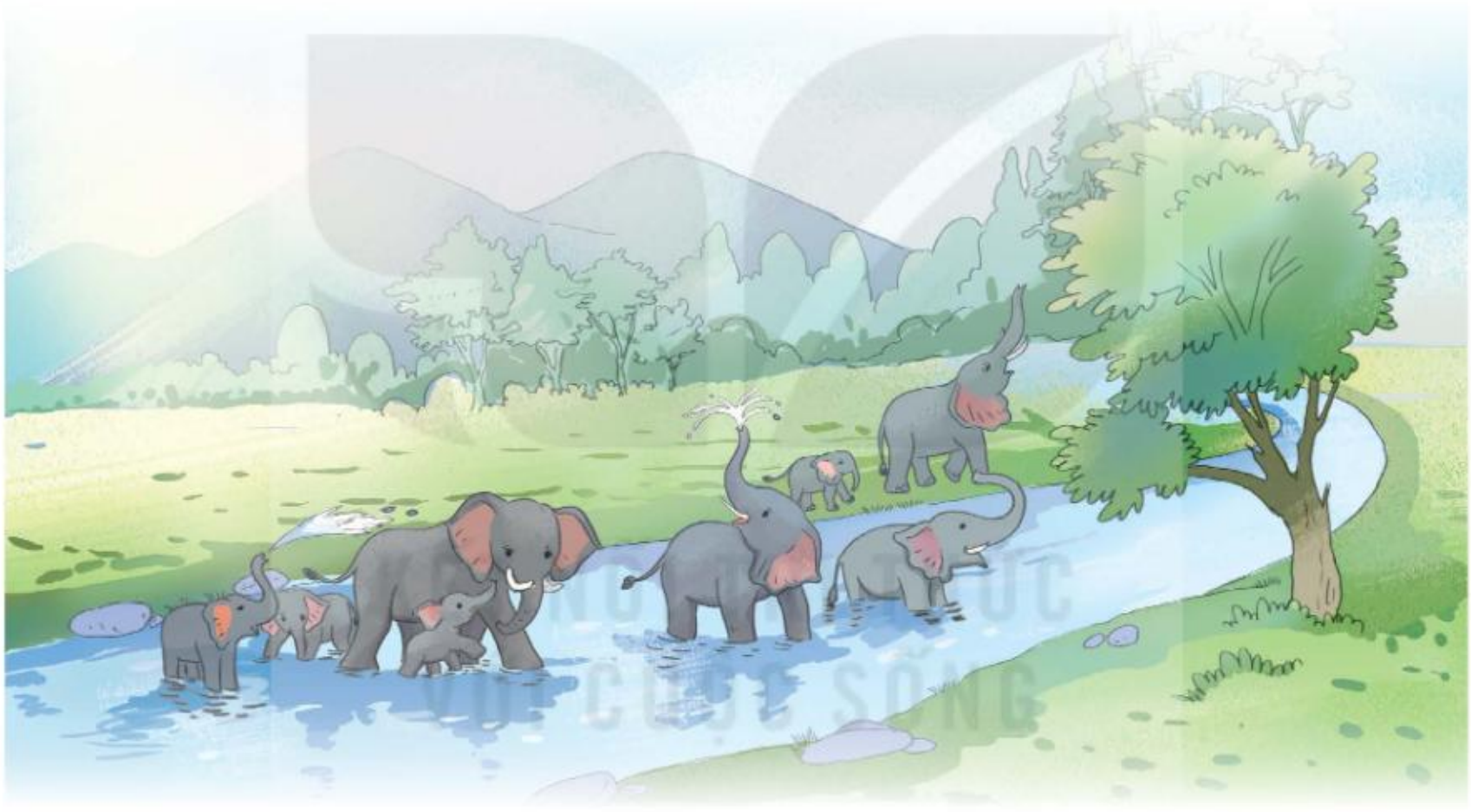
ĐỌC



Nói điều em biết về một loài vật trong rừng.



BẦY VOI RỪNG TRƯỜNG SƠN



Dãy Trường Sơn chạy dọc miền Trung nước ta. Đường lên Trường Sơn có nhiều cánh rừng hoang vu. Trong rừng, cây mọc tầng tầng lớp lớp, núi đá chen lẫn đồi cây, sương phủ quanh năm. Nơi đó có những nguồn suối không bao giờ cạn, những bãi chuối rực trời hoa đỏ, những rừng lau bát ngát, ngày đêm giũ lá rào rào,... Đó là xứ sở của loài voi.

Voi sống thành từng bầy rất đông. Chúng ăn rất khoẻ. Để nuôi sống cơ thể to lớn của mình, mỗi con voi phải ăn khoảng 150 ki-lô-gam cây cỏ mỗi ngày. Chúng phải đi liên tục để tìm cái ăn. Từ trên núi, chúng xuống đồng cỏ, rồi từ đồng cỏ, chúng lại lên núi. Buổi trưa, chúng trú nắng trong cánh rừng rậm. Chiều xuống, chúng đi tắm ở những quãng sông vắng,

rồi lại lũng thũng lên bãi tìm thức ăn. Vào lúc rạng sáng và chiều tà, chúng rống rền vang, oai nghiêm và đầy uy lực.

Voi là loài vật thông minh, có tình nghĩa. Chúng tận tâm và thương mến nhau chẳng khác gì con người. Một con đau yếu thì cả bầy biếng ăn, ngơ ngác. Một con sa bẫy thì cả bầy tìm cách cứu giúp, dù có phải chịu đói khát hoặc tạm dừng chuyến đi.

(*Theo* Vũ Hùng)

Từ ngữ

- *Tầng tầng lớp lớp*: (cây) mọc rậm rạp, cây cao cây thấp, nối tiếp nhau.
- *Rống*: kêu to, vang và kéo dài (thường nói về một số loài thú).

1. Tìm những câu văn miêu tả rừng Trường Sơn (nơi ở của loài voi).
2. Dựa vào tranh và nội dung bài đọc, kể lại hoạt động thường ngày của loài voi.



3. Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài.

Mô tả hoạt động thường ngày của loài voi	Giới thiệu nơi ở của loài voi	Cảm nghĩ về loài voi

4. Nêu những đặc điểm của loài voi. Em thích nhất đặc điểm nào của chúng?
5. Bài đọc giúp em biết thêm điều gì về loài voi?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về cây cối, muông thú,... và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...)	– Tác giả: (...) – Tên cây hoặc con vật trong bài: (...)
Chi tiết thú vị về cây hoặc con vật: (...)	Vẽ cây hoặc con vật trong bài theo tưởng tượng của em: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với các bạn thông tin thú vị về thế giới thiên nhiên trong bài đã đọc hoặc bức tranh em vẽ.



LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

mênh mông | núi | uốn lượn | ruộng bậc thang | thác nước | ngoằn ngoèo | trắng xoá | suối | sừng sững | rừng | gập ghềnh | quanh co

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
M: núi	M: sừng sững

2. Đặt 2 – 3 câu với từ ngữ ở bài tập 1.

M: Ngọn núi sừng sững.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Nhìn tranh, đặt và trả lời câu hỏi *Ở đâu?*.

M: – Cú mèo làm tổ **ở đâu**?

– Cú mèo làm tổ **trong hốc cây**.



4. Dựa vào đoạn thơ dưới đây, đặt và trả lời câu hỏi *Khi nào?*.

Rùa con đi chợ đầu xuân
Mới đến cổng chợ bước chân sang hè
Chợ đông hoa trái bộn bề
Rùa mua hạt giống đem về trồng gieo.
Mua xong chợ đã vãn chiều
Heo heo gió thổi cánh diều mùa thu
Đường dài chẳng ngại nắng mưa
Kịp về tới cửa trời vừa sang đông.

(Mai Văn Hai)

M: – Rùa con đi chợ **khi nào**?

– Rùa con đi chợ **đầu xuân**.

1. Em thích cảnh vật nào trong các bức ảnh dưới đây? Vì sao?



2. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật em yêu thích.

G:

– Cảnh vật em yêu thích là gì, ở đâu?

– Đặc điểm nổi bật của cảnh vật đó là gì? Điều gì khiến em ấn tượng nhất?

– Khi ngắm nhìn cảnh vật đó, em có cảm nghĩ như thế nào? (yêu vẻ đẹp của cảnh vật, biết ơn những người khám phá, giữ gìn cảnh vật,...)

3. Trao đổi bài làm với bạn để sửa lỗi và bổ sung ý hay.

G:

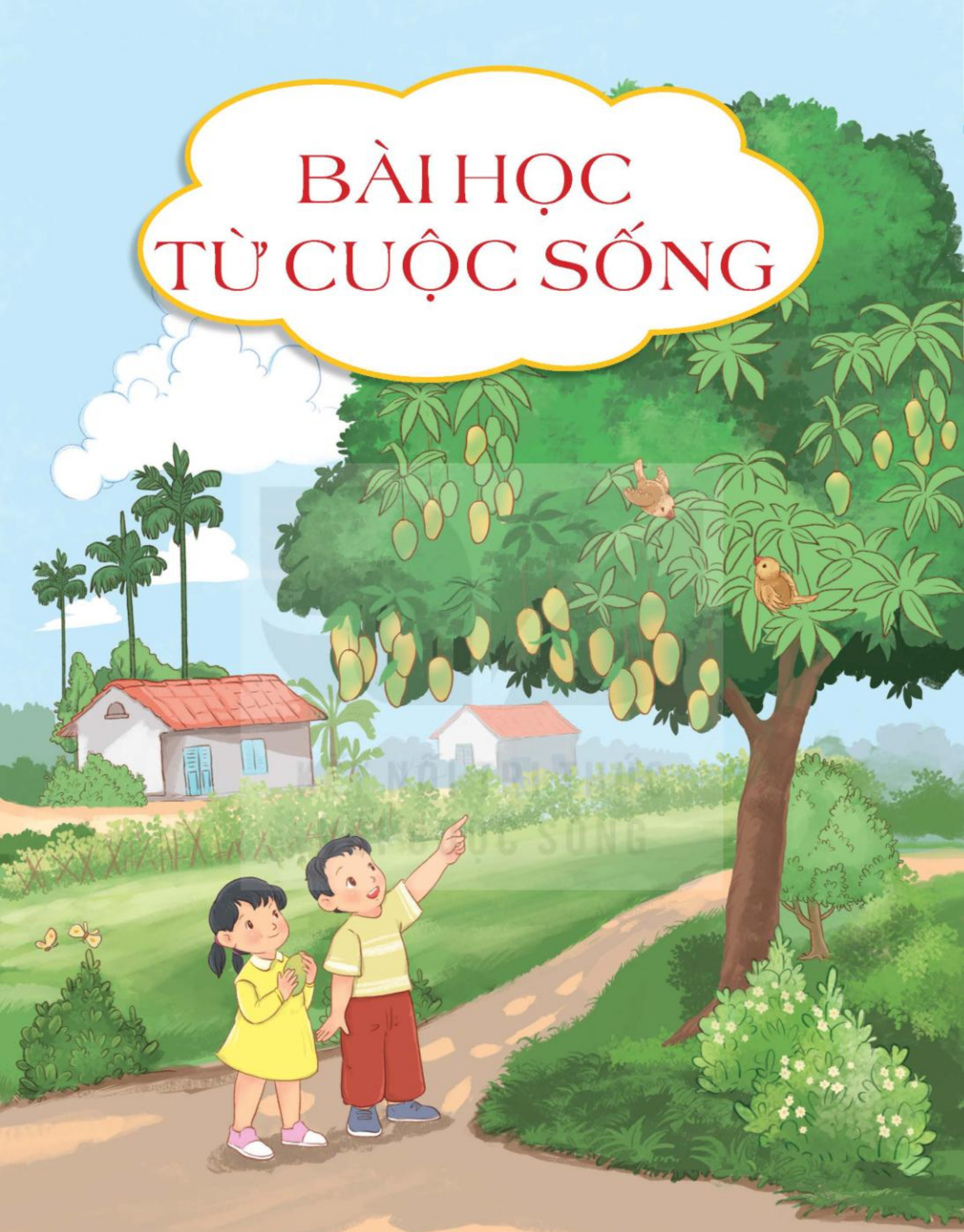
– Em ghi lại ý kiến các bạn góp ý cho đoạn văn của em.

– Chỉnh sửa, bổ sung ý hay cho đoạn văn dựa trên các góp ý em cho là đúng.



Trao đổi với người thân để biết thêm cảnh đẹp của đất nước.

BÀI HỌC TỪ CUỘC SỐNG



Bài 9

LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC

ĐỌC

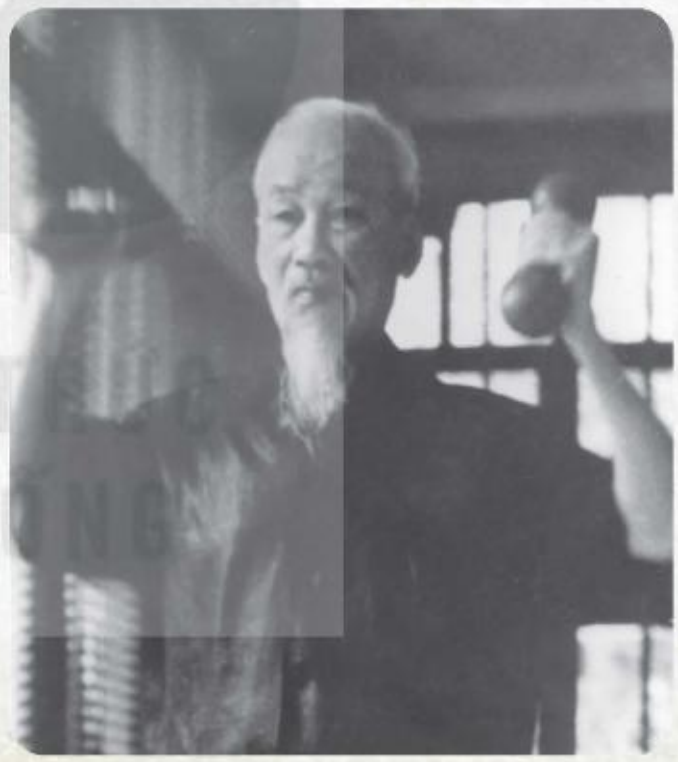


Em cảm thấy thế nào sau khi tham gia một hoạt động thể thao?



LỜI KÊU GỌI TOÀN DÂN TẬP THỂ DỤC

(Trích)



Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khoẻ mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khoẻ là cả nước mạnh khoẻ.

Vậy nên luyện tập thể dục, bồi bổ sức khoẻ là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được. Ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khoẻ.

Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập.

Ngày 27 – 3 – 1946

Hồ Chí Minh

Từ ngữ

- *Dân chủ*: chế độ xã hội đảm bảo quyền làm chủ của người dân.
- *Bồi bổ*: làm cho khoẻ mạnh hơn.
- *Bổn phận*: việc phải làm.
- *Khí huyết*: hơi sức và máu, tạo nên sức sống của con người.
- *Lưu thông*: thông suốt, không bị ứ đọng.

1. Bác Hồ đã khẳng định sức khoẻ cần thiết thế nào trong xây dựng và bảo vệ đất nước?
2. Để có sức khoẻ, mỗi người dân cần làm gì?
3. Câu nào trong bài cho thấy tấm gương tập thể dục của Bác?
4. Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn trong bài.

Đoạn	Ý
Đoạn 1	Kêu gọi toàn dân tập thể dục
Đoạn 2	Sự cần thiết của sức khoẻ
Đoạn 3	Lợi ích của tập thể dục

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

Học từ bạn

1. Kể về những điều em học được từ bạn.

G:

- Em học được điều gì từ bạn?
- Em học từ bạn nào?
- Vì sao em học bạn điều đó?



2. Khi học được điều hay từ bạn, em cảm thấy thế nào?

VIẾT

1. Nghe – viết: *Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục* (từ đầu đến *người yêu nước*).

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.



■i ti sắc tím
■ăm cánh ■ưu li
Bông ■ựu thắp ■ửa
Đỏ hoa ngày hè.

Mành mành buông đỏ
Như bánh pháo hồng
Mùa hoa liễu ■ở
Mùa hoa ■ộc vừng.

Trắng muốt trắng muốt
Như chùm pháo hoa
■à bông hoa náng
Dựng ô trước nhà.
(*Theo* Nguyễn Khắc Hào)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

bụ **bâm**	**khoe** khoắn	mơn **mơn**	xối **xa**
chập **chưng**	**phăng** phiu	**vây** vùng	**nghi** ngợi

3. Tìm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *l*, *n* (hoặc tiếng chứa *dấu hỏi*, *dấu ngã*).

Trao đổi với người thân về ích lợi của việc tập thể dục hằng ngày.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 10

QUẢ HỒNG CỦA THỎ CON

ĐỌC



Theo em, sóc sẽ làm thế nào trong tình huống dưới đây?

Cả buổi sáng, sóc mới kiếm được một hạt dẻ. Vừa định thưởng thức món ngon đó thì sóc nhìn thấy nhím đang ủ rũ vì đói.



QUẢ HỒNG CỦA THỎ CON

Thỏ con phát hiện ra cây hồng. Cây chỉ có một quả, quả lại còn xanh. Thỏ nghĩ: "Chờ hồng chín, mình sẽ thưởng thức vị ngọt lịm của nó.". Hằng ngày, thỏ chăm chỉ tưới nước cho cây. Ít lâu sau, quả hồng ngả vàng, rồi đỏ. Thỏ kiên nhẫn đứng đợi quả rơi xuống, vì nó không biết trèo cây.

Vừa lúc đó, có đàn chim bay đến, định ăn quả hồng. Thỏ hốt hoảng kêu lên:

– Hồng của tớ!

Thấy vậy, đàn chim cầu khẩn:

– Cho chúng tớ ăn nhé. Chúng tớ đói lả rồi.

Thỏ suy nghĩ một lát rồi đồng ý. Đàn chim ríu rít mổ ăn quả hồng.

Thỏ liếm môi, hỏi với lên:

– Hồng ngọt giống dưa hấu hay mật ong?

Đàn chim ngạc nhiên:

– Cậu chưa ăn hồng bao giờ à?



Thỏ đỏ mặt lắc đầu. Đàn chim ái ngại:

– Đúng ra, chúng tớ không nên ăn hồng của cậu.

Thỏ nói:

– Tớ ăn, chỉ một mình tớ no bụng. Các cậu ăn thì cả đàn no bụng.

Đàn chim xúc động, cảm ơn thỏ rồi bay đi.

Vài ngày sau, thỏ đang ngồi nghỉ thì đàn chim lại bay đến:

– Chúng tớ tìm cậu mấy ngày nay. Này cậu, bên kia sườn núi có cây hồng đầy quả chín.

Rồi đàn chim đưa thỏ đến chỗ cây hồng lúc lỉu quả. Chúng tíu tít mổ nhiều quả chín mọng xuống cho thỏ. Đúng là một cơn mưa hồng!

(*Theo* Hà Nhi)

Từ ngữ

– *Cầu khẩn*: tha thiết xin người khác điều gì đó.

– *Đói lả*: đói đến mức không thể đứng vững.

– *Lúc lỉu*: (chùm quả) sai trĩu xuống.

– *Tíu tít*: vẻ bận rộn, tất bật của nhiều người.



1. Khi nhìn thấy cây hồng có quả xanh, thỏ con đã nghĩ gì và làm gì?

2. Chuyện gì xảy ra khi thỏ đứng đợi quả hồng rụng xuống?

3. Vì sao thỏ nhường quả hồng cho đàn chim?

4. Kết hợp ý ở cột A với ý ở cột B sao cho phù hợp với nội dung bài đọc.

A	B
Đàn chim ngạc nhiên	khi thấy thỏ muốn chúng được no bụng.
Đàn chim ái ngại	khi đã ăn mất quả hồng của thỏ.
Đàn chim xúc động	khi thấy thỏ chưa được ăn hồng bao giờ.

5. Câu chuyện trên muốn nói với em điều gì?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: R, G

1. Viết tên riêng: Ghềnh Ráng

2. Viết câu: Về thăm Bình Định quê ta

Không quên Ghềnh Ráng, Tiên Sa hữu tình.

(Phạm Tuấn Mạnh)

Bình Định: nay thuộc tỉnh Gia Lai.

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ in đậm dưới đây:

Hằng ngày, thỏ **chăm chỉ** tưới nước cho cây. Ít lâu sau, quả hồng ngả vàng, rồi đỏ. Thỏ **kiên nhẫn** đứng đợi quả rơi xuống, vì nó không biết trèo cây.

2. Dựa vào tranh, tìm 2 – 3 từ chỉ màu xanh. Đặt câu với từ em tìm được.

M: Mặt biển **xanh biếc**.



3. Lời nói của thỏ con và đàn chim trong đoạn văn dưới đây được đánh dấu bằng dấu câu nào? Nêu vị trí của dấu câu đó.

Vừa lúc đó, có đàn chim bay đến, định ăn quả hồng. Thỏ hốt hoảng kêu lên:

– Hồng của tớ!

Thấy vậy, đàn chim cầu khẩn:

– Cho chúng tớ ăn nhé. Chúng tớ đói lả rồi.

1. Đọc lời tranh luận của các bạn trong tranh và phát biểu ý kiến của em về thỏ con.



2. Viết đoạn văn nêu lí do em thích (hoặc không thích) một nhân vật trong câu chuyện *Quả hồng của thỏ con*.

3. Đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về một việc làm tốt.

Ví dụ:

Vị khách tốt bụng

Một du khách nhìn thấy một bà cụ đứng bên bờ suối. Bà lão đang lo lắng vì chưa có cách nào qua suối. Chẳng là vừa có trận mưa nên suối còn ngập nước. Người khách hỏi:

– Bà ơi, bà có muốn con cõng bà vượt suối không?

Bà lão ngạc nhiên và lặng lẽ gật đầu. Du khách cõng bà qua suối. Sang tới bờ, anh cũng thấy thấm mệt. Anh thấy bà lão quay lại nhìn mình, gật gật đầu, rồi rời đi mà chẳng cảm ơn anh một lời. Anh thoáng buồn. Anh không mong bà báo đáp, nhưng nghĩ rằng: Ít ra, bà cũng nên nói với anh đôi lời, bày tỏ sự cảm kích.

Một giờ sau, vị du khách đã đi được quãng đường khá xa. Thật là một hành trình gian nan với anh. Chân của anh đang bị côn trùng cắn sưng tấy. Vừa lúc đó, một thanh niên đuổi kịp anh, vừa nói vừa thở hổn hển: "Cảm ơn anh đã giúp bà tôi. Bà bảo anh sẽ cần những thứ này và muốn tôi mang chúng đến cho anh.". Nói đoạn, cậu ấy lấy một ít thức ăn và thuốc men trong túi ra đưa cho du khách tốt bụng. Vị du khách không ngừng cảm ơn anh thanh niên. Sau đó, người thanh niên kể: "Bà của tôi không nói được. Vì vậy, bà muốn tôi thay mặt bà để cảm ơn anh!".

(Theo *Truyện dân gian nước ngoài*)

Tuần 24

Bài 11

CHUYỆN BÊN CỬA SỔ

ĐỌC



Nếu thấy một chú chim đậu bên cửa sổ lúc mưa rét, em sẽ làm gì để giúp chú chim đó?



CHUYỆN BÊN CỬA SỔ



Ngày xưa, nơi ấy là rừng. Còn ngày nay, khu rừng ấy đã hết cây. Thay vào đó là những ngôi nhà tầng có sân thượng.

Cây cối ít nên vắng bóng chim. Khu nhà xây đã lâu, nay mới thấp thoáng mấy con chim sẻ lách chách bay đến. Chúng ẩn vào các hốc tường, lỗ thông hơi, cửa ngách để trú chân, làm tổ. Bầy chim rụt rè sà xuống những chậu cây cảnh.

Ở ngôi biệt thự ba tầng kia, có một cậu bé đã nhìn thấy bầy chim sẻ. Không hiểu vì thích quá hay là đùa nghịch, cậu đã lên sân thượng cầm sỏi ném lũ sẻ. Con nọ theo con kia bay sang nhà khác. Bẵng đi một vài tuần, chẳng may cậu bé bị ốm. Lúc đã đỡ, phải ở nhà một mình, buồn quá, cậu bé ra ngồi bên cửa sổ. Nhìn sang sân thượng nhà bên, cậu thấy có đàn chim sẻ léo nhéo đến là nhộn. Con bay, con nhảy, có con nằm lăn ra giũ cánh, rồi mổ đùa nhau... nom vui quá.

Bấy giờ cậu bé mới ngẩn người nhớ ra: "Đáng lẽ lũ chim ấy đã ở trên sân thượng nhà mình.".

(*Theo* Phong Thu)

Từ ngữ

- *Lách chách*: tiếng chim kêu khẽ nghe rất vui.
- *Bẵng*: im bặt, vắng bặt.
- *Léo nhéo*: tiếng gọi nhau từ xa, không rõ nhưng liên tiếp.
- *Nhộn*: vui và có chút ồn ào.

1. Nơi ngày xưa là khu rừng, bây giờ đã thay đổi như thế nào?
2. Tìm những câu miêu tả sự xuất hiện của đàn chim ở khu nhà tầng.
3. Lần đầu nhìn thấy bầy chim sẻ, cậu bé đã làm gì? Kết quả của việc làm đó thế nào?
4. Sau khi bị ốm, cậu bé nhìn thấy gì ở sân thượng nhà bên? Cậu nghĩ thế nào khi nhìn thấy cảnh đó?
5. Theo em, cậu bé hiểu được gì từ những việc đã làm và những điều đã thấy?

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Cậu bé đánh giày

(*Theo* Thanh Trúc *sưu tầm, biên dịch*)



Tại ga xe lửa, cậu bé đánh giày hỏi xin ông Oan-tơ điều gì?



Khi cho cậu bé tiền, ông Oan-tơ đã nghĩ gì về cậu?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Ông Oan-tơ ngạc nhiên vì điều gì khi đi qua ga xe lửa lần thứ hai?



Cuối cùng, ông Oan-tơ nghĩ thế nào về cậu bé?

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Chuyện bên cửa sổ* (từ *Bẵng đi một vài tuần* đến *vui quá*).

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *iu* hoặc *ưu* thay cho ô vuông.

– Gió h□ h□ thổi.

– Chúng em l□ luyến chia tay cô giáo.

– Lửa cháy liu r□.

– Ông em có bộ s□ tập tem thư.

b. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

tim	tiêm	□ phòng	phiếm	phím	bàn □
xim	xiêm	dừa □	kìm	kiềm	□ chế
lìm	liềm	lưỡi □	diêm	dim	lim □

3. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 2.



Kể cho người thân nghe câu chuyện *Cậu bé đánh giày* và chia sẻ suy nghĩ của em về cậu bé.

Bài 12

TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI

ĐỌC

Kể tên một số trò chơi cần có ít nhất 2 người tham gia.



TAY TRÁI VÀ TAY PHẢI



Từ trước đến giờ, tay trái và tay phải luôn là hai người bạn thân thiết của nhau. Một hôm, tay phải xách một chiếc túi nặng, mệt quá, nó liền trách tay trái:

– Cậu thật là sướng, chẳng phải làm việc nặng nhọc. Còn tớ thì việc gì cũng phải làm. Từ việc xúc cơm, cầm bút, rồi quét nhà,... đều đến tớ cả.

Nghe bạn nói vậy, tay trái buồn bã, chẳng nói gì. Nó lẳng lặng ngoảnh mặt đi chỗ khác và tự nhủ sẽ không giúp tay phải việc gì nữa.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Sáng hôm sau, tay phải thực hiện nhiệm vụ đánh răng. Nhưng tay trái đã giận tay phải mất rồi. Tay phải bận cầm bàn chải nên không sao cầm được cốc nước nữa. Đến lúc cài khuy áo, cũng thật khó khăn, cứ phải loay hoay với một tay. Khi cần vẽ tranh thì hết chịu nổi! Chỉ có một tay cầm bút màu, không có tay nào để giữ giấy. Tay phải hối hận lắm, liền xin lỗi tay trái.

Thế là tay phải và tay trái lại cùng nhau làm việc. Việc gì cũng hoàn thành một cách nhanh chóng. Tay phải thốt lên:

– Cậu và tớ đều quan trọng như nhau. Nếu không có cậu thì có nhiều việc, một mình tớ không thể nào làm được.

(*Theo* Lý Thị Minh Hà)

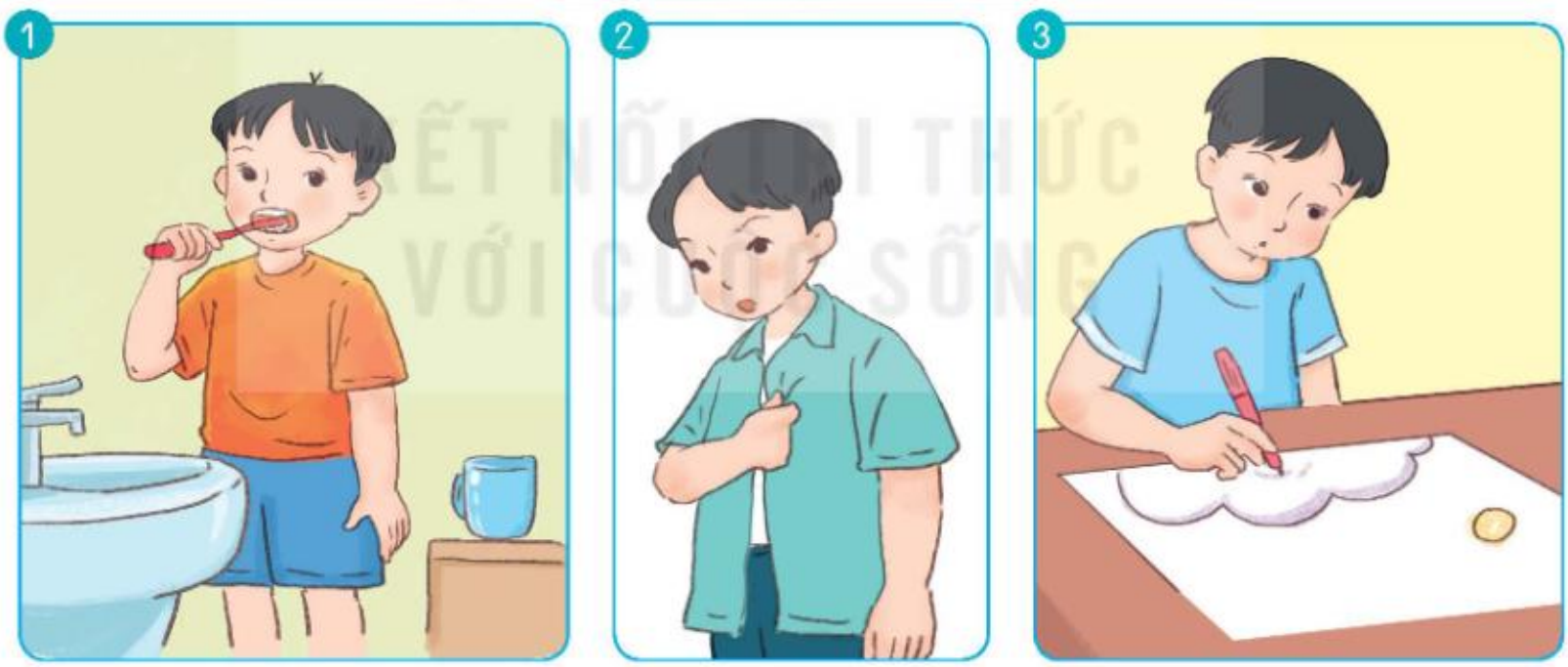
Từ ngữ

– *Khuy áo*: cúc áo.

– *Loay hoay*: làm việc gì đó một cách khó khăn, chật vật, mất nhiều thời gian.

1. Tay phải trách tay trái chuyện gì?

2. Không có tay trái giúp đỡ, tay phải gặp những khó khăn gì?



3. Câu văn nào thể hiện suy nghĩ và hành động của tay phải khi làm việc một mình?

4. Tay phải đã nhận ra điều gì khi làm việc cùng với tay trái?

5. Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ về một việc làm tốt và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (…) – Tên bài: (…)	– Tác giả: (…) – Nhân vật chính: (…)
Việc làm tốt của nhân vật: (…)	Cảm nghĩ của em về nhân vật: (…)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn về việc làm tốt của nhân vật trong bài đã đọc.

LUYỆN TẬP

1. Dấu câu nào được dùng để đánh dấu lời đối thoại của các nhân vật trong đoạn văn dưới đây?

Gần trưa, ông ngoại về đến nhà. Ông khoe với Diệp: "Hôm nay, ông đăng kí học lớp tiếng Anh rồi nhé!". Diệp tròn mắt: "Ông nhiều tuổi sao còn học ạ?". Ông bảo: "Trẻ, già đều cần học cháu ạ!". Diệp thắc mắc: "Thế nếu phải họp phụ huynh thì ai sẽ đi họp cho ông ạ?".

(*Theo* Khánh Toàn)



2. Ghép ý ở cột A với ý phù hợp ở cột B để tạo câu.

A	B
Học sinh thường đến trường	bằng điện thoại.
Chúng ta có thể nói chuyện với nhau	bằng thuỷ tinh.
Bình nước được làm	bằng xe đạp.

3. Dựa vào tranh, đặt và trả lời câu hỏi *Bằng gì?*.

a. Về chất liệu.

M: – Cái túi được làm **bằng gì**?

– Cái túi được làm **bằng giấy**.






b. Về công cụ.

M: – Bạn nhỏ đánh răng **bằng gì**?

– Bạn nhỏ đánh răng **bằng bàn chải**.






1. Viết đoạn văn nêu lí do vì sao em thích (hoặc không thích) một nhân vật trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

G:

– Tên câu chuyện là gì?

– Nhân vật được nói đến là ai?

– Nhân vật đó có đặc điểm (hình dáng, lời nói, tính nết,...) thế nào?

– Em thích (hoặc không thích) điều gì ở nhân vật đó? Vì sao?

2. Trao đổi bài làm trong nhóm để góp ý và sửa lỗi. Bình chọn các đoạn văn hay.

Hỏi người thân về chất liệu của một số đồ dùng trong nhà.

Tuần 25

Bài 13

MÈO ĐI CÂU CÁ

ĐỌC



Kể về một lần em hoặc bạn mải chơi nên quên việc cần làm.



MÈO ĐI CÂU CÁ

(Trích)

Anh em mèo trắng
Vác giỏ đi câu
Em ngồi bờ ao
Anh ra sông cái.

Hiu hiu gió thổi
Buồn ngủ quá chừng
Mèo anh ngả lưng
Ngủ luôn một giấc
Lòng riêng thầm nhắc
Đã có em rồi.

Mèo em đang ngồi
Thấy bầy thỏ bạn
Đùa chơi múa lượn
Vui quá là vui.

Mèo nghĩ: Ồ thôi
Anh câu cũng đủ
Nghĩ rồi hớn hở
Nhập bọn vui chơi.

Lúc ông mặt trời
Xuống núi đi ngủ
Đôi mèo hối hả
Quay về lều tranh
Giỏ em, giỏ anh
Không con cá nhỏ...

(Thái Hoàng Linh)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Từ ngữ

– *Sông cái*: sông lớn.

– *Hớn hở*: nét mặt tươi tỉnh, lộ rõ vẻ vui mừng.

– *Hối hả*: rất vội vã.

– *Lều tranh*: kiểu nhà sơ sài, làm bằng cỏ tranh, tre, nứa, lá,…

1. Anh em mèo trắng làm việc gì? Ở đâu?
2. Vì sao mèo anh ngả lưng ngủ luôn một giấc?
3. Khi nhìn bầy thỏ vui chơi, mèo em nghĩ gì?
4. Kết quả buổi đi câu của anh em mèo trắng thế nào? Vì sao lại có kết quả đó?



5. Chọn lời khuyên mà bài thơ *Mèo đi câu cá* muốn gửi gắm (hoặc nêu ý kiến khác của em).

- Không ngủ gật khi làm việc.
- Không câu cá ở sông hồ.
- Không ỷ lại vào người khác.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

Cùng vui làm việc

1. Nói về các hoạt động của các bạn trong tranh. Em đoán xem các bạn cảm thấy thế nào khi làm việc cùng nhau.



2. Trao đổi với bạn: Để làm việc nhóm hiệu quả, cần lưu ý những gì?

VIẾT

1. Nghe – viết:

Bài học của gấu

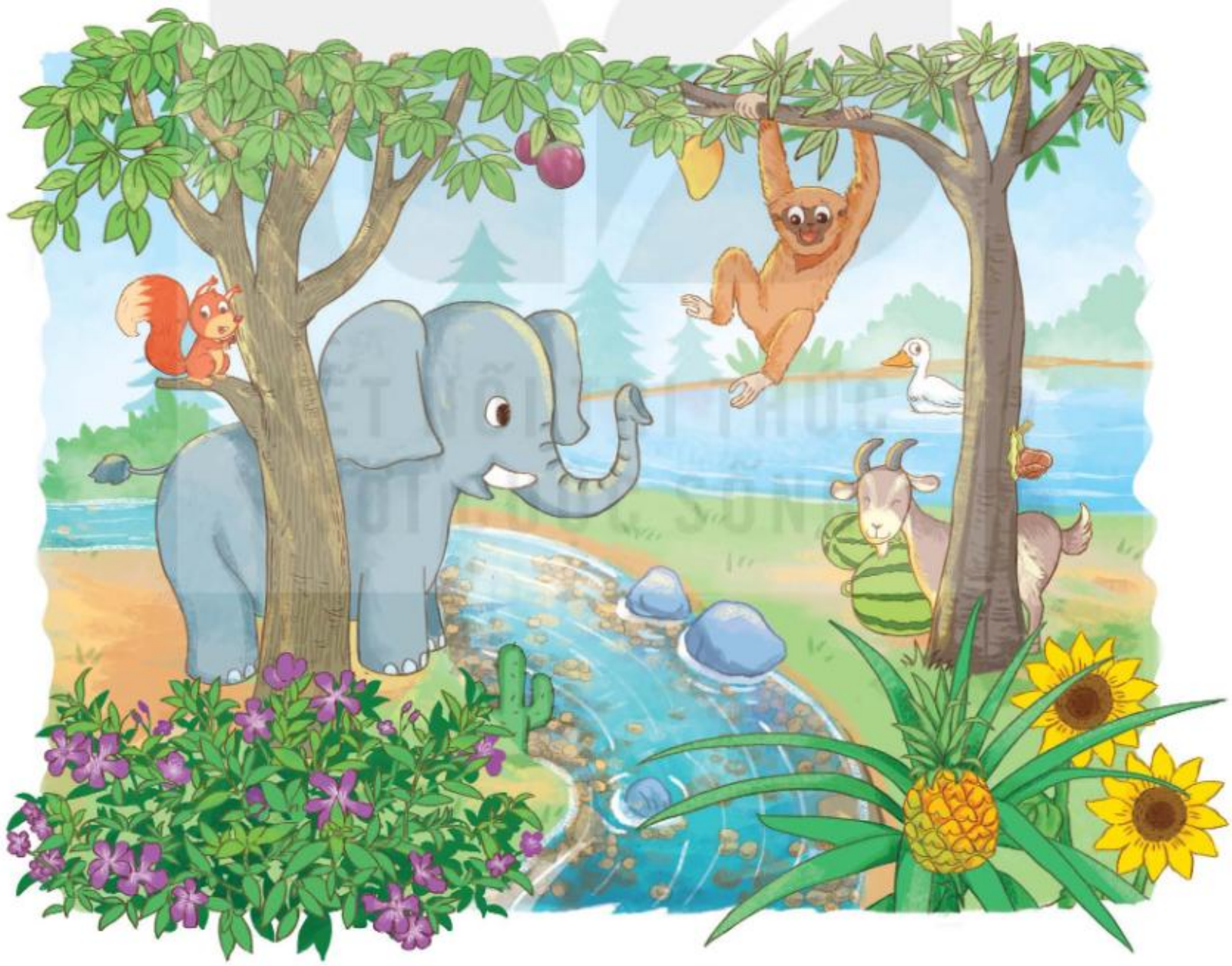
Có một chú gấu rất thích được làm con vật khác. Thấy chuột đứng chống đuôi xuống đất, gấu làm theo nhưng đau điếng, khóc thét. Thấy hươu chạy nhanh, gấu lạch bạch chạy cùng và bị ngã nhào. Thấy chim bay giỏi, gấu trèo lên mô đất cao, dang tay nhao xuống và rơi huỵch. Thế là từ đó, gấu chỉ muốn là gấu thôi.

(*Theo* Bùi Việt Hà)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x*.

b. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng *v* hoặc *d*.



3. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 2.

Kể với người thân về một việc em làm cùng các bạn và thấy rất vui.

Bài 14

HỌC NGHỀ

ĐỌC

Sắp xếp các tranh dưới đây theo trình tự hợp lí.





HỌC NGHỀ

Hè năm ấy, Va-li-a theo bố mẹ đi xem xiếc. Em thích nhất tiết mục "Cô gái phi ngựa đánh đàn". Va-li-a nghĩ: "Cô ấy thật xinh đẹp và dũng cảm!". Và em mơ ước trở thành diễn viên phi ngựa.

Dịp may đã đến. Rạp xiếc cần tuyển diễn viên, Va-li-a xin bố mẹ ghi tên học. Em gặp ông giám đốc và nói:

– Xin bác nhận cháu vào học tiết mục "Phi ngựa đánh đàn".

– Được!

Ông giám đốc nhìn em cười:

– Thế cháu biết phi ngựa chưa?

– Dạ, chưa. Nhưng cháu rất thích và sẽ học được ạ.

– Tốt! Bây giờ, cháu cầm cái chổi kia theo bác.





Va-li-a theo ông giám đốc ra chuồng ngựa. Ông giám đốc nói:

– Việc trước tiên của cháu là quét chuồng ngựa và làm quen với con ngựa này, bạn biểu diễn của cháu đấy.

Va-li-a rất ngạc nhiên. Em suy nghĩ rồi cầm chổi quét phân và rác bẩn trên sàn chuồng ngựa.

Va-li-a đã giữ chuồng ngựa sạch sẽ và làm quen với chú ngựa trong suốt thời gian học.

Ông giám đốc gật đầu cười bảo Va-li-a:

– Công việc của diễn viên phi ngựa đánh đàn bắt đầu thế đấy, cháu ạ. Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên…

Về sau, Va-li-a trở thành một diễn viên như em hằng mong ước.

(Theo *Tiếng Việt 3*, 1985)

1. Đi xem xiếc về, Va-li-a mơ ước điều gì?

2. Việc đầu tiên Va-li-a được giao khi vào học ở rạp xiếc là gì?

3. Vì sao ông giám đốc lại giao cho Va-li-a việc đó?

Vì ông đang cần người quét dọn chuồng ngựa.	Vì ông muốn Va-li-a được gần gũi, làm quen và chăm sóc chú ngựa diễn.	Vì ông không muốn dạy Va-li-a biết phi ngựa đánh đàn.

4. Câu chuyện kết thúc như thế nào?

5. Theo em, câu "Cái tháp cao nào cũng phải bắt đầu xây từ mặt đất lên…" ý nói gì?

- Va-li-a sẽ còn phải học xây tháp.
- Việc xây một toà tháp cao rất khó khăn.
- Muốn làm được việc lớn, cần biết làm tốt những việc nhỏ.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Ê, U, Ư

1. Viết tên riêng: Út Trà Ôn

2. Viết câu: Cần Thơ gạo trắng nước trong
Ai đi đến đó lòng không muốn về.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

1. Tìm những câu có sử dụng *dấu gạch ngang* ở đầu dòng trong bài *Học nghề*.

2. *Dấu gạch ngang* trong những câu em tìm được dùng để làm gì?

3. Tìm những lời đối thoại có trong câu chuyện sau. Theo em, cần sử dụng dấu câu nào để đánh dấu lời đối thoại của nhân vật?

Nhà bác học không ngừng học

Khi đã trở thành nhà bác học lừng danh thế giới, Đác-uyn vẫn không ngừng học. Có lần thấy cha còn miệt mài đọc sách giữa đêm khuya, con của Đác-uyn hỏi: *Cha đã là bác học rồi, còn phải ngày đêm nghiên cứu làm gì cho mệt?* Đác-uyn bình thản đáp: *Bác học không có nghĩa là ngừng học.*

(*Theo* Hà Vị)

1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi:



a. Các bạn trong tranh đang trò chuyện với nhau về điều gì?

b. Em thích ý kiến của bạn nào? Vì sao?

c. Nếu tham gia vào cuộc trò chuyện trên, em sẽ nói gì về ước mơ của mình?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết một đoạn văn về ước mơ của em.

G:

– Em ước mơ điều gì?

– Nếu ước mơ đó trở thành sự thật, em sẽ cảm thấy thế nào?

– Em sẽ làm gì để thực hiện ước mơ đó?



3. Đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một người yêu nghề, say mê với công việc hoặc một bài học về cách ứng xử với những người xung quanh.

Ví dụ:

Cậu bé học làm thuốc

Ngày xưa, có một cậu bé tên là Nguyễn Bá Tĩnh. Cha mẹ mất sớm, cậu được một nhà sư nuôi dạy và đặt pháp hiệu là Tuệ Tĩnh. Tuệ Tĩnh tính tình điềm đạm, thông minh, chăm chỉ.

Gần chùa có một thầy đồ vừa dạy học vừa bốc thuốc chữa bệnh. Biết Tuệ Tĩnh ham học, cụ thường cho cậu mượn sách, sổ ghi chép về những cây thuốc và cách chữa bệnh dân gian. Tuệ Tĩnh rất thích đọc những ghi chép ấy và thường giúp cụ hái thuốc, làm thuốc. Dần dần, Tuệ Tĩnh yêu thích việc làm thuốc và mong ước trị được các bệnh để cứu người. Thấy ở đâu có bài thuốc hay, thầy thuốc giỏi là cậu tìm đến học hỏi, chẳng ngại vất vả. Ai mách cây thuốc gì, cậu đều tìm bằng được đem về trồng. Nhờ đọc nhiều sách, lại chịu khó tìm tòi, nên Tuệ Tĩnh sớm chữa bệnh rất giỏi. Dù bận rộn, Tuệ Tĩnh vẫn dành thời gian ghi chép những bài thuốc quý mà nhiều đời sau vẫn dùng.

Khi triều đình mở khoa thi, Tuệ Tĩnh dự thi và đỗ cao. Nhưng Tuệ Tĩnh không ra làm quan mà về chùa chữa bệnh cho dân. Nhân dân hết lòng ca ngợi tài năng, nhân cách của danh y Tuệ Tĩnh.

(*Theo* Yên Bình – Phương Linh)

Bài 15

NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?

ĐỌC



Kể lại một ngày em cảm thấy rất vui.





NGÀY NHƯ THẾ NÀO LÀ ĐẸP?



Châu chấu nhảy lên gò, chìa cái lưng màu xanh ra phơi nắng. Nó búng chân tanh tách, cọ giữa đôi càng:

– Một ngày tuyệt đẹp!

– Thật khó chịu! – Giun đất thốt lên, cố rúc đầu sâu thêm vào lớp đất khô.

– Thế là thế nào? – Châu chấu nhảy lên. – Trên trời không một gợn mây, mặt trời toả nắng huy hoàng.

– Không! Mưa bụi và những vũng nước đục, đó mới là một ngày tuyệt đẹp! – Giun đất cãi lại.

Châu chấu không đồng ý với giun đất. Chúng quyết định đi hỏi. Vừa hay lúc đó, kiến tha nhành thông đi qua, dừng lại nghỉ. Châu chấu hỏi kiến:

– Bác kiến ơi, bác hãy nói giúp xem hôm nay là một ngày tuyệt đẹp hay đáng ghét?

Kiến lau mồ hôi, ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

– Tôi sẽ trả lời câu hỏi của các bạn sau khi mặt trời lặn nhé!

Mặt trời lặn, chúng đi đến tổ kiến.

– Hôm nay là ngày thế nào hả bác kiến đáng kính?

– Hôm nay là một ngày tuyệt đẹp! Tôi đã làm việc rất tốt và bây giờ có thể nghỉ ngơi thoải mái.

(V.Ô-xê-ê-va, Thuý Toàn *dịch*)

Từ ngữ

- *Gò*: khoảng đất nổi cao lên giữa nơi bằng phẳng.
- *Búng* (chân): dùng lực của chân để tạo ra âm thanh.
- *Tanh tách*: từ mô phỏng tiếng vật cứng và mảnh bật vào nhau liên tiếp, nghe giòn và thanh.
- (Nắng) *huy hoàng*: (nắng) rực rỡ và rất đẹp.

1. Trong bài đọc, các nhân vật tranh luận với nhau điều gì?
2. Theo giun đất và châu chấu, ngày như thế nào là đẹp?
3. Vì sao bác kiến phải chờ đến khi mặt trời lặn mới biết ngày như thế nào là đẹp?
4. Đóng vai một nhân vật trong bài để nói về ngày như thế nào là đẹp.
5. Theo em, ngày đẹp là ngày như thế nào?

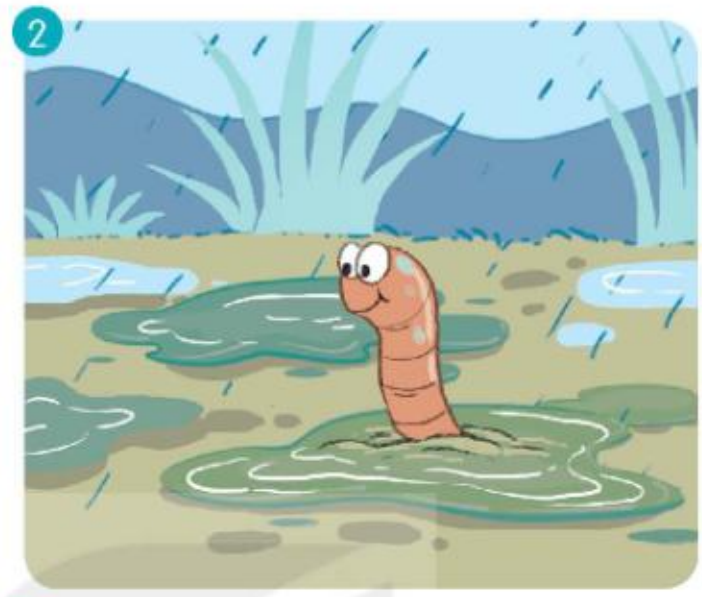


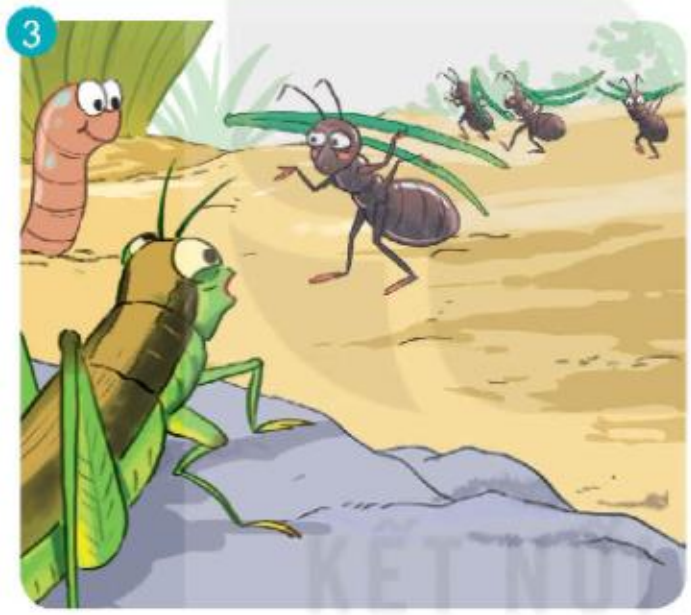
NÓI VÀ NGHE

1. Nói về sự việc trong từng tranh.

Ngày như thế nào là đẹp?









2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Ngày như thế nào là đẹp?* (từ *Kiến lau mồ hôi* đến *thoải mái*).

2. Chọn từ phù hợp với mỗi lời giải nghĩa dưới đây:

rán　　gián　　dán

– Làm chín thức ăn trong dầu, mỡ đun sôi.

– Làm cho hai vật dính với nhau bằng một chất dính như hồ, keo,...

– Loài bọ râu dài, cánh mỏng màu nâu, có mùi hôi, sống ở nơi tối và ẩm.

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *r*, *d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

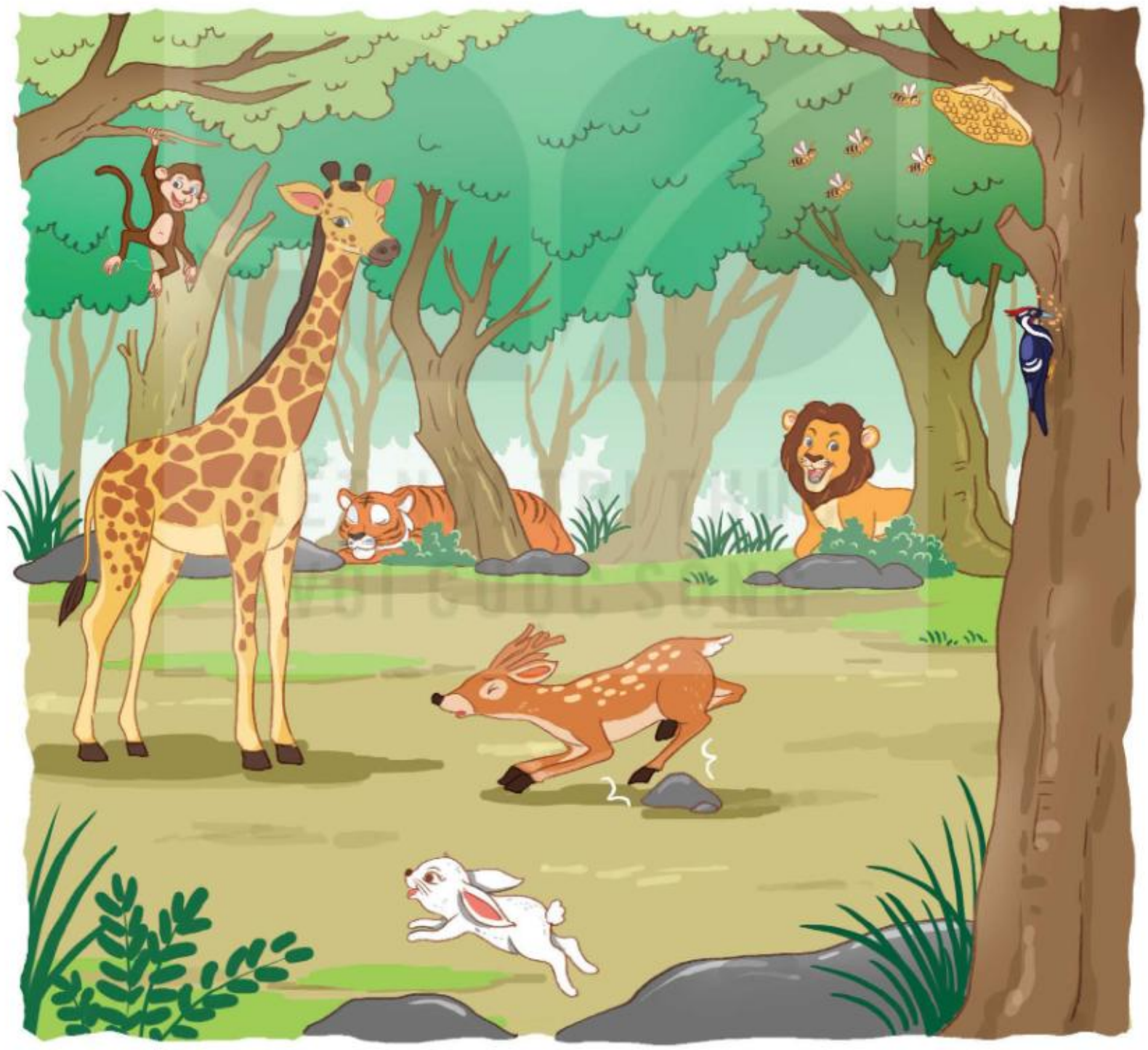
Trong khu ■ừng ■à có một cây sồi to, cành lá xum xuê che ■ọp cả một góc ■ừng. Cây sồi ■ất kiêu ngạo về vóc ■áng và sức mạnh của mình. Trong ■ừng có nhiều loài chim nhưng cây sồi chỉ thích kết bạn với các loài chim xinh đẹp và hót hay như hoạ mi, sơn ca,...

(*Theo* Vĩnh Quyên)

b. Quan sát tranh, tìm từ ngữ chứa *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*:

– Gọi tên con vật.

– Chỉ hoạt động của con vật.



Kể câu chuyện *Ngày như thế nào là đẹp?* cho người thân nghe và trao đổi về ý nghĩa của câu chuyện.

Bài 16

A LÔ, TỚ ĐÂY

ĐỌC



Trao đổi với bạn về những lợi ích của điện thoại.



Giờ ra chơi, An chạy đến bàn tôi hớn hở: "Bố mẹ cho phép tớ gọi điện cho bạn bè đấy. Đi học về tớ sẽ gọi cậu nhé!". Tôi đập tay nó sung sướng. Đi học về, tôi vội vàng cất cặp và xin phép bố mẹ cho nghe điện thoại. Bố gật gù, còn mẹ thì nháy mắt ra hiệu đồng ý.

Điện thoại reo, cứ như là trái tim tôi đang cất tiếng hát. Tôi khoái chí cầm máy.

– A lô… Minh hả? – An gào lên trong máy.

– Tớ đây. – Tôi cũng gào lên.

– Hay hơn nói chuyện ở lớp nhỉ. – An cười to.

– Hơn là cái chắc. – Tôi cũng cười to không kém.



– Đến lượt cậu gọi lại cho tớ nhé. – An hét lên rồi tắt máy. Tôi ôm bụng cười. Bố tủm tỉm: "Cả thế giới nghe thấy hai con nói chuyện đấy.".

Tôi nhấc máy gọi lại cho An.

– A lô. – Tôi rón rén.

– A lô, bố tớ bảo chúng mình nói cho cả thành phố nghe thấy. – An thì thào.

– Thế cậu nói nhỏ hơn tớ đấy. Bố tớ bảo tớ nói cho cả thế giới nghe thấy cơ.

An cười rúc rích. Chúng tôi lại thì thào, nhưng vì nói nhỏ quá nên cứ phải nói đi nói lại.

Hoá ra nói chuyện điện thoại cũng mệt thật.

(Bùi Tuệ Minh)

Từ ngữ

– *Gật gù*: gật nhẹ, chậm và nhiều lần, thể hiện thái độ đồng tình, tán thưởng.
– *Khoái chí*: thích thú vì được như ý.
– *Là cái chắc*: khẳng định điều gì đó đúng.
– *Rón rén*: cố làm cho thật nhẹ nhàng vì sợ gây tiếng động.
– *Cười rúc rích*: cùng cười với nhau khe khẽ và thích thú.

1. Giờ ra chơi, điều gì khiến Minh rất vui?
2. Lần đầu tiên An gọi điện thoại cho Minh, hai bạn đã nói chuyện với nhau thế nào?
3. Trong cuộc điện thoại lần hai, các bạn nói chuyện có gì khác lần một?
4. Đóng vai hai bạn trong câu chuyện để nói chuyện điện thoại với nhau bằng giọng phù hợp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về bài học ứng xử, cách giao tiếp với những người xung quanh và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...)	– Tác giả: (...) – Sự việc được nói đến: (...)
Điều em học được từ bài đọc: (...)	Một câu hỏi của em về nội dung bài: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn về bài đã đọc.



LUYỆN TẬP

1. Từ ngữ nào dưới đây chỉ thái độ lịch sự trong giao tiếp?

thân thiện | tôn trọng | cáu gắt | lạnh lùng | hoà nhã | lễ phép | cởi mở

2. Đặt 2 câu với từ ngữ tìm được ở bài tập 1.

3. Xếp các câu dưới đây vào kiểu câu thích hợp.

a. An và Minh đang nói chuyện điện thoại với nhau.

b. Ai là người đầu tiên phát minh ra điện thoại?

c. Vì sao chúng ta cần giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn?

d. Tôi lắng nghe cô giáo giảng bài.

e. Bạn có biết thùng rác của trường đặt ở đâu không?



4. Nhìn tranh, đặt câu kể, câu hỏi.

M: – Các bạn nhỏ đi dạo trong công viên.
– Hai bạn nữ đang làm gì?



1. Đọc bức thư điện tử dưới đây và trả lời câu hỏi.



a. Bức thư trên do ai viết, gửi cho ai?

b. Thư gồm những phần nào?

c. Muốn viết thư điện tử cần có phương tiện gì?

2. Thảo luận về các bước viết thư điện tử.



a. Mở hộp thư điện tử của bạn và vào mục **Soạn thư**

b. Viết địa chỉ người nhận thư và **chủ đề thư**

c. Viết thư

d. Gửi thư

3. Dựa vào bài tập 1, đóng vai Dương viết thư điện tử trả lời bạn.

Tập soạn thư điện tử trên máy tính, điện thoại,...

Tuần 27

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

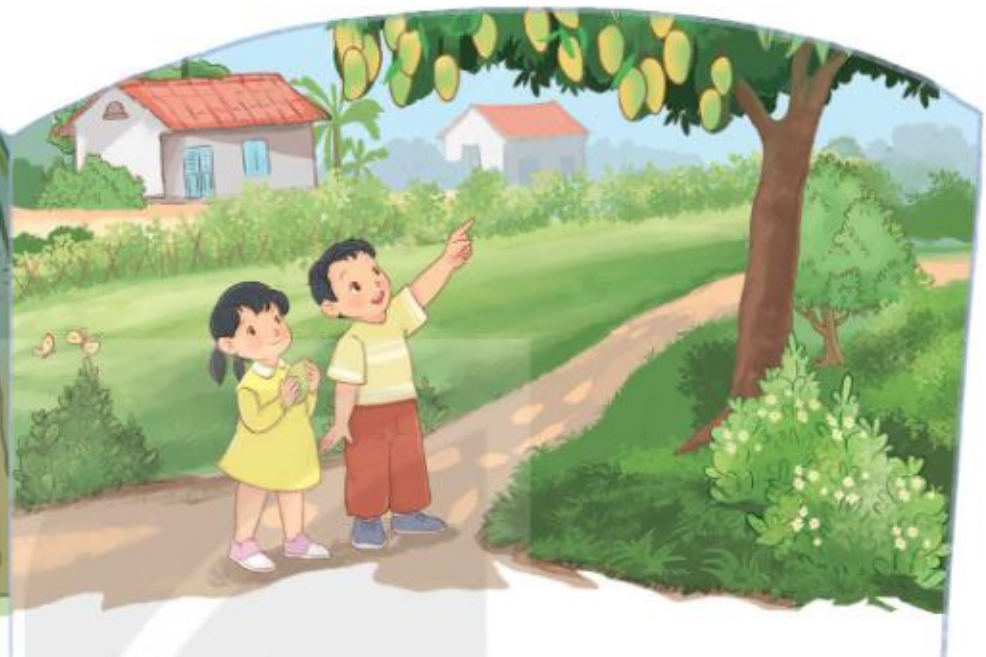
TIẾT 1 – 2

1. Chọn và nêu nội dung của 3 bài trong số các bài dưới đây:



Chủ điểm: Những sắc màu thiên nhiên

1. *Bầu trời*
2. *Cóc kiện Trời*
3. *Những cái tên đáng yêu*
4. *Cây gạo*
5. *Bầy voi rừng Trường Sơn*



Chủ điểm: Bài học từ cuộc sống

1. *Lời kêu gọi toàn dân tập thể dục*
2. *Quả hồng của thỏ con*
3. *Chuyện bên cửa sổ*
4. *Tay trái và tay phải*
5. *Ngày như thế nào là đẹp?*

2. Đọc một trong những bài trên và trả lời câu hỏi.

a. Bài đọc viết về ai hoặc viết về sự vật gì?

b. Em nhớ nhất chi tiết nào trong bài đọc?

c. Em học được điều gì từ bài đọc?



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Đọc bài thơ dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Trăng ơi… từ đâu đến?

(Trích)

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ cánh rừng xa
Trăng hồng như quả chín
Lửng lơ lên trước nhà.

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay biển xanh diệu kì
Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi.

Trăng ơi... từ đâu đến?
Hay từ một sân chơi
Trăng bay như quả bóng
Bạn nào đá lên trời.

(Trần Đăng Khoa)

a. Tìm các từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm trong bài thơ.

b. Trong bài thơ, trăng được so sánh với những gì?

c. Em thích hình ảnh so sánh nào nhất? Vì sao?

4. Chọn *dấu hai chấm* hoặc *dấu phẩy* thay cho ô vuông trong đoạn văn dưới đây:

Không sao đếm hết được các loài cá với đủ màu sắc■ cá kim bé nhỏ như que diêm màu tím■ cá ót mặc áo vàng có sọc đen■ cá khoai trong suốt như miếng nước đá■ cá song lực lưỡng■ da đen trũi■ cá hồng đỏ như lửa,...

(*Theo* Vũ Duy Thông)



5. Tìm các sự vật được so sánh với nhau trong đoạn văn trên.

M:

Sự vật 1	Đặc điểm	Từ so sánh	Sự vật 2
cá kim	bé nhỏ	như	que diêm

TIẾT 3 – 4

1. Đọc 2 – 3 khổ thơ em đã thuộc. Em thích những câu thơ nào nhất?

Mưa

Mây đen lũ lượt
Kéo về chiều nay
Mặt trời lật đật
Chui vào trong mây.
(…)

Ngày hội rừng xanh

Chim gõ kiến nổi mõ
Gà rừng gọi vòng quanh
Sáng rồi, đừng ngủ nữa
Nào, đi hội rừng xanh!
(…)

Mặt trời xanh của tôi

Đã có ai lắng nghe
Tiếng mưa trong rừng cọ
Như tiếng thác dội về
Như ào ào trận gió.
(…)

Mèo đi câu cá

Anh em mèo trắng
Vác giỏ đi câu
Em ngồi bờ ao
Anh ra sông cái.
(…)

2. Tìm các từ có nghĩa giống nhau hoặc có nghĩa trái ngược nhau trong đoạn thơ dưới đây:

Sáng đầu thu trong xanh
Em mặc quần áo mới
Đi đón ngày khai trường
Vui như là đi hội.

Gặp bạn, cười hớn hở
Đứa tay bắt mặt mừng
Đứa ôm vai bá cổ
Cặp sách đùa trên lưng…

Từng nhóm đứng đo nhau
Thấy bạn nào cũng lớn
Năm xưa bé tí teo,
Giờ lớp ba, lớp bốn.

(Nguyễn Bùi Vợi)

3. Tìm từ có nghĩa giống và từ có nghĩa trái ngược với mỗi từ dưới đây:

mới　　nhỏ　　nhiều

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô vuông trong bài thơ dưới đây:

Lúa và gió

Cua con hỏi mẹ
Dưới ánh trăng đêm:
■ Cô lúa đang hát
Sao bỗng lặng im■

Đôi mắt lim dim
Mẹ cua liền đáp:
■ Chú gió đi xa
Lúa buồn không hát.

(*Theo* Phạm Hổ)

5. Dựa vào tranh dưới đây, đặt 4 câu: câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến.



TIẾT 5

1. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Đường về

Cậu bé cùng mẹ trở về ngôi nhà cũ. Non xanh đang chuyển mình. Những chiếc lá khiêm nhường suốt mùa đông hé mở dần dưới bầu trời. Một cây chuối rừng mọc nghiêng trên vách đá đã vội nở hoa, chẳng cần

chờ mùa mới đến. Những bông hoa đỏ lập loè như những bó đuốc trong hơi sương mờ bao phủ khắp núi non.

Sườn núi phía trước có ngôi nhà của mẹ con cậu bé rộng mênh mông. Phía dưới là suối trong veo. Phía trên là rừng già và những dãy núi đá lởm chởm. Cả xóm chỉ có rải rác hơn hai chục nóc nhà. Có chuyện gì, người đứng bên này hú gọi, người đứng bên kia hú đáp trả.

Đêm đó, gian nhà bếp của hai mẹ con cậu bé sáng bừng ánh lửa. Những bó đuốc từ mọi ngả đổ về căn nhà nhỏ. Xóm núi đón họ trở về thân tình biết mấy! Cậu bé sẽ cùng mẹ ở lại trên non cao, nơi có những triền núi thoai thoải, những bông hoa rừng hồn hậu, những nếp nhà thưa thớt, lặng lẽ mà bình yên.

(*Theo* Võ Thị Xuân Hà)

Từ ngữ

- *Khiêm nhường*: nhường nhịn, không khoe khoang, không tranh giành với người khác.
- (Đá) *lởm chởm*: có nhiều mũi nhọn nhô lên không đều.
- *Hồn hậu*: mộc mạc, hiền từ.

a. Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn.

Đoạn	Ý
Đoạn 1	Tình cảm của người dân xóm núi
Đoạn 2	Cảnh vật trên đường về xóm núi
Đoạn 3	Cảnh xóm núi

b. Em thích cảnh vật nào trong câu chuyện? Vì sao?

2. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh vật trong câu chuyện, bài văn, bài thơ đã đọc.

3. Trao đổi bài làm trong nhóm để góp ý và sửa lỗi. Bình chọn các đoạn văn hay.

TIẾT 6 – 7

BÀI LUYỆN TẬP

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Gió

Vừa gõ cửa gọi bé
Bé ra, đã biến rồi
Thấy rung rinh cành lá
Lại trèo me đấy thôi!

Gió lúc nào cũng chạy
Suốt ngày vội thế à?
Lúc nào cũng huýt sáo
Lúc nào cũng hát ca…

Gió thích chơi chong chóng
Cùng bé chơi thả diều
Lại giật tung nón bé
Gió bông đùa chọc trêu.

Ơi gió yêu của bé!
Còn trẻ hay đã già?
Lúc rì rầm thủ thỉ
Lúc ầm ào thét la…

Gió tới đâu, bé biết
Sao bé nhìn không ra?

(Đặng Hấn)

a. Nhờ đâu bé nhận ra gió?

b. Gió trong bài thơ có gì đáng yêu?

2. Đọc hiểu

Chú sẻ và bông hoa bằng lăng



Ở gần tổ của một chú sẻ non đang tập bay có một cây bằng lăng. Mùa hoa này, bằng lăng nở hoa mà không vui vì bé Thơ, bạn của cây, phải nằm viện. Sẻ non biết bằng lăng đã giữ lại một bông hoa cuối cùng để đợi bé Thơ.

Sáng hôm ấy, bé Thơ về, bông bằng lăng cuối cùng đã nở. Nhưng bông hoa lại nở cao hơn cửa sổ nên bé không nhìn thấy nó. Bé cứ ngỡ là mùa hoa đã qua.

Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ. Nó muốn giúp bông hoa. Nó chắp cánh, bay vù về phía cành bằng lăng mảnh mai. Nó nhìn kĩ cành hoa rồi đáp xuống. Cành hoa chao qua, chao lại. Sẻ non cố đứng vững. Thế là bông hoa chúc hẳn xuống, lọt vào khuôn cửa sổ.

Lập tức, sẻ nghe thấy tiếng reo từ trong gian phòng tràn ngập ánh nắng:

– Ôi, đẹp quá! Sao lại có bông bằng lăng nở muộn thế kia?

(*Theo* Phạm Hổ)

Từ ngữ

- *Bằng lăng*: cây thân gỗ, hoa màu tím hồng.
- *Chúc*: chúi xuống thấp.

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Câu chuyện có những nhân vật nào?

b. Vì sao mùa hoa này bằng lăng nở hoa mà không vui?

- Vì bằng lăng chỉ nở một bông hoa.
- Vì hoa nở không đẹp như mùa hoa trước.
- Vì bé Thơ, bạn của bằng lăng, phải nằm viện.

c. Bằng lăng làm gì để thể hiện tình bạn với bé Thơ?

- Cành bằng lăng ghé sát vào cửa sổ nơi bé nằm.
- Bằng lăng đợi bé Thơ trở về mới nở hoa.
- Bằng lăng giữ lại bông hoa cuối cùng để đợi bé Thơ về.

d. Khi trở về nhà, vì sao bé Thơ nghĩ mùa hoa bằng lăng đã qua?

e. Sẻ non làm gì để giúp bé Thơ nhìn thấy bông hoa bằng lăng nở muộn? (Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành câu trả lời.)

Sẻ non (...) về phía cành bằng lăng mảnh mai. Nó nhìn kĩ cành hoa rồi (...). Cành hoa chao qua, chao lại. Sẻ non (...) để bông hoa chúc xuống, lọt vào khuôn cửa sổ.

g. Tìm ý tương ứng với mỗi đoạn.

Đoạn	Ý
Đoạn 1 (từ đầu đến *đợi bé Thơ*)	Sẻ non giúp hoa bằng lăng và bé Thơ
Đoạn 2 (tiếp theo đến *đã qua*)	Bằng lăng nở hoa mà không vui
Đoạn 3 (phần còn lại)	Bé Thơ nghĩ mùa hoa bằng lăng đã qua

h. Theo em, câu chuyện nói với chúng ta điều gì?

i. Tìm trong câu chuyện 3 từ ngữ chỉ hoạt động của chú sẻ non.

k. Mỗi câu dưới đây thuộc kiểu câu nào?

– Bông hoa bằng lăng đẹp quá!

– Sao lại có bông hoa bằng lăng nở muộn thế kia?

– Sẻ non rất yêu bằng lăng và bé Thơ.

– Sẻ non hãy giúp bé Thơ nhìn thấy bằng lăng nở hoa đi!

Câu kể | Câu hỏi | Câu cảm | Câu khiến

B. VIẾT

1. Nghe viết: *Gió* (3 khổ thơ đầu).
2. Viết đoạn văn về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện em đã được nghe kể.



G: – Câu chuyện em đã được nghe kể là gì?

– Em thích nhất nhân vật nào trong câu chuyện đó?

– Em thích nhất điều gì ở nhân vật đó?

– Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về nhân vật đó?

ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM



Tuần 28

Bài 17

ĐẤT NƯỚC LÀ GÌ?

ĐỌC



Nói 2 – 3 câu giới thiệu về đất nước mình.

G: – Hình dáng đất nước ta thế nào?

– Thủ đô của nước ta tên là gì?

– Lá cờ Tổ quốc như thế nào?

– Nước ta có bao nhiêu dân tộc anh em?



ĐẤT NƯỚC LÀ GÌ?

Cho con hỏi nhé
Đất nước là gì
Vẽ bằng bút chì
Có vừa trang giấy?

Làm sao để thấy
Núi cao thế nào
Biển rộng là bao
Cách nào đo nhỉ?





Hay là con nghĩ
Đất nước trong nhà
Là mẹ là cha
Là cờ Tổ quốc?

Vần thơ con thuộc
Bài văn con làm
Tiếng Việt dịu dàng
Có là đất nước?



Là đường con bước
Là sông con bơi
Là cánh chim trời
Là vầng mây trắng?

Mặt trời khoe nắng
Cho ngày đẹp hơn
Mọi điều giản đơn
Cộng thành đất nước.

(Huỳnh Mai Liên)

1. Ở 2 khổ thơ đầu, bạn nhỏ hỏi những điều gì về đất nước?

2. Bạn ấy đã tự suy nghĩ để trả lời câu hỏi đó như thế nào?

a. Đất nước có ở nhà:...

b. Đất nước có ở trường học:...

c. Đất nước là mọi cảnh vật thiên nhiên quanh ta:...

3. Hai câu thơ cuối bài cho thấy bạn nhỏ đã nhận ra điều gì?

4. Em có đồng ý với suy nghĩ của bạn nhỏ về đất nước không? Vì sao?

* Học thuộc lòng bài thơ.

NÓI VÀ NGHE

Cảnh đẹp đất nước

1. Giới thiệu một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam mà em biết.



Ruộng bậc thang Mù Cang Chải



Vịnh Hạ Long



Phố cổ Hội An



Chợ nổi Cái Răng

2. Nêu cảm nghĩ của em về cảnh đẹp của đất nước Việt Nam.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

1. Nghe – viết:

Bản em

Bản em trên chóp núi
Sớm bồng bềnh trong mây
Sương rơi như mưa dội
Trưa mới thấy mặt trời.

Cây pơ-mu đầu dốc
Im như người lính canh
Ngựa tuần tra biên giới
Dừng đỉnh đèo hí vang.

Nhìn xuống sâu thung lũng
Nắng như rót mật vàng
Thác trắng tung dải lụa
Ngô xanh hai sườn non…

(Nguyễn Thái Vận)

2. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

– *chiều/triều*	nắng ■	thuỷ ■	■ đại	■ chuộng
– *chở/trở*	che ■	■ thành	■ hàng	■ ngại

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Sông Bạch Đằng đã đi vào ■ang sử ■ống giặc ngoại xâm của dân tộc ta. Ai đã đi qua nơi này cũng cảm thấy tự hào về ■uyền thống giữ nước của ■a ông ta.

(*Theo* Đoàn Minh Tuấn)

b. Chọn *ươc* hoặc *ươt* thay cho ô vuông.

– Đi ng■ về xuôi
– Đi tr■ về sau
– Non xanh n■ biếc
– V■ núi băng rừng



Tìm đọc bài văn, bài thơ viết về cảnh vật quê hương, đất nước Việt Nam.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 18

NÚI QUÊ TÔI

ĐỌC



Cùng bạn hỏi – đáp về đặc điểm của những cảnh vật được vẽ trong tranh.





Từ xa xa, trên con đường đất đỏ chạy về làng, tôi đã trông thấy bóng núi quê tôi xanh thẫm trên nền trời mây trắng.

Về cuối thu sang đông, trên đỉnh núi có mây trắng bay như tấm khăn mỏng. Còn về mùa hè, trong ánh chớp sáng loá của cơn dông, cả ngọn núi hiện ra xanh mướt. Lá cây bay như làn tóc của một bà tiên đang hướng mặt về phía biển. Còn cả người bà thì ẩn dưới những cánh đồng lúa chín vàng.

Núi hiện lên trong mưa có nhiều màu lá. Lá bạch đàn, lá tre xanh tươi che rợp những con đường mòn quanh co lên đỉnh núi. Những vườn chè,

vườn sắn xanh tốt bao quanh sườn núi. Thỉnh thoảng, giữa những mảnh vườn là bóng xanh um của một cây mít, và thênh thang rười rượi là màu xanh của cỏ, dứa dại và sim, mua.

Ở lưng chừng núi có một khe nhỏ, nước chảy ra trong vắt, đọng xuống một giếng đá...

Từ xa xa, tôi nghe thấy tiếng lá bạch đàn và lá tre reo. Từ xa xa, tôi đã cảm thấy hương thơm của chè xanh, của bếp nhà ai toả khói.

(*Theo* Lê Phương Liên)

Từ ngữ

- *Rười rượi*: màu xanh cây lá, trải rộng, gợi cảm giác dịu mát, dễ chịu.
- *Khe*: khoảng hở dài và hẹp giữa hai vách núi.

1. Tìm trong bài câu văn:

– Tả đỉnh núi vào cuối thu sang đông

– Tả ngọn núi vào mùa hè

2. Chọn từ ngữ có tiếng *xanh* phù hợp với từng sự vật được tả trong bài.

bóng núi	xanh tươi
ngọn núi	xanh thẫm
lá bạch đàn, lá tre	xanh tốt
vườn chè, vườn sắn	xanh mướt

3. Tìm trong bài những câu văn có hình ảnh so sánh. Em thích hình ảnh nào?

4. Tác giả cảm nhận được những âm thanh nào, những hương thơm nào của vùng núi quê mình?

5. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc bài *Núi quê tôi*.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: V, X

1. Viết tên riêng: Vạn Xuân

2. Viết câu: Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

1. Tìm trong các câu in đậm những từ ngữ có nghĩa giống nhau.

Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Gió bắt đầu thổi rào rào. **Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần biến đi**. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa, phảng phất khắp rừng.

Thoắt cái, cả một khoảng rừng nguyên sơ đã trở lại vẻ tĩnh lặng.

(*Theo* Đoàn Giỏi)

2. Chọn từ dưới đây thay cho mỗi từ in đậm trong câu.

sừng sững chăm chỉ vàng ruộm



a. Những người dân quê tôi rất hiền lành, **chịu khó**.

b. Dưới ánh mặt trời, cánh đồng **vàng rực** màu lúa chín.

c. Đi qua cánh rừng, một dãy núi **hùng vĩ** hiện ra trước mắt chúng tôi.

3. Đặt câu có hình ảnh so sánh để tả cánh đồng hoặc dòng sông.

M: Vào mùa lúa chín, cánh đồng quê tôi như một tấm thảm vàng rực.

1. Quan sát và kể tên những cảnh vật được vẽ trong tranh.



2. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về cảnh vật quê hương.

G: – Tên cảnh vật quê hương
– Đặc điểm bao quát và đặc điểm nổi bật của cảnh vật
– Điều em thích nhất (ấn tượng nhất) về cảnh vật
– Cảm nghĩ của em khi ngắm nhìn cảnh vật

3. Trao đổi bài làm với bạn để sửa lỗi và bổ sung ý hay.



Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về quê hương, đất nước.
Ví dụ:

Cửa Tùng

Thuyền chúng tôi đang xuôi dòng Bến Hải – con sông in đậm dấu ấn lịch sử một thời đất nước bị chia cắt. Đôi bờ thôn xóm mướt màu xanh luỹ tre làng và những rặng phi lao rì rào gió thổi.

Từ cầu Hiền Lương, thuyền xuôi khoảng sáu cây số nữa là đã gặp biển cả mênh mông. Nơi dòng Bến Hải gặp sóng biển khơi ấy chính là Cửa Tùng. Bãi cát ở đây thường được ngợi ca là "Bà Chúa của các bãi tắm". Diệu kì thay, trong một ngày, Cửa Tùng có ba sắc màu nước biển. Bình minh, mặt trời như chiếc thau đồng đỏ ối chiếu xuống mặt biển, nước biển nhuộm màu hồng nhạt. Trưa, nước biển xanh lơ và khi chiều tà thì đổi sang màu xanh lục.

Người xưa đã ví bờ biển Cửa Tùng giống như một chiếc lược đồi mồi cài vào mái tóc bạch kim của sóng biển.

(*Theo* Thuỵ Chương)

Từ ngữ

– *Bến Hải*: sông chảy qua tỉnh Quảng Trị.
– *Hiền Lương*: cầu bắc qua sông Bến Hải.
– *Đồi mồi*: một loài rùa biển, mai có vân đẹp.
– *Bạch kim*: kim loại quý, màu trắng sáng.



Bài 19

SÔNG HƯƠNG

ĐỌC



Nói về một dòng sông mà em biết.



SÔNG HƯƠNG



Từ xưa, người Huế đã dành những lời thơ đẹp nhất, tình cảm sâu đậm nhất cho dòng sông quê hương.

Người ta kể rằng, xưa kia, dòng nước ở đây thường thoảng lên một mùi hương dìu dịu bởi nguồn sông chảy qua một cánh rừng mọc dày một loại cỏ có tên là thạch xương bồ.

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh khổ dài mà mỗi đoạn, mỗi khúc đều có vẻ đẹp riêng của nó. Bao trùm lên cả bức tranh đó là một màu xanh có nhiều sắc độ, đậm nhạt khác nhau: màu xanh da trời, màu xanh của nước biếc, màu xanh non của những bãi ngô, thảm cỏ,...

Cứ mỗi mùa hè tới, hoa phượng vĩ nở đỏ rực hai bên bờ. Hương Giang bỗng thay chiếc áo xanh hằng ngày thành dải lụa đào ửng hồng cả phố phường.

Những đêm trăng sáng, dòng sông là một đường trăng lung linh dát vàng.

Sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế, làm cho không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm đềm.

(*Theo* Cửu Thọ)

Từ ngữ

- *Thạch xương bồ*: loài cỏ có hương thơm dìu dịu, dân gian thường dùng để chữa bệnh.
- *Sông Hương* (Hương Giang): tên con sông nổi tiếng ở Huế.
- *Đặc ân*: ơn đặc biệt.

1. Bài đọc đã giúp em hiểu điều gì về tên gọi của sông Hương?
2. Tác giả muốn khẳng định điều gì khi nói sông Hương là một bức tranh khổ dài?
3. Màu sắc của sông Hương thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi như vậy?
4. Vì sao nói "sông Hương là một đặc ân của thiên nhiên dành cho Huế"?
5. Em thích nhất hình ảnh so sánh nào trong bài? Vì sao?

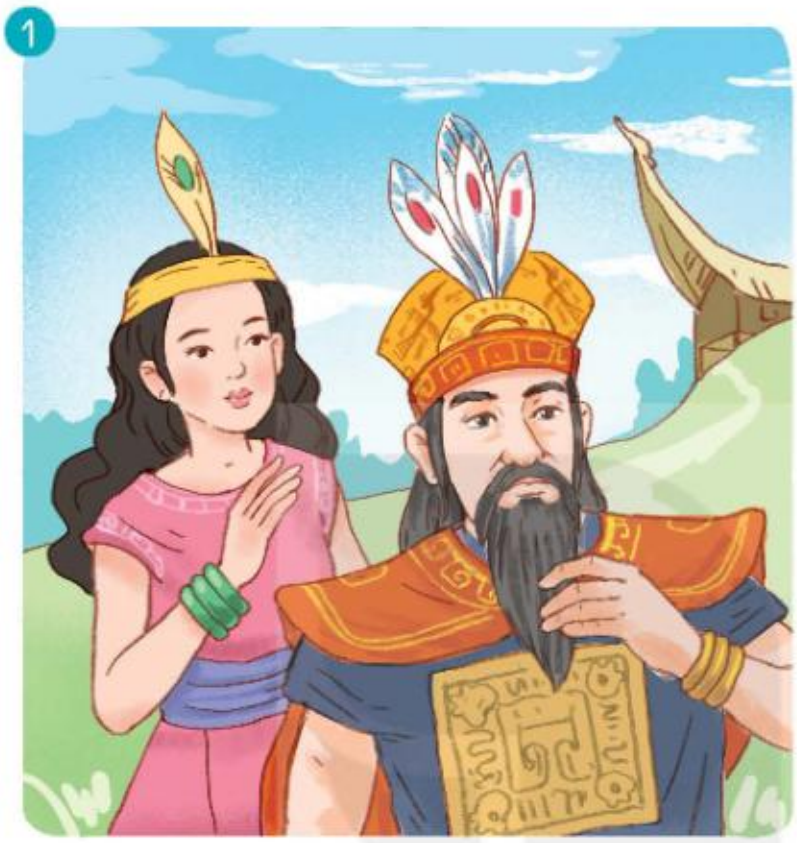
NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh

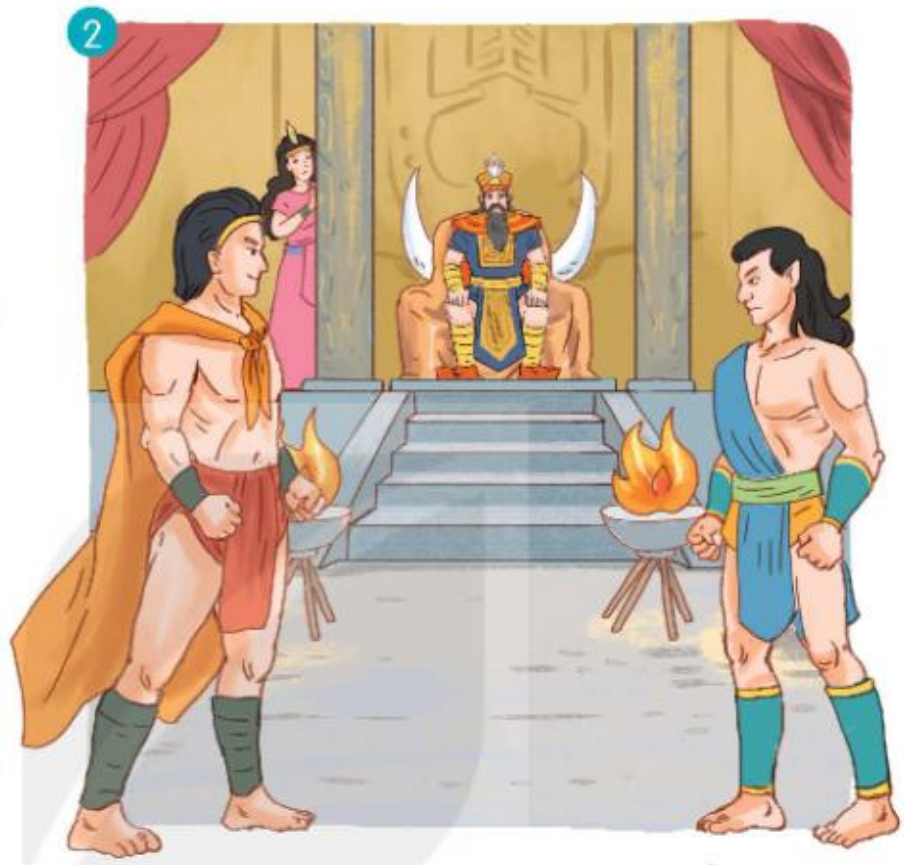
(Truyện cổ Việt Nam)

1



Vua Hùng muốn làm điều tốt đẹp gì cho cô con gái yêu của mình?

2



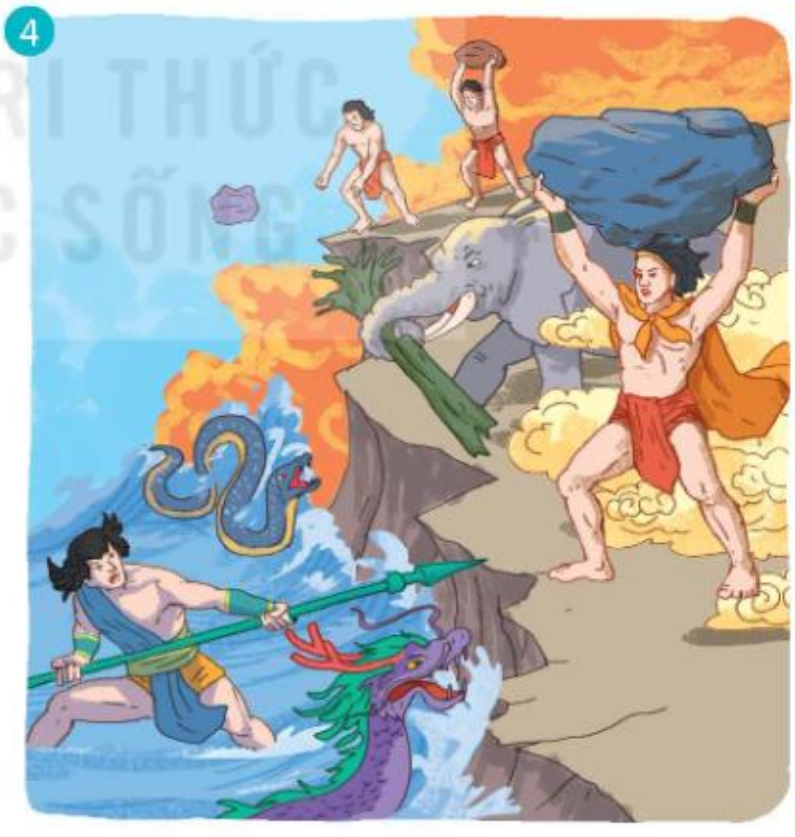
Vua Hùng đưa ra yêu cầu gì cho Sơn Tinh, Thuỷ Tinh?

3



Vì sao Vua Hùng cho phép Sơn Tinh rước Mị Nương về núi?

4



Cuộc chiến giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh diễn ra như thế nào và kết thúc ra sao?

2. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, kể lại từng đoạn của câu chuyện.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Chợ Hòn Gai

Chợ Hòn Gai buổi sáng la liệt tôm cá… Những con cá chim mình dẹt như hình con chim lúc sải cánh bay, thịt ngon vào loại nhất nhì. Những con cá nhụ béo núc, trắng lốp, bóng mượt như được quét một lớp mỡ ngoài vảy. Những con tôm he tròn, thịt căng lên từng ngấn như cổ tay của trẻ lên ba, da xanh ánh, hàng chân choi choi như muốn bơi.

(Thi Sảnh)

2. Tìm những tên riêng viết đúng và sửa lại những tên riêng viết sai.

tuyên Quang | Hà Nội | Thanh hoá | Khánh Hoà | An giang | Cà Mau

3. Giải câu đố và viết lời giải vào vở.



Tỉnh nào đất tổ Hùng Vương
Bốn mùa bóng cọ rợp đường tuổi thơ?
(*Là tỉnh nào?*)



Tỉnh nào non nước quanh quanh
Tự hào Bác đã sinh thành từ đây?
(*Là tỉnh nào?*)



Tỉnh nào có vịnh Cam Ranh
Nha Trang biển đẹp nổi danh xa gần?
(*Là tỉnh nào?*)



Hỏi người thân về những danh lam thắng cảnh ở địa phương.

Bài 20

TIẾNG NƯỚC MÌNH

ĐỌC



Ngoài tiếng Việt, em còn biết thêm thứ tiếng nào khác? Nói 1 – 2 câu về thứ tiếng đó.



TIẾNG NƯỚC MÌNH



Tiếng *bố* là dấu sắc
Có phải không bố ơi?
Cao như mây đỉnh núi
Bát ngát như trùng khơi.



Tiếng *mẹ* là dấu nặng
Bập bẹ thuở đầu đời
Ngọt ngào như dòng sữa
Nuôi con lớn thành người.





Tiếng *võng* là dấu ngã
Kẽo kẹt suốt mùa hè
Bà ru cháu khôn lớn
Trong êm đềm tiếng ve.



Tiếng *làng* là dấu huyền
Có sân đình bến nước
Có cánh diều tuổi thơ
Nâng cả trời mơ ước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Tiếng *cỏ* là dấu hỏi
Tuổi thơ chơi chọi gà
Nếu tiếng không có dấu
Là tiếng *em* reo ca.

(Trúc Lâm)

Từ ngữ

- *Bập bẹ*: nói chưa rõ do mới tập nói.
- *Kẽo kẹt*: từ mô phỏng tiếng kêu của võng khi đung đưa.
- *Sân đình*: nơi sinh hoạt cộng đồng của làng xã trong khuôn viên đình làng.
- *Chọi (cỏ) gà*: trò chơi dân gian của trẻ nhỏ (dùng cỏ gà của mình quất mạnh vào cỏ gà của bạn), mang đậm nét đẹp đồng quê.

1. Bài thơ nhắc đến những dấu thanh nào trong tiếng Việt?
2. Ở khổ 1 và khổ 2, *dấu sắc* và *dấu nặng* được nhắc đến qua những tiếng nào? Tìm những hình ảnh so sánh được gợi ra từ các tiếng đó.
3. Trong bài thơ, *dấu ngã*, *dấu huyền*, *dấu hỏi* gắn với tiếng nào? Mỗi tiếng đó gợi nhớ đến điều gì?
4. Hai câu thơ cuối nhắc đến tiếng nào? Tiếng đó có gì khác với những tiếng được nhắc tới trong bài thơ?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu hoặc cả bài thơ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về quê hương, đất nước và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...)	– Tác giả: (...) – Nhân vật, cảnh vật, sự việc được nói đến: (...)
Cảm nghĩ của em về quê hương, đất nước: (...)	Người em muốn chia sẻ về bài đọc: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn chi tiết thú vị về nhân vật, cảnh vật, sự việc được nói đến trong bài đã đọc.

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ thích hợp thay cho mỗi chỗ trống.

ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Thủ đô (…)	Quốc kì (…)	Quốc ca (…)
Ngôn ngữ (…)	Nghệ thuật truyền thống (hát chèo,…)	Cảnh đẹp (vịnh Hạ Long,…)

2. Các câu ở cột A thuộc kiểu câu nào ở cột B?

A	B
Tiếng Việt thật là giàu nhạc điệu!	Câu khiến: dùng để nêu yêu cầu, đề nghị. Khi viết, cuối câu có *dấu chấm* hoặc *dấu chấm than*.
Đừng viết nhầm các dấu thanh khi học tiếng Việt nhé!	
Sông Hương đẹp biết bao!	Câu cảm: dùng để bộc lộ cảm xúc. Khi viết, cuối câu có *dấu chấm than*.
Chúng ta hãy bảo vệ, giữ gìn những cảnh đẹp của đất nước.	

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Đặt một câu cảm và một câu khiến trong tình huống sau:

– Bày tỏ cảm xúc về một cảnh đẹp của quê hương em.

– Đưa ra một yêu cầu về việc bảo vệ, giữ gìn cảnh đẹp quê hương.

1. Nêu cảm xúc của em về cảnh đẹp vịnh Hạ Long.

G:



a. Giới thiệu bao quát về vịnh Hạ Long.

b. Nêu đặc điểm nổi bật của cảnh vật.

c. Nêu cảm nghĩ của em về vịnh Hạ Long.

– Cảm nghĩ về vẻ đẹp của vịnh (yêu thích mây trời, núi non, sóng nước,...)

– Tự hào vì vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới

2. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một cảnh đẹp của đất nước.

G:



3. Trao đổi bài làm với bạn để sửa lỗi và bổ sung ý hay.

Sưu tầm tranh ảnh, bài văn, bài thơ,... về cảnh đẹp đất nước.

Tuần 30

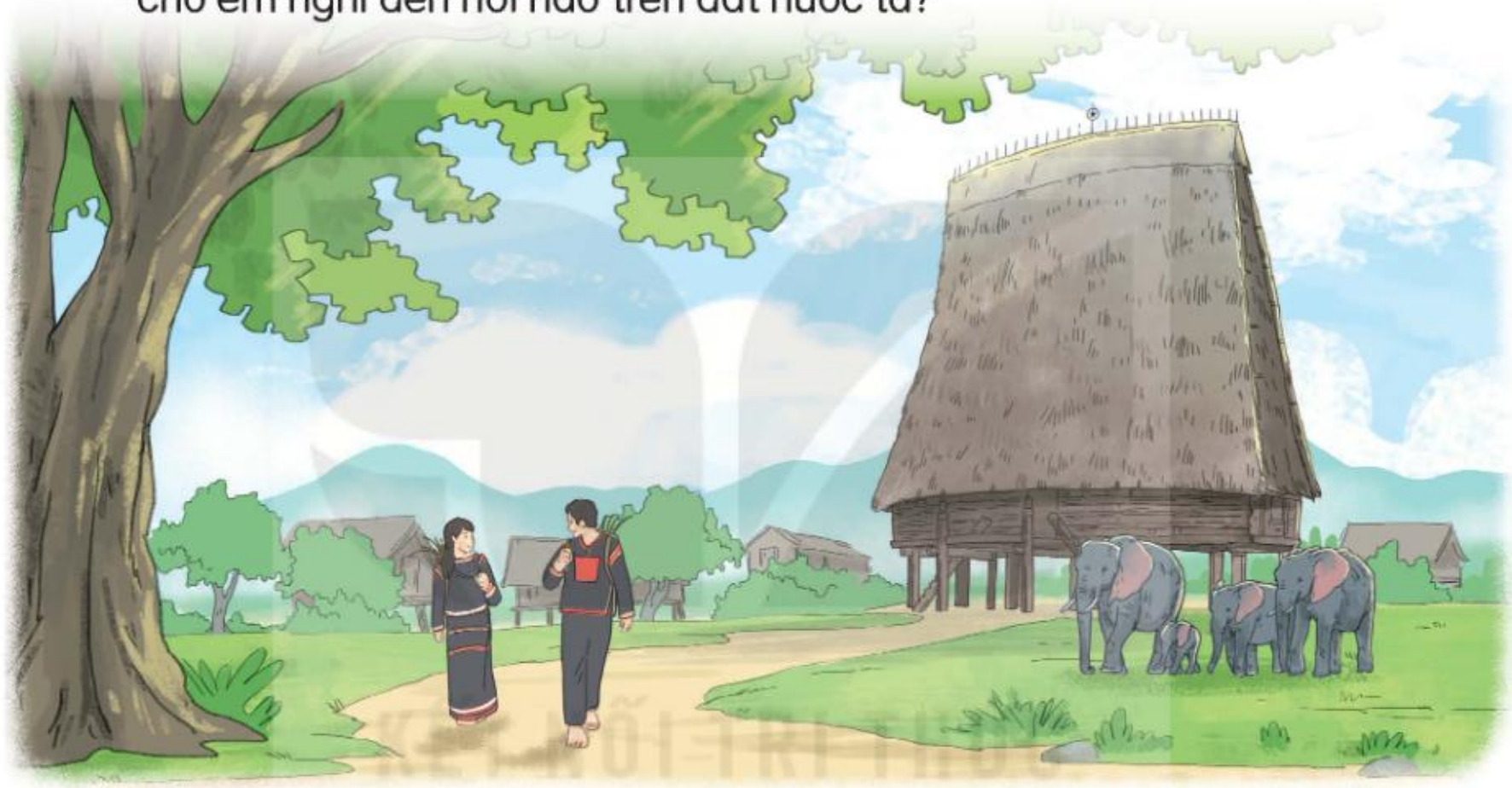
Bài 21

NHÀ RÔNG

ĐỌC



Quan sát tranh và nói về cảnh vật được vẽ trong tranh. Cảnh vật đó gợi cho em nghĩ đến nơi nào trên đất nước ta?





NHÀ RÔNG

Đến Tây Nguyên, từ xa nhìn vào các buôn làng, ta dễ nhận ra ngôi nhà rông có đôi mái dựng đứng, vươn cao lên trời như một cái lưỡi rìu lật ngược. Nước mưa đổ xuống chảy xuôi tuồn tuột. Buôn làng nào có mái nhà rông càng cao, nhà càng to, hẳn là nơi đó dân đông, làm ăn được mùa, cuộc sống no ấm.

Nhà rông là nơi thờ cúng chung, hội họp chung, tiếp khách chung, vui chơi chung của tất cả dân làng. Kiến trúc bên trong nhà rông khá đặc biệt: nhà trống rỗng, chẳng vướng víu một cây cột nào, có nhiều bếp lửa luôn đượm khói, có nơi dành để chiêng trống, nông cụ,... Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng, các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn ngôi nhà rông đã từng chứng kiến. Vì vậy, nhà rông đối với tuổi trẻ Tây Nguyên thân thương như cái tổ chim êm ấm.

Người Tây Nguyên nào cũng yêu thích nhà rông, ngôi nhà chung có sự góp sức xây dựng của tất cả mọi người.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

Từ ngữ

- *Tuồn tuột*: thẳng một mạch, như không thể giữ lại, cản lại được.
- *Nông cụ*: đồ dùng để làm ruộng, làm nương (cuốc, cày, bừa, liềm, hái,...).

1. Đặc điểm nổi bật về hình dạng của nhà rông ở Tây Nguyên là gì? Câu văn nào trong bài giúp em nhận ra điều đó?
2. Kiến trúc bên trong của nhà rông có gì đặc biệt?
3. Đóng vai một người dân Tây Nguyên, giới thiệu những hoạt động chung thường diễn ra ở nhà rông.
4. Vì sao người dân Tây Nguyên yêu thích nhà rông?
5. Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự các đoạn trong bài.

a. Tình cảm của người dân Tây Nguyên đối với nhà rông	b. Hình dạng bên ngoài của nhà rông	c. Kiến trúc bên trong và những sinh hoạt cộng đồng ở nhà rông

NÓI VÀ NGHE

Quê hương em

Em nhớ:
- *Thể hiện thái độ tự tin, lịch sự, nhìn vào người nghe khi nói.*
- *Biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ thích hợp.*

1. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về quê hương em.

G: – Quê hương em ở đâu?
– Ở đó có những cảnh đẹp nào?
– Sản phẩm nổi tiếng của quê hương em là gì?
– Điều gì khiến du khách nhớ nhất khi đến quê hương em?

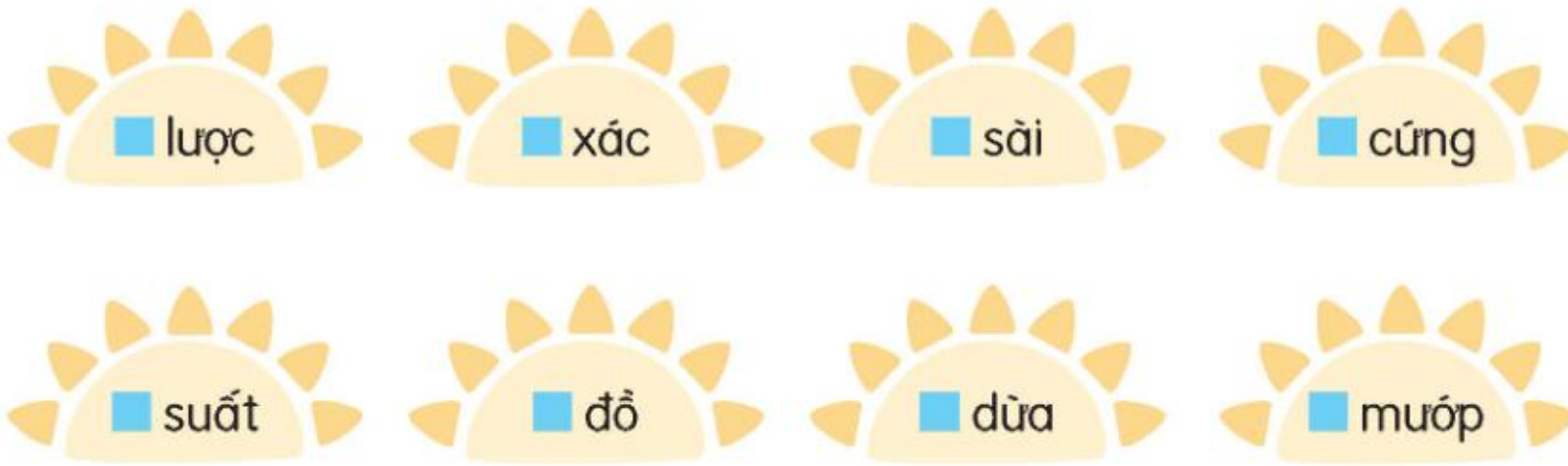


2. Hãy nói 1 – 2 câu mời bạn bè (hoặc du khách) đến thăm quê hương em.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Nhà rông* (từ đầu đến *cuộc sống no ấm*).

2. Chọn *sơ* hoặc *xơ* thay cho ô vuông.



3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *s* hoặc *x* thay cho ô vuông.

Rừng Tây Nguyên đẹp vì cảnh ắc thiên nhiên. Khi những cơn mưa đầu mùa đổ uống, bầu trời vẫn trong. Rừng mát mẻ, anh tươi. Các đồi gianh vươn lên và cỏ non bò lan ra mặt uối, như choàng cho rừng một chiếc khăn lấp lánh kim cương. Mặt trời uyên qua kẽ lá, ưởi ấm những con uối trong vắt.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Dọc theo bờ vịnh Hạ Long, trên bến Đoan, bến Tàu hay **cang** Mới, **nhưng** đoàn thuyền đánh cá **re** màn sương bạc nối đuôi nhau cập bến. Những cánh buồm ướt át như **nhưng** cánh chim trong mưa. Thuyền nào **cung** tôm cá đầy khoang. Những con cá song **khoe**, **giay** đành đạch.

(*Theo* Thi Sảnh)



Vẽ cảnh đẹp quê hương em và viết 2 – 3 câu giới thiệu bức tranh em vẽ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 22

SỰ TÍCH ÔNG ĐÙNG, BÀ ĐÙNG

ĐỌC



Quan sát tranh minh hoạ, cho biết hai người trong tranh đang làm gì.



SỰ TÍCH ÔNG ĐÙNG, BÀ ĐÙNG



Ngày xửa ngày xưa, ở xứ Mường Bi xuất hiện một đôi vợ chồng cao lớn khác thường. Họ đứng cao hơn năm lần đỉnh núi cao nhất. Người Mường gọi họ là ông Đùng, bà Đùng, nghĩa là ông bà khổng lồ.

Hồi ấy, đất thì cao thấp, lồi lõm. Cây cối hoang dại mọc chằng chịt. Nước thì chảy từ lòng đất, ngập lênh láng khắp nơi. Thấy vậy, ông Đùng, bà Đùng liền ra tay. Chỉ một ngày, ông bà đã nhổ cây, san đất, làm thành cánh đồng bằng phẳng, rộng rãi, lấy chỗ cho dân ở và cày cấy.

Ông Đùng bàn với vợ làm một con đường dẫn nước đi, tránh để nước tràn lênh láng. Ông Đùng lom khom dùng tay bới đất đằng trước, bà Đùng hì hụi vét đất đằng sau. Họ làm việc suốt ngày đêm, cùng trò chuyện vui vẻ. Thế rồi, theo con đường ông bà Đùng đào bới, nước đã chảy thành dòng, vượt qua đồi núi, đổ về xuôi. Đó chính là con sông Đà ngày nay.

Xong mọi việc, ông bà Đùng ngẩng đầu nhìn lại mới biết: Do vét đất ban đêm, không nhìn rõ, dòng sông đã không thẳng. Nơi chưa được vét, đất đá cản trở dòng chảy và tạo thành thác ghềnh. Vì thế, sông Đà mới ngoằn ngoèo, có tới "trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh" như bây giờ.

(Theo *Truyện cổ dân tộc Mường*)

Từ ngữ

- *Mường Bi*: địa danh thuộc tỉnh Phú Thọ.
- *Chằng chịt*: (cây cối) đan vào nhau dày đặc và không theo hàng lối nhất định.
- *Ra tay*: bắt đầu làm để tỏ rõ khả năng, tài trí của mình.
- *Hì hụi*: dáng vẻ cặm cụi, làm việc gì đó một cách khó nhọc, kiên nhẫn.
- *Ghềnh*: chỗ lòng sông bị thu hẹp và nông, có đá nằm chắn ngang, làm nước dồn lại và chảy xiết.

1. Ông Đùng, bà Đùng có điểm gì khác thường về ngoại hình?
2. Kể lại những việc ông bà Đùng đã làm khi chứng kiến cảnh đất hoang, nước ngập.



3. Việc làm của ông bà Đùng đã đem lại kết quả như thế nào?
4. Theo em, ông Đùng, bà Đùng có những phẩm chất tốt đẹp nào?
5. Câu chuyện đã giải thích điều gì về con sông Đà ngày nay?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Y

1. Viết tên riêng: Nam Yết
2. Viết câu: Đảo Nam Yết thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

LUYỆN TẬP

1. *Dấu ngoặc kép* trong mỗi câu dưới đây dùng để làm gì?

a. Bà Triệu là một trong những vị anh hùng đầu tiên của nước ta. Người dân Việt Nam mãi tự hào về chí khí của bà: "Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi, đánh đuổi quân Ngô giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ,...!".

(Lâm Anh)

Đánh dấu lời đối thoại của nhân vật

b. Khi nhà Nguyên cho quân sang xâm lược nước ta lần thứ ba, vua Trần hỏi Hưng Đạo Vương: "Thế giặc năm nay thế nào?". Trần Hưng Đạo phân tích: "Tâu bệ hạ, nay chúng sang thì quân ta đã quen đánh trận. Trong khi đó, quân giặc đi đường xa, mệt mỏi, lại đã từng bị thua nên chúng vẫn còn khiếp sợ. Bởi vậy thần thấy tất phá được chúng.".

(Theo *Sử ta chuyện xưa kể lại, tập hai*)

Đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp lời người khác

2. Chọn *dấu ngoặc kép* hoặc *dấu gạch ngang* thay cho ô vuông.

a. Gặp vua, Quốc Toản quỳ xuống tâu:

■ Cho giặc mượn đường là mất nước. Xin bệ hạ cho đánh!

Nói xong, cậu tự đặt thanh gươm lên gáy, xin chịu tội.

Vua cho Quốc Toản đứng dậy, ôn tồn bảo:

■ Quốc Toản làm trái phép nước, lẽ ra phải trị tội. Nhưng còn trẻ mà đã biết lo việc nước, ta có lời khen.

(*Theo* Nguyễn Huy Tưởng)

b. Năm 1285, giặc Nguyên sang cướp nước ta. Trần Bình Trọng, danh tướng đời Trần, chỉ huy một cánh quân, không may sa vào tay giặc. Giặc dụ dỗ ông đầu hàng, hứa phong tước vương cho. Trần Bình Trọng khảng khái trả lời: ■Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc.■.

(Theo *Tiếng Việt 3, tập hai*, 2006)

3. Tìm thêm 1 – 2 ví dụ có sử dụng *dấu ngoặc kép* trong các bài em đã học (ví dụ: *Học nghề*; *A lô, tớ đây*; *Sự tích ông Đùng, bà Đùng*;...).

1. Trao đổi cùng bạn về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

G:



2. Viết 2 – 3 câu nêu lí do em yêu thích nhân vật.

Tìm đọc câu chuyện về một vị thần trong kho tàng truyện cổ Việt Nam hoặc về người có công với đất nước.

Ví dụ:

Thần Sắt

Xưa có anh nông dân làm lụng vất vả quanh năm mà vẫn đói nghèo. Một hôm, anh mơ thấy Bụt hiện lên bảo:

– Ngày mai, có ba người đến xin nghỉ trọ. Con hãy chọn một người ưng ý cho vào ngủ nhờ, đừng ngại nhà chật.

Quả nhiên, chiều hôm sau, một người mặc quần áo trắng, cưỡi con ngựa trắng, hơi bạc toả ra lạnh toát đi tới. Người đó dừng trước lều, hoạnh hoẹ:

– Ngươi mau thu xếp cho ta chỗ nghỉ.

Anh nông dân bèn nói:

– Lều rách của tôi không có chỗ xứng đáng, xin ngài đi nơi khác.

Lát sau, một người toàn thân dát vàng, cưỡi một con ngựa vàng, hơi vàng toả ra lạnh buốt đến xin nghỉ trọ. Anh nông dân cũng từ chối.

Đến lúc trăng lên, có một người đen đủi, cưỡi con ngựa đen, toả ra hương thơm của núi rừng, xin ngủ nhờ. Nhìn người này hiền lành nên anh nông dân bằng lòng.

Sáng hôm sau, anh nông dân không thấy người khách và con ngựa đâu cả. Ở chỗ người khách ngủ chỉ thấy có một cục sắt đen sì, cứng như đá. Anh nông dân liền đem cục sắt ra rèn cày, rèn cuốc để khai phá ruộng nương.

Nhờ có sắt và chăm chỉ làm ăn, đời sống của anh nông dân ngày càng no ấm. Sau này anh mới biết người khách trọ chính là Thần Sắt.

(Theo *Kho tàng truyện cổ Việt Nam*)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 31

Bài 23

HAI BÀ TRƯNG

ĐỌC

Nghe bài hát về một người anh hùng và nói tên người anh hùng được nhắc tới trong bài hát đó.



HAI BÀ TRƯNG

Thuở xưa, nước ta bị nhà Hán đô hộ. Giặc ngoại xâm thẳng tay chém giết dân lành, cướp hết ruộng nương màu mỡ. Chúng bắt dân ta lên rừng săn thú lạ, xuống biển mò ngọc trai, khiến bao người thiệt mạng vì hổ báo, cá sấu, thuồng luồng,... Lòng dân oán hận ngút trời, chỉ chờ dịp vùng lên đánh đuổi quân xâm lược.

Bấy giờ, ở huyện Mê Linh có hai người con gái tài giỏi là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Cha mất sớm, nhờ mẹ dạy dỗ, hai chị em đều giỏi võ nghệ và nuôi chí giành lại non sông. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách cũng cùng chí hướng với vợ. Tướng giặc Tô Định biết vậy, bèn lập mưu giết chết Thi Sách.

Nhận được tin dữ, Hai Bà Trưng liền kéo quân về thành Luy Lâu hỏi tội kẻ thù. Trước lúc trẩy quân, có người xin nữ chủ tướng cho mặc đồ tang.

Trưng Trắc trả lời:

– Không! Ta sẽ mặc giáp phục thật đẹp để dân chúng thêm phấn khích, còn giặc trông thấy thì kinh hồn.

Hai Bà Trưng bước lên bành voi. Đoàn quân rùng rùng lên đường. Giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà. Tiếng trống đồng dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, theo suốt đường hành quân.

Thành trì của giặc lần lượt sụp đổ dưới chân của đoàn quân khởi nghĩa. Tô Định ôm đầu chạy về nước. Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.

(*Theo* Văn Lang)

Từ ngữ

- *Nhà Hán*: triều đại ở Trung Quốc, cách đây hơn 2 000 năm.
- *Đô hộ*: thống trị nước khác.
- *Huyện Mê Linh*: trước đây là một đơn vị hành chính trực thuộc thành phố Hà Nội.
- *Luy Lâu*: vùng đất thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.
- *Trẩy quân*: đoàn quân lên đường.
- *Giáp phục*: đồ bằng da (hoặc kim loại) mặc khi ra trận để che đỡ, bảo vệ thân thể.
- *Lưu danh*: để lại tên tuổi và tiếng tốt.

1. Tìm những chi tiết cho thấy tội ác của giặc ngoại xâm.
2. Hãy giới thiệu về Hai Bà Trưng.

Quê quán | Tài năng | Chí hướng

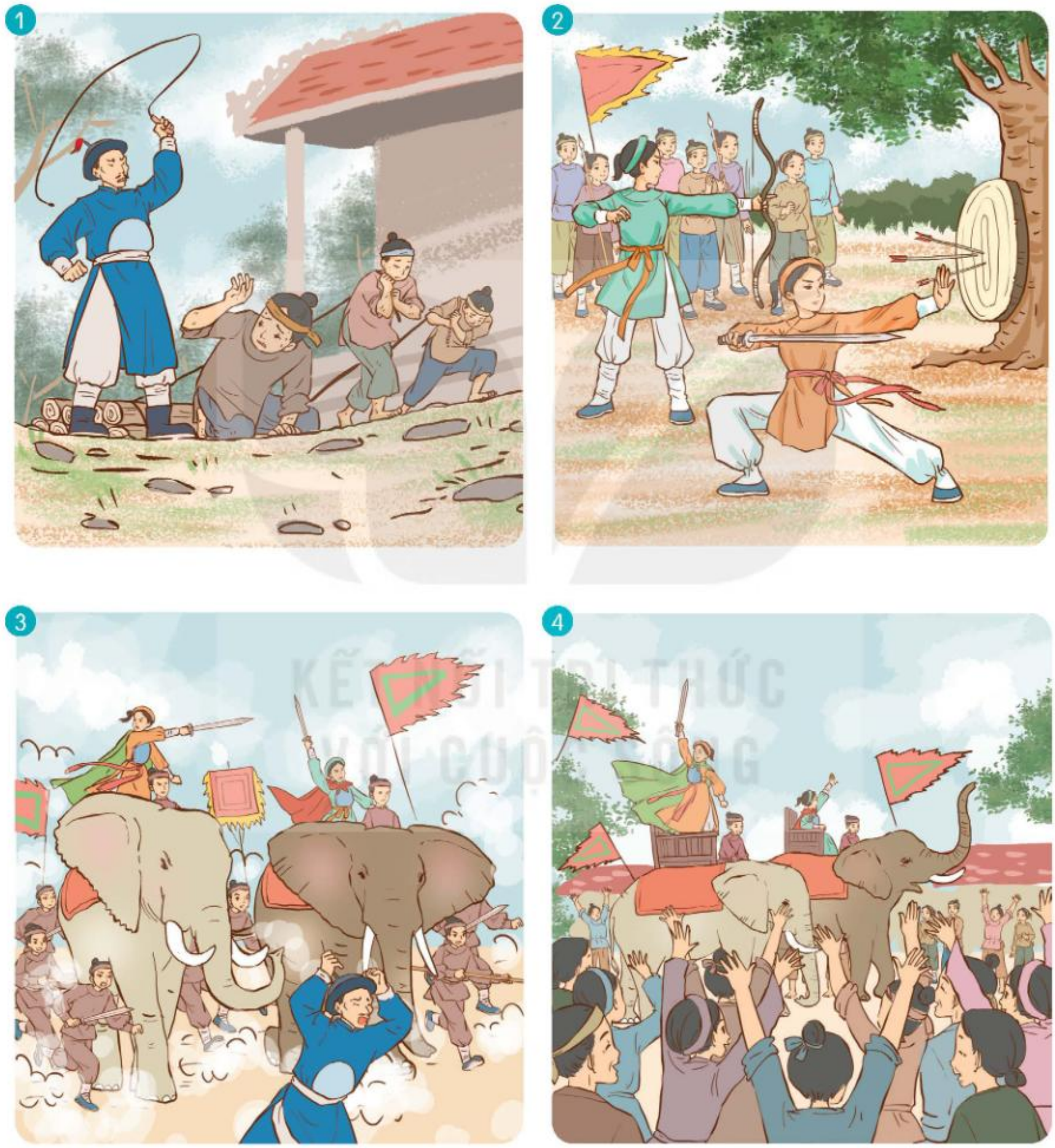
3. Theo em, vì sao Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa?
4. Hình ảnh Hai Bà Trưng và đoàn quân ra trận được miêu tả hào hùng như thế nào?
5. Nêu cảm nghĩ của em về hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

1. Nêu sự việc trong từng tranh.

Hai Bà Trưng



2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Hai Bà Trưng* (từ *Hai Bà Trưng bước lên* đến *sạch bóng quân thù*).

2. Chọn tiếng thích hợp thay cho ô vuông.

– *trú/chú*	■ẩn	■trọng	■ý	chăm■	cô■
– *trợ/chợ*	■giúp	hỗ■	hội■	viện■	■nổi

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *tr* hoặc *ch* thay cho ô vuông.

Có ■ú bé ba tuổi,
Vẫn chẳng ■ịu nói, cười
Thấy giặc Ân xâm lược
■ọt vụt cao gấp mười.

Cưỡi ngựa, vung roi sắt
Ra ■ận, chú hiên ngang
Roi gãy, nhổ ■e làng
Quật tới tấp, giặc tan.

(*Theo* Phan Thế Anh)



b. Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

Vùng đảo ấy bấy giờ
Không thuyền bè qua ■ (*lại/lạy*).
Sóng mù mịt bốn bề
■ (*Ai/Ay*) mà không sợ ■ (*hãi/hãy*)?
■ (*Mai/May*) An Tiêm không ■ (*ngại/ngạy*)
Có trí, có đôi ■ (*tai/tay*)
Có nước, có đất trời
Lo gì không sống nổi!

(*Theo* Nguyễn Sĩ Đại)



Kể cho người thân về một nhân vật lịch sử có công với đất nước.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 24

CÙNG BÁC QUA SUỐI

ĐỌC



Cùng bạn nghe một bài hát về Bác Hồ và nêu cảm xúc của em khi nghe bài hát đó.



CÙNG BÁC QUA SUỐI

Một lần đi công tác, Bác cùng hai chiến sĩ cảnh vệ lội qua suối. Bác cẩn thận, vừa đi vừa dò mực nước. Thỉnh thoảng Bác nhắc các chiến sĩ đi sau: "Chỗ này nước sâu, khéo ướt quần áo!", "Chỗ này rêu trơn, đi cẩn thận!".

Gần lên đến bờ, Bác trượt chân, suýt ngã. Bác xem lại chỗ vừa trượt chân và nói:

– Hòn đá đã tròn lại có nhiều rêu trơn. Hơn nữa, chỗ này sắp đến bờ, người ta thường chủ quan, nên rất dễ ngã.

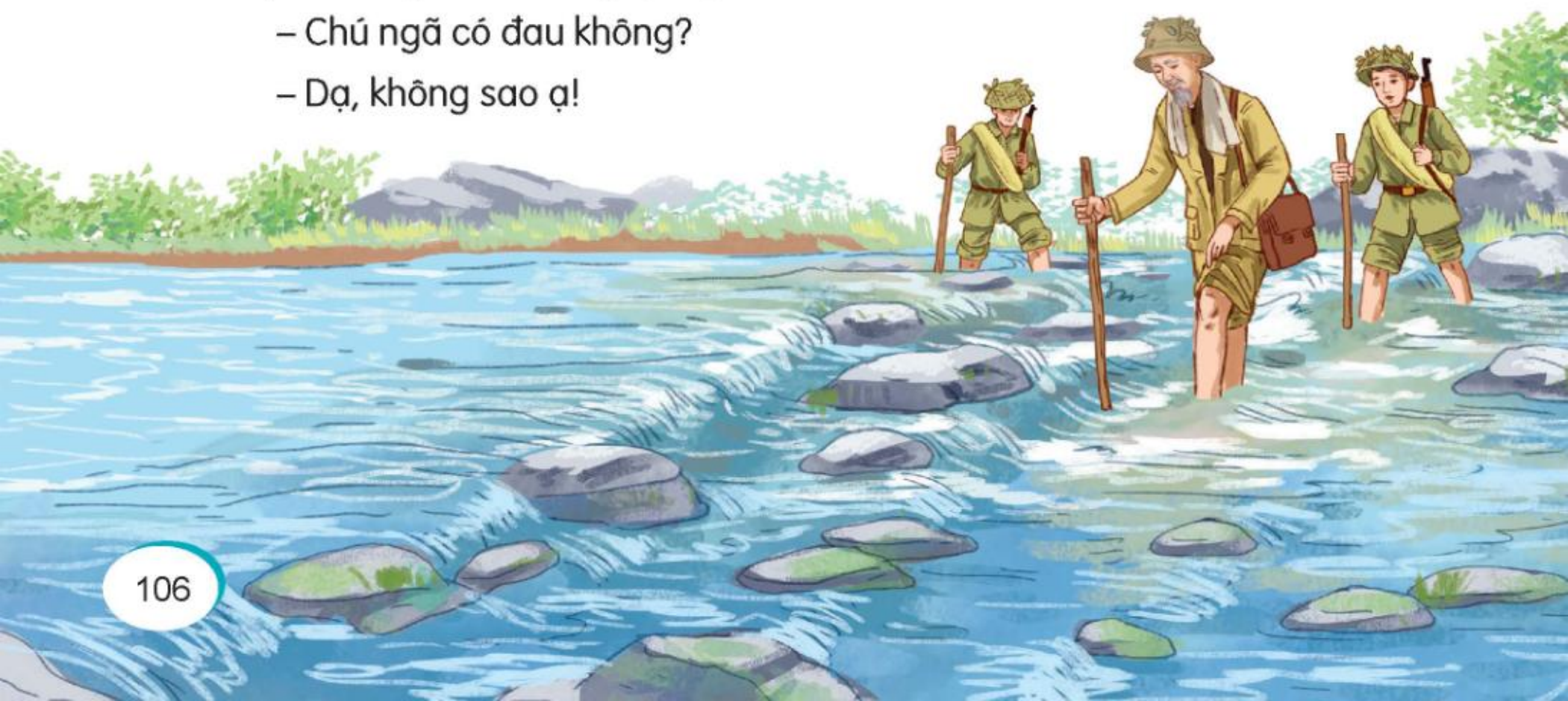
Nói xong, Bác cúi xuống, nhặt hòn đá, đặt lên bờ. Bác bảo:

– Phải để nó ra đây, tránh cho người đi sau khỏi bị ngã.

Lần khác, bác cháu lại qua một con suối. Ở đây, có những hòn đá bắc thành lối đi. Khi Bác đã sang tới bờ bên kia, một chiến sĩ đi sau bỗng sẩy chân ngã. Bác dừng lại đợi anh chiến sĩ đi tới, rồi ân cần hỏi:

– Chú ngã có đau không?

– Dạ, không sao ạ!



Bác nói:

– Thế thì tốt rồi. Nhưng tại sao chú bị ngã?

– Thưa Bác, tại hòn đá bị kênh ạ.

– Ta cần kê lại để người khác qua suối không bị ngã nữa.

Nghe lời Bác, anh chiến sĩ vội quay lại kê hòn đá cho chắc chắn. Xong đâu đấy, bác cháu mới tiếp tục lên đường.

(Theo *Chuyện Bác Hồ trồng người*)

Từ ngữ

– *Chủ quan*: không để ý, thiếu thận trọng.

– *Kênh*: lệch, không cân, không phẳng.



1. Những chi tiết nào (ở đầu câu chuyện) cho thấy Bác rất cẩn thận khi qua suối?
2. Chuyện gì xảy ra khi Bác gần qua được suối?
3. Biết hòn đá có rêu trơn, Bác đã làm gì? Vì sao Bác làm như vậy?
4. Sắp xếp các sự việc cho đúng với trình tự trong câu chuyện.

Bác cháu tiếp tục lên đường.	Một chiến sĩ sẩy chân ngã.
Anh chiến sĩ quay lại kê hòn đá cho chắc.	Bác dừng lại đợi và nhắc nhở anh chiến sĩ.

5. Câu chuyện *Cùng Bác qua suối* cho thấy những phẩm chất nào của Bác?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về một vị thần trong kho tàng truyện cổ Việt Nam (hoặc người có công với đất nước) và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (…) – Tên bài: (…)	– Tác giả: (…) – Tên vị thần/ người có công với đất nước: (…)
Công lao của người đó: (…)	Điều em nhớ nhất sau khi đọc: (…)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Kể với bạn về công lao của vị thần (hoặc người có công với đất nước) trong bài đã đọc.

LUYỆN TẬP

1. Giới thiệu một lễ hội (hoặc hội) mà em biết.

M:

Tên lễ hội (hoặc hội)	Địa điểm tổ chức lễ hội (hoặc hội)	Các hoạt động trong lễ hội (hoặc hội)
Lễ hội đền Hùng	tỉnh Phú Thọ	dâng hương, gói bánh chưng, giã bánh giầy,...
Lễ hội đua ghe ngo	thành phố Cần Thơ	lễ xuống ghe, lễ cúng trăng, đua ghe ngo,...





KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết một câu hỏi và một câu trả lời về lễ hội (hoặc hội), trong đó có dùng *dấu gạch ngang*.

3. Nêu công dụng của *dấu ngoặc kép* và *dấu gạch ngang* trong đoạn văn dưới đây:

Sáng nay, lớp Quốc Anh nghe cô kể chuyện *Có công mài sắt, có ngày nên kim*. Cuối buổi, cô dặn cả lớp: "Chúng ta cần phải rèn đức tính kiên nhẫn.". Về nhà, cậu kể lại chuyện cho mẹ và em gái nghe. Em gái thắc mắc:

– Mài như vậy thì lâu lắm mới xong, anh nhỉ?



(*Theo* Bùi Đức Anh)

4. Chọn dấu câu thích hợp để đánh dấu lời nói của nhân vật trong đoạn văn dưới đây:

Hồi ấy, giặc cho hàng trăm tàu lớn tiến vào cửa biển nước ta. Vua Trần Nhân Tông mong tìm được người tài giỏi giúp đánh lui giặc dữ. Yết Kiêu đến gặp vua và nói: *Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá.* Vua hỏi: *Nhà ngươi cần bao nhiêu người, bao nhiêu thuyền?* Yết Kiêu đáp: *Một mình tôi cũng có thể đương đầu với chúng.*

(Theo *Truyện cổ dân gian Việt Nam*)

1. Viết đoạn văn về một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện đã đọc, đã nghe.

G:

– Tên nhân vật
– Tên câu chuyện kể về nhân vật
– Những điều em yêu thích ở nhân vật
– Lí do em yêu thích nhân vật

2. Trao đổi bài làm trong nhóm để góp ý và sửa lỗi. Bình chọn các đoạn văn hay.

Sưu tầm tranh, ảnh, bài văn, bài thơ,... về Bác Hồ.

TRÁI ĐẤT CỦA CHÚNG MÌNH



Tuần 32

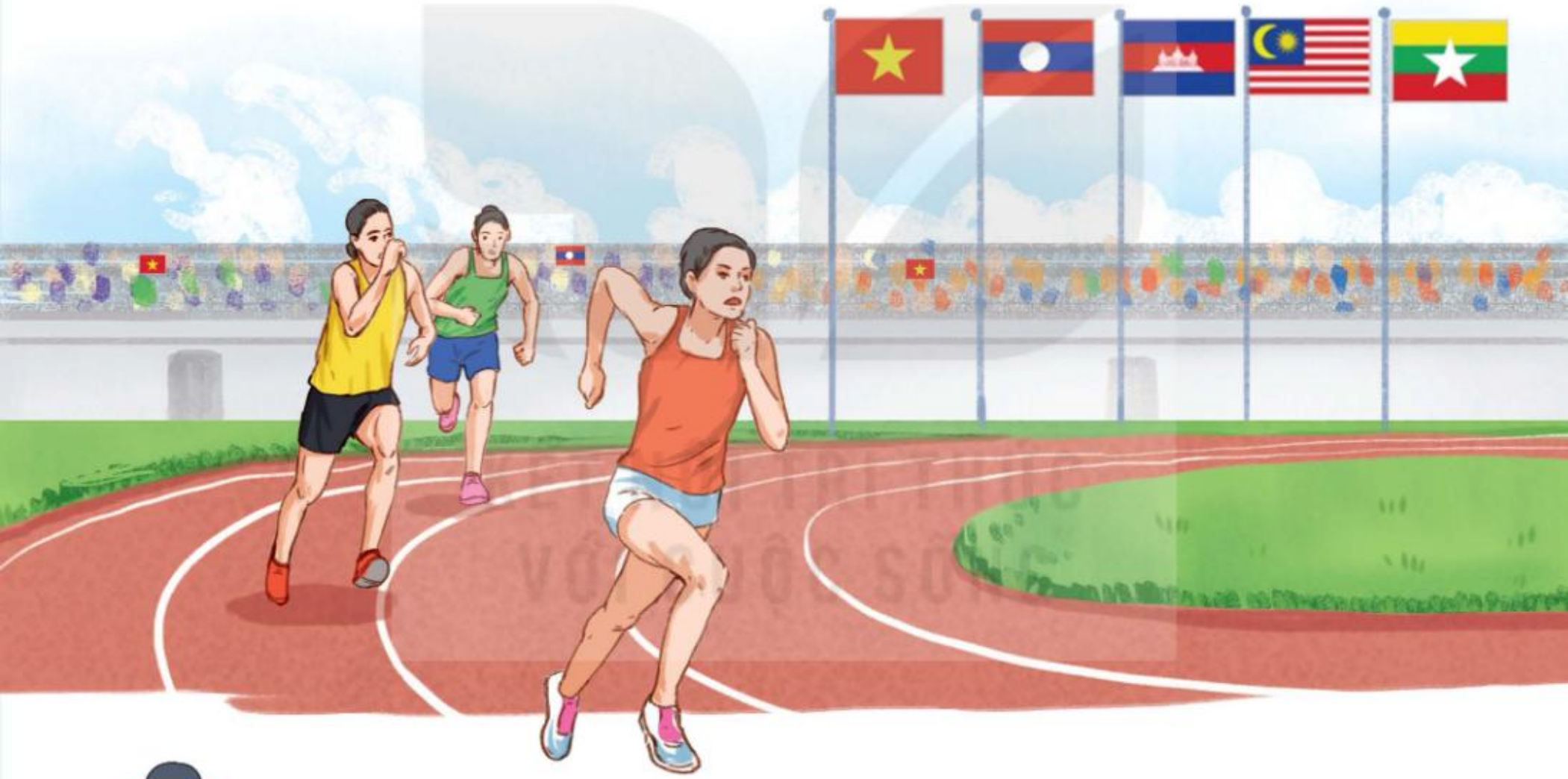
Bài 25

NGỌN LỬA Ô-LIM-PÍCH

ĐỌC



1. Em biết cờ của những nước nào trong bức tranh dưới đây?
2. Vì sao trong hình thi đấu thể thao này có cờ của nhiều nước?





NGỌN LỬA Ô-LIM-PÍCH

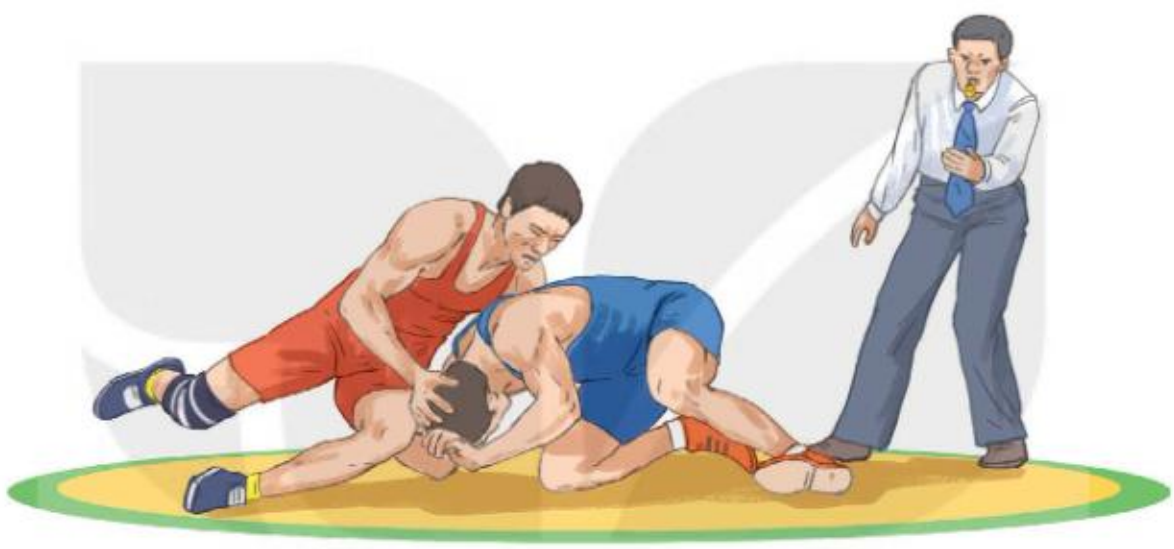
Tục lệ tổ chức Đại hội Thể thao Ô-lim-pích đã có từ gần 3 000 năm trước ở nước Hy Lạp cổ.

Đại hội được tổ chức bốn năm một lần, vào tháng Bảy, thường kéo dài năm, sáu ngày. Trai tráng từ khắp nơi trên đất nước Hy Lạp đổ về thành phố Ô-lim-pi-a thi chạy, nhảy, bắn cung, đua ngựa, ném đĩa,

ném lao, đấu vật,... Những người đoạt giải được tấu nhạc chúc mừng và được đặt một vòng nguyệt quế lên đầu tượng trưng cho vinh quang, chiến thắng. Trong thời gian lễ hội, mọi cuộc xung đột đều phải tạm ngừng. Thành phố Ô-lim-pi-a trở nên đông đúc, tưng bừng, náo nhiệt vì sự có mặt của người tứ xứ.

Từ năm 1894, tục lệ tốt đẹp này được khôi phục và tổ chức trên phạm vi toàn thế giới. Trong các Đại hội về sau, có thêm sự tham gia của các vận động viên nữ. Ngọn lửa mang từ thành phố Ô-lim-pi-a tới được thắp sáng trong giờ khai mạc, báo hiệu bắt đầu những cuộc đua tài theo tinh thần hoà bình và hữu nghị.

(Theo *Những mẩu chuyện lịch sử thế giới*)



Từ ngữ

- *Ô-lim-pích* (còn gọi là *Thế vận hội*): đại hội thể thao quốc tế, thường được tổ chức 4 năm một lần.
- *Vòng nguyệt quế*: vòng được kết bằng lá cây nguyệt quế, dùng để tặng người chiến thắng.
- *Xung đột*: chiến tranh.
- *Khôi phục*: lập lại.
- *Hữu nghị*: (quan hệ) thân thiết giữa các nước.

1. Đại hội Thể thao Ô-lim-pích có từ bao giờ và ở đâu?
2. Những môn thể thao nào được thi đấu trong Đại hội?
3. Khung cảnh thành phố trong những ngày diễn ra lễ hội như thế nào?
4. Em hãy giới thiệu về ngọn lửa Ô-lim-pích.
5. Theo em, vì sao nói Đại hội Thể thao Ô-lim-pích là tục lệ tốt đẹp?

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Đất quý, đất yêu

(Truyện dân gian Ê-ti-ô-pi-a, Mai Hà *dịch*)

1



Vua nước Ê-ti-ô-pi-a đã đón tiếp hai người khách du lịch như thế nào?

2



Viên quan làm điều gì khiến hai người khách rất ngạc nhiên?

3



Viên quan đã giải thích với hai người khách thế nào về hành động của mình?

4



Hai người khách nhận ra điều gì đáng quý ở người Ê-ti-ô-pi-a?

2. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Ngọn lửa Ô-lim-pích* (từ *Tục lệ* đến *đấu vật*).

2. Kể và viết tên vận động viên ở Việt Nam hoặc trên thế giới mà em biết.

3. Tìm tên riêng nước ngoài viết đúng và chép vào vở.

Vích-to Huy-gô	Liu-xi-a	Va-Li-a
Oan-tơ	Đác-Uyn	Pu-skin

Nói với bạn về một vận động viên em yêu thích.

Bài 26

RÔ-BỐT Ở QUANH TA

ĐỌC



Cùng bạn trao đổi về công dụng của các đồ vật dưới đây:





RÔ-BỐT Ở QUANH TA

Năm 1920, rô-bốt xuất hiện lần đầu tiên trong vai nhân vật của một vở kịch viễn tưởng. Đó là nhân vật người máy, biết làm theo mệnh lệnh của con người. "Tuyệt quá! Nếu giao hết việc nặng nhọc, nguy hiểm cho rô-bốt thì chúng ta nhàn nhã bao nhiêu!". Ai xem kịch cũng nghĩ thế. Rồi người ta bắt đầu nghiên cứu, chế tạo rô-bốt thật, thường có hình dạng như người, làm việc chẳng biết mệt mỏi, chẳng sợ hiểm nguy. Giờ đây, rô-bốt đã có thể di chuyển vật nặng, có thể chữa cháy, cứu nạn, thăm dò vũ trụ, khám phá đại dương,...

Rô-bốt còn được tạo ra để giúp chúng ta những việc thường ngày: rửa bát, quét nhà, bán hàng,... Dự báo, không bao lâu nữa, rô-bốt sẽ được sử dụng rộng rãi trong đời sống.

(*Theo* Ngọc Thuỷ)



Từ ngữ

- *Viễn tưởng*: tưởng tượng về những điều có trong tương lai xa xôi.
- *Cứu nạn*: cứu người bị nạn thoát khỏi nguy hiểm.
- *Vũ trụ*: khoảng không gian mênh mông chứa các thiên hà.
- *Dự báo*: báo trước những điều có nhiều khả năng sẽ xảy ra.

1. Nhân vật người máy (rô-bốt) xuất hiện lần đầu tiên khi nào?
2. Sự xuất hiện của rô-bốt trong vở kịch đem đến những thay đổi gì trong suy nghĩ và hành động của con người?
3. Bài đọc cho biết rô-bốt được con người chế tạo đã có khả năng làm những việc gì?
4. Theo em, vì sao không bao lâu nữa, rô-bốt sẽ được sử dụng rộng rãi trong đời sống?
5. Em mong muốn có một con rô-bốt như thế nào cho riêng mình?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Ă, Â, Đ, Ô

1. Viết tên riêng: Hội An

2. Viết câu: Ai về phố cổ Hội An
Thêm yêu, thêm nhớ Quảng Nam quê mình.

(Việt Dũng)

Quảng Nam: nay thuộc thành phố Đà Nẵng.

LUYỆN TẬP

1. Trong những câu thơ, câu văn dưới đây, *dấu hai chấm* dùng để làm gì?

Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần giải thích

Báo hiệu bộ phận câu đứng sau là phần liệt kê

a. Cá vui: mưa trên sông
Sông vui: đò vào bến
Bến vui: ở cạnh trường
Trường vui: đông bé đến...

(Phạm Hổ)

b. Rồi những cảnh tuyệt đẹp của đất nước hiện ra: cánh đồng với những đàn trâu thung thăng gặm cỏ, dòng sông với những đoàn thuyền ngược xuôi.

(Nguyễn Thế Hội)

c. Đảo hiện lên rực rỡ vào lúc vầng đông bắt đầu toả ánh sáng. Sắc xanh nhô lên mịn màng. Chim bay vút lên khoe trăm màu áo đan chéo nhau trong không trung: nâu, trắng, mun, vàng, xám, tím biếc,...

(Võ Văn Trực)

2. Chọn *dấu hai chấm* hoặc *dấu phẩy* thay cho ô vuông trong đoạn văn dưới đây. Vì sao em chọn dấu câu đó?



Mèo Mun có sở thích đặc biệt ■ ăn cá. Thế là mèo mẹ mua về cho Mun ít cá tươi ■ 1 con rô, 2 con diếc,... Mẹ nướng cá lên. Mun vui lắm. Vừa ăn, chú vừa luôn miệng khen: "Cá giòn ■ thơm và ngọt quá!". Và chú cũng không quên một việc quen thuộc ■ nói lời cảm ơn mẹ.

(*Theo* Nguyễn Hữu Đạt)

3. Nói tiếp để hoàn thành các câu dưới đây:

a. Rô-bốt được tạo ra để (...).

b. Trai tráng khắp Hy Lạp đổ về thành phố Ô-lim-pi-a để (...).

c. Chúng ta cần học ngoại ngữ để (...).

4. Cùng bạn đặt và trả lời câu hỏi *Để làm gì?*.

M: – Chúng ta tập thể dục, thể thao **để làm gì**?

– Chúng ta tập thể dục, thể thao **để nâng cao sức khoẻ**.

1. Đọc bản tin sau và tìm thông tin ứng với các mục nêu bên dưới.

Bản tin Giờ Trái Đất năm 2021

Tại Việt Nam, Giờ Trái Đất bắt đầu từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 3 năm 2021. Trong giờ này, các thiết bị điện đều được tắt. Sự kiện Giờ Trái Đất giúp chúng ta tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.



1. Tên bản tin
2. Hoạt động được thông báo trong bản tin
3. Địa điểm và thời gian của hoạt động
4. Nội dung của hoạt động

2. Viết một bản tin về hoạt động giữ gìn vệ sinh môi trường.

3. Trao đổi bản tin em viết với bạn, bổ sung ý (nếu cần).

Tìm đọc bài văn, bài thơ về đồ vật thông minh giúp con người trong công việc.

Ví dụ:

Rô-bốt đang đến gần cuộc sống

Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, chúng ta không chỉ có rô-bốt làm thay những việc nặng nhọc và nguy hiểm mà còn có rô-bốt giúp việc thường ngày.

Cửa hàng thực phẩm ở Xơ-un (Hàn Quốc) có chú rô-bốt Pép-pơ. Pép-pơ hỗ trợ cung cấp thông tin, giúp khách hàng biết về nhiều sản phẩm.

Ở Phần Lan, cuối tháng 3 năm 2018, nhiều trường tiểu học thử nghiệm đưa rô-bốt vào dạy học, trong đó có rô-bốt dạy ngôn ngữ tên là Ê-li-át. Ưu điểm của con rô-bốt thông minh này là rất kiên nhẫn. Ê-li-át cũng khiến các học sinh không còn cảm thấy ngại ngùng khi đặt câu hỏi.

Tại nhiều quốc gia trên thế giới, những rô-bốt chăm sóc người cao tuổi trong các bệnh viện, rô-bốt phục vụ trong nhà hàng hay rô-bốt làm cảnh sát trên đường phố giờ đây không còn quá xa lạ.

(*Theo* Huy Bình)

Bài 27

THƯ CỦA ÔNG TRÁI ĐẤT GỬI CÁC BẠN NHỎ

ĐỌC



Theo em, bức tranh dưới đây muốn nói với chúng ta điều gì?





THƯ CỦA ÔNG TRÁI ĐẤT GỬI CÁC BẠN NHỎ

Các bạn nhỏ yêu quý!

Ta viết thư này cho các bạn trong lúc ta đang bị sốt rất cao. Các bạn có nghe thấy hằng ngày trên báo đài nói rằng "Trái Đất đang nóng lên" không? Có thể các bạn sẽ không hài lòng về ta, bởi ta bây giờ có rất nhiều tính xấu. Nào là ta thất thường, làm nơi này hạn hán, nơi kia lũ lụt. Nào là ta nóng tính, làm nhiệt độ tăng cao, núi lửa phun trào. Nào là ta lười chăm sóc bản thân, làm môi trường ô nhiễm,... Có lẽ ta đã gây quá nhiều phiền toái cho cuộc sống của mọi người.

Ta thực sự không muốn như vậy. Nhưng chính con người đã mang lại những rắc rối cho ta. Con người xả rác bừa bãi, chặt cây phá rừng, lãng phí nguồn nước, săn bắn động vật hoang dã,... Mỗi ngày một chút, những hành động đó của con người làm ta yếu dần.

Các bạn nhỏ thân mến của ta ơi! Ta biết tất cả các bạn đều mong ta sống thật lâu và vui vẻ. Bởi ai cũng muốn được sống trên một Trái Đất khoẻ mạnh và xanh tươi. Hãy giúp ta nhé, bắt đầu từ những việc nhỏ thôi, như khoá một vòi nước không dùng đến hay tắt bớt một bóng đèn,... Các bạn có thể làm được, đúng không?

Ông Trái Đất



(Phan Nguyên)

Từ ngữ

Động vật hoang dã: động vật sống trong tự nhiên, chưa được thuần hoá.

1. Trong thư, ông Trái Đất kể những chuyện gì đang xảy ra với mình?









2. Con người đã làm gì khiến ông Trái Đất rơi vào tình trạng như vậy?

3. Ông Trái Đất mong muốn điều gì?

4. Sắp xếp các ý dưới đây theo đúng trình tự của nội dung bức thư.

Lời kêu cứu của Trái Đất	Tình trạng hiện nay của Trái Đất	Nguyên nhân làm Trái Đất ô nhiễm

5. Em có suy nghĩ gì khi đọc bức thư của ông Trái Đất?

NÓI VÀ NGHE

Môi trường của chúng ta

1. Dựa vào hình, nói về nạn ô nhiễm môi trường mà em biết.

G: – Đó là nạn ô nhiễm gì? (ô nhiễm đất, nước, không khí, tiếng ồn,...)

– Vì sao xảy ra nạn ô nhiễm đó?







2. Trao đổi với bạn về hậu quả của một nạn ô nhiễm môi trường mà em đã nói ở bài tập 1.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Em nghĩ về Trái Đất

Em vươn vai đứng dậy
Trái Đất đã xanh rồi
Giữa biêng biếc mây trời
Tiếng chim vui ngọt quá.

Quàng khăn xanh biển cả
Khoác áo thơm hương rừng
Trái Đất mang trên lưng
Những đứa con của đất.

Như ban mai nắng ấm
Lung linh bờ thảo nguyên
Hãy giữ được bình yên
Cho hoa thơm thơm mãi.

(Nguyễn Lãm Thắng)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Chọn từ phù hợp với mỗi lời giải nghĩa dưới đây:

rành　　dành　　giành

– Giữ lại cho mình hoặc cho ai đó.

– Biết rõ, rất thành thạo.

– Cố dùng sức để lấy về được cho mình (hoặc cố gắng để đạt cho được).

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *r, d* hoặc *gi* thay cho ô vuông.

– Rừng ■à có nhiều loài thực vật quý hiếm.

– ■ải Ngân Hà sáng lấp lánh trên bầu trời đêm.

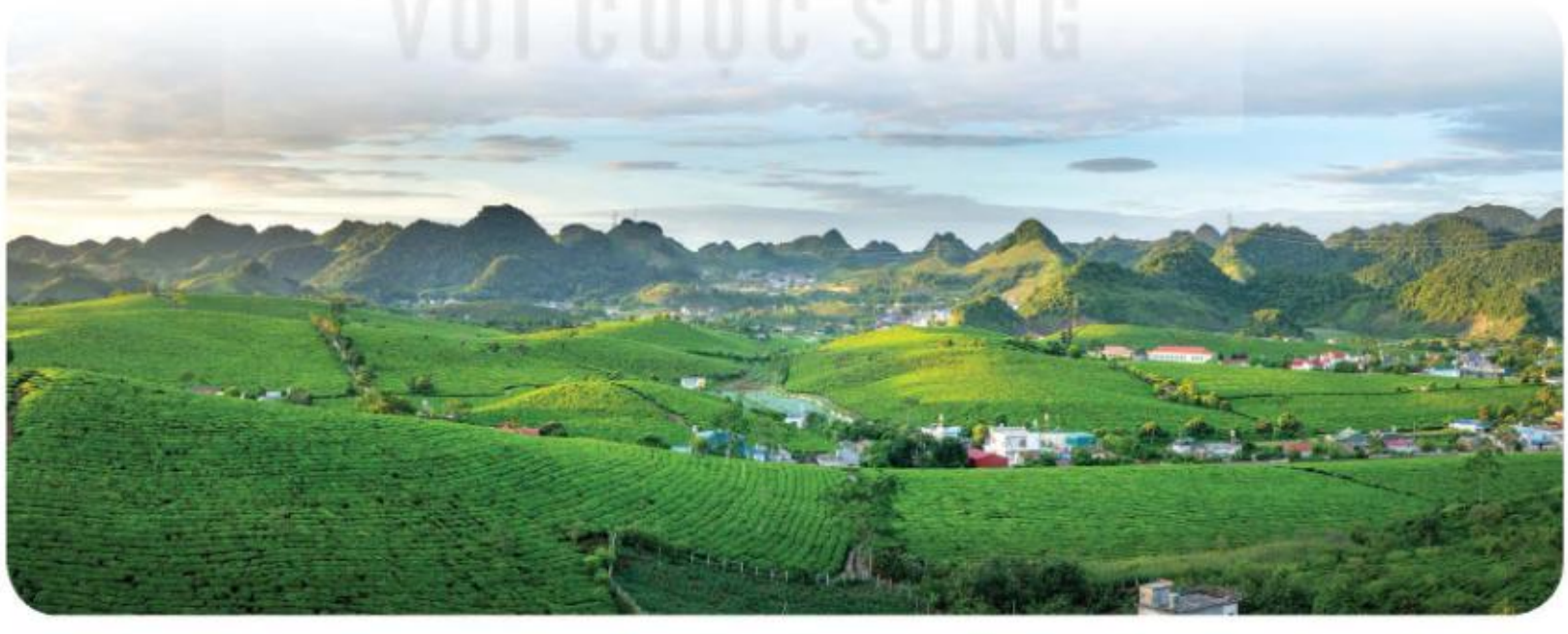
– Suối chảy róc ■ách đêm ngày.

– Sương ■ăng mờ trên đỉnh núi.

b. Chọn *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã* cho chữ in đậm.

Thao nguyên là một vùng đất rộng lớn, được **phu** kín **bơi** lớp cỏ xanh mượt. Nhiều loài động vật là cư dân của nơi đây như: chim **se**, chuột, **tho**, hươu cao **cô**,... Nếu bạn muốn đi **da** ngoại thì đồng cỏ là một lựa chọn tuyệt vời. Còn gì vui bằng khi được chạy **nhay** trên **tham** cỏ xanh như ngọc.

(Theo *Từ điển bách khoa toàn thư đầu tiên của tôi*)



Trao đổi với người thân về:

– Hiện tượng ô nhiễm môi trường ở địa phương em.

– Nguyên nhân của hiện tượng ô nhiễm đó.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 28

NHỮNG ĐIỀU NHỎ TỚ LÀM CHO TRÁI ĐẤT

ĐỌC

Nêu những việc làm của con người để bảo vệ Trái Đất.



NHỮNG ĐIỀU NHỎ TỚ LÀM CHO TRÁI ĐẤT

Chỉ là những điều nhỏ thôi, nhưng tớ tin rằng nếu mọi người cùng làm thì kết quả sẽ rất lớn.

1. Không vứt rác bừa bãi

Nhiều bạn thản nhiên vứt rác ra đường, vì cho rằng có người dọn hộ. Nếu ai cũng như thế, Trái Đất sẽ biến thành núi rác khổng lồ.

2. Không dùng túi ni lông

Ước tính hiện nay có khoảng 300 triệu túi ni lông đang bị vứt trôi nổi trên đại dương. Để cứu sinh vật biển, chúng ta có thể dùng túi vải, túi giấy,... thay cho túi ni lông.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

3. Không lãng phí thức ăn

Điều này chắc chắn ai cũng làm được. Không để thừa thức ăn là chúng ta tôn trọng người làm ra thức ăn cho mình. Và thế là Trái Đất cũng được tôn trọng.

Đến lượt bạn rồi. Hãy viết tiếp những điều thứ tư, thứ năm,... nhé.

(*Theo* Trang Nguyễn)

1. Bài viết nhắc đến mấy điều mọi người cần làm cho Trái Đất? Đó là những điều gì?
2. Vì sao mọi người cần làm những điều đó?
3. Theo em, vì sao lại gọi đó là những điều nhỏ?
4. Chúng ta có thể làm gì để cứu sinh vật biển?
5. Từ bài đọc trên, em thấy mình cần làm gì để bảo vệ môi trường?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài văn, bài thơ về đồ vật thông minh giúp con người trong công việc và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...)	– Tác giả: (...) – Tên và công dụng của đồ vật: (...)
Thông tin thú vị đối với em: (...)	Điều em muốn biết thêm: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Trao đổi với bạn về nội dung bài đã đọc.



Tớ thấy những chú rô-bốt trong bài *Rô-bốt đang đến gần cuộc sống* thật là thông minh. Các chú rô-bốt biết làm thay con người nhiều việc.

LUYỆN TẬP

1. Chọn *dấu gạch ngang* hoặc *dấu ngoặc kép* thay cho ô vuông.

Hồng và mẹ đi dạo trong công viên. Cô bé cầm chiếc kẹo bông trắng xốp, vừa đi vừa nhấm nháp, miệng xuýt xoa: ■Kẹo bông ngon tuyệt!■. Ăn hết chiếc kẹo, cô bé tiện tay ném que kẹo xuống mặt đường. Mẹ Hồng thấy vậy, liền nhặt lên và hỏi:

■ Con có thấy đường rất sạch không?

■ Đường rất sạch, mẹ ạ. Cô giáo con bảo: ■Các cô chú lao công làm việc rất vất vả để mang lại môi trường trong lành cho tất cả chúng ta.■.

■ Chính vì thế chúng ta nên trân trọng công sức lao động của họ, không được vứt rác bừa bãi.

Hồng hiểu ra, cầm lấy chiếc que trong tay mẹ, bỏ vào thùng rác gần đó.

(*Theo* Ngọc Khánh)

2. Dựa vào tranh minh hoạ bài đọc *Những điều nhỏ tớ làm cho Trái Đất*, viết một câu có sử dụng *dấu hai chấm* báo hiệu phần liệt kê.

3. Những câu in đậm trong truyện cười dưới đây thuộc kiểu câu gì? Hãy chỉ ra đặc điểm, công dụng của chúng.

Đi chợ

Có một cậu bé được bà sai đi chợ. Bà đưa cho cậu hai đồng, hai cái bát và nói:

– **Cháu mua giúp bà một đồng tương, một đồng mắm nhé!**

Cậu bé vâng dạ, đi ngay. Gần tới chợ, cậu bỗng hớt hải chạy về nói với bà.

– **Bà ơi, bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm ạ?**

Bà mỉm cười:

– **Bát nào đựng tương, bát nào đựng mắm mà chẳng được.**

Cậu bé lại ra đi. Đến chợ, cậu lại ba chân bốn cẳng chạy về.

– **Bà ơi, thế đồng nào mua mắm, đồng nào mua tương ạ?**

Bà phì cười:

– **Trời!**

(Theo *Truyện cười dân gian Việt Nam*)

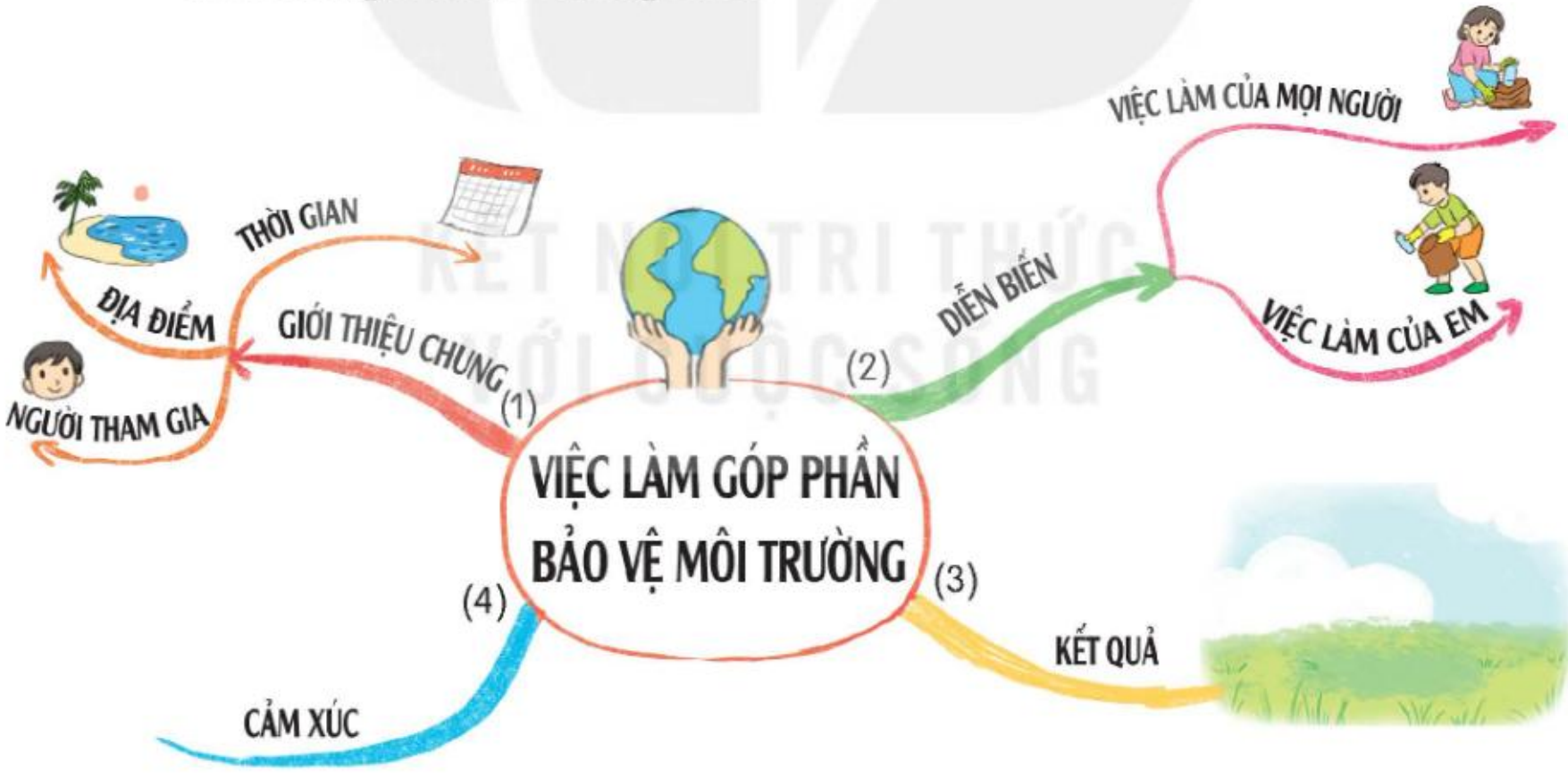
1. Trao đổi với bạn về:

– Những hiện tượng ô nhiễm môi trường ở địa phương và nguyên nhân.

– Những việc em và mọi người đã làm hoặc có thể làm để khắc phục hiện tượng ô nhiễm đó.



2. Viết đoạn văn kể lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường mà em đã tham gia hoặc chứng kiến.



3. Đọc lại đoạn văn, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Trao đổi với người thân về những việc cần làm để giữ nhà cửa luôn sạch đẹp.

Bài 29

BÁC SĨ Y-ÉC-XANH

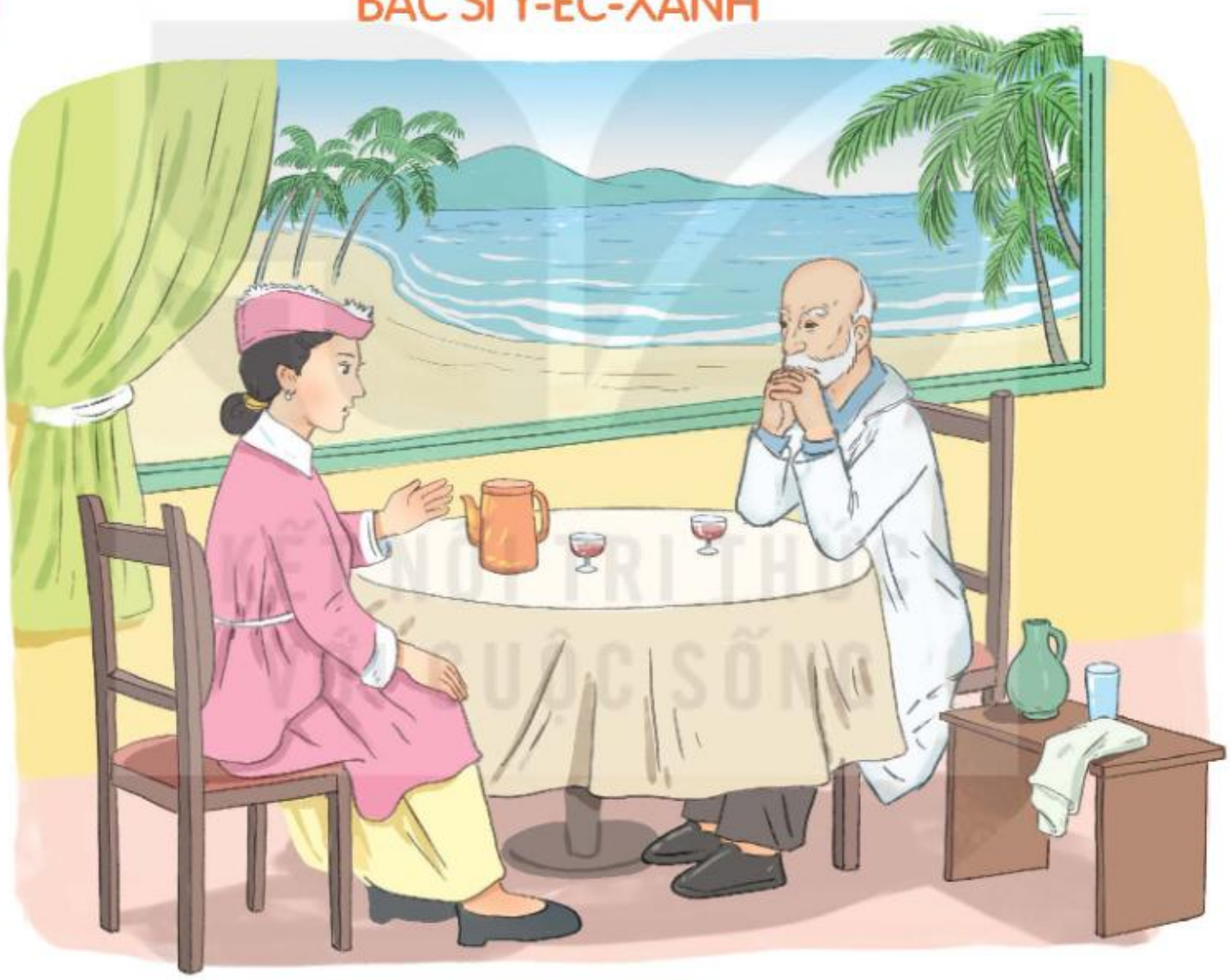
ĐỌC



Giới thiệu với bạn về một người làm nghề y mà em biết.



BÁC SĨ Y-ÉC-XANH



Bà khách ước ao được gặp bác sĩ Y-éc-xanh phần vì ngưỡng mộ người đã tìm ra vi trùng dịch hạch, phần vì tò mò. Bà muốn biết điều gì khiến ông chọn cuộc sống nơi góc biển chân trời này để nghiên cứu những bệnh nhiệt đới.

Y-éc-xanh quả thật khác xa với nhà bác học trong trí tưởng tượng của bà. Trong bộ quần áo ka ki sờn cũ không là ủi, trông ông như một khách đi tàu ngồi toa hạng ba. Chỉ có đôi mắt đầy bí ẩn của ông làm bà chú ý.

Bà khách thổ lộ nỗi băn khoăn của mình:

– Y-éc-xanh kính mến, ông quên nước Pháp rồi ư? Ông định ở đây suốt đời sao?

Y-éc-xanh lặng yên nhìn khách, hai bàn tay đan vào nhau, đặt trên đầu gối.

– Tôi là người Pháp. Mãi mãi tôi là công dân Pháp. Người ta không thể nào sống mà không có Tổ quốc.

Ngừng một chút, ông tiếp:

– Tuy nhiên, tôi với bà, chúng ta đang sống chung trong một ngôi nhà: Trái Đất. Trái Đất đích thực là ngôi nhà của chúng ta. Những đứa con trong nhà phải thương yêu và có bổn phận giúp đỡ lẫn nhau. Tôi không thể rời khỏi Nha Trang này để sống ở nơi nào khác. Chỉ có ở đây, tâm hồn tôi mới được rộng mở, bình yên.

Hai người cùng im lặng. Họ nghe rõ tiếng biển thở dài, đổ nhẹ những con sóng thuỷ tinh vỡ vụn lên bờ cát.

(*Theo* Cao Linh Quân)

Từ ngữ

- *Y-éc-xanh*: nhà khoa học người Pháp, gắn bó gần như cả đời với Việt Nam, hiệu trưởng đầu tiên của Trường Đại học Y khoa Hà Nội (nay là Trường Đại học Y Hà Nội).
- *Nơi góc biển chân trời*: nơi xa xôi, cách biệt.
- *Bệnh nhiệt đới*: bệnh xảy ra ở vùng khí hậu nóng ẩm.
- *Toa hạng ba*: toa tàu dành cho khách bình dân.

1. Đọc đoạn 1 và cho biết Y-éc-xanh là ai. Vì sao bà khách ao ước được gặp ông?

2. Y-éc-xanh có gì khác so với trí tưởng tượng của bà khách?

3. Câu nói nào của Y-éc-xanh cho thấy ông là người rất yêu nước Pháp, Tổ quốc của ông?

4. Câu nói: "Trái Đất đích thực là ngôi nhà của chúng ta. Những đứa con trong nhà phải thương yêu và có bổn phận giúp đỡ lẫn nhau." cho thấy Y-éc-xanh là người như thế nào?

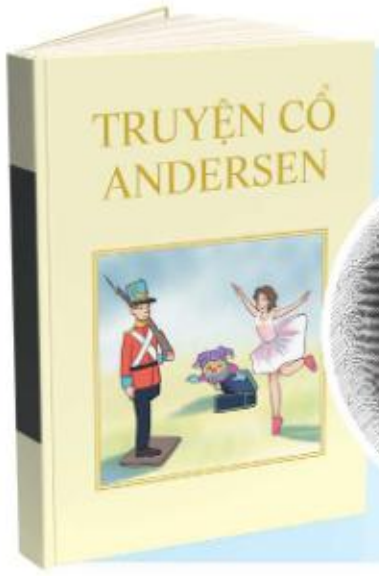
5. Em hãy nói 1 – 2 câu thể hiện lòng biết ơn với bác sĩ Y-éc-xanh.

NÓI VÀ NGHE

Người nổi tiếng

1. Em biết những người nổi tiếng nào? Nói điều em biết về một trong những người đó.

Ví dụ:





An-đéc-xen

Người Đan Mạch

Ông là nhà văn vĩ đại, viết nhiều truyện cho thiếu nhi, trong đó nổi tiếng nhất là tập *Truyện cổ An-đéc-xen*.





Tô Hoài

Người Việt Nam

Ông là nhà văn nổi tiếng của Việt Nam. Đặc biệt, ông đã viết hơn 70 tác phẩm cho thiếu nhi, trong đó có nhiều tác phẩm được dịch ra tiếng nước ngoài.



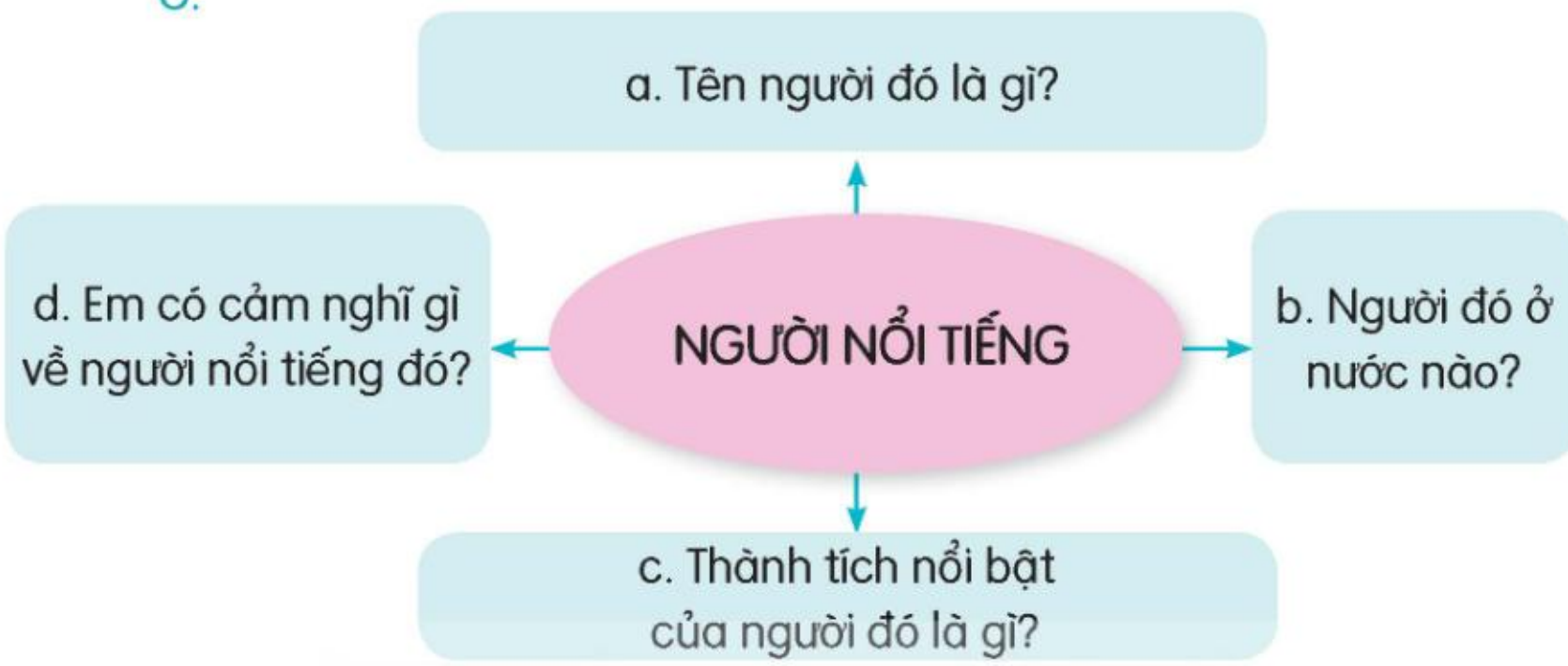
Oan Đi-xni

Người Mỹ

Ông là nhà sản xuất phim hoạt hình nổi tiếng với những nhân vật hoạt hình huyền thoại như chuột Mích-ki, vịt Đô-nan,...

2. Nêu cảm nghĩ của em về một người nổi tiếng.

G:



VIẾT

1. Nghe – viết: *Bác sĩ Y-éc-xanh* (từ *Ngừng một chút* đến *bình yên*).

2. Tìm tên người nước ngoài viết đúng và chép vào vở.

Y-éc-Xanh	Ê-li-át	Cô-li-A
Oan Đi-xni	An-đéc-xen	Si-skin

3. Tìm tên riêng địa lí nước ngoài viết đúng và chép vào vở.

Ô-lim-pi-a	Pháp	Hy lạp
Hàn Quốc	Xơ-Un	Đan Mạch

4. Nêu cách sửa những tên riêng viết sai ở bài tập 2 và 3.



Sưu tầm và đọc sách báo viết về người nổi tiếng trên thế giới.

Bài 30

MỘT MÁI NHÀ CHUNG

ĐỌC



Theo em, nhan đề bài thơ dưới đây muốn nói điều gì?



MỘT MÁI NHÀ CHUNG

(Trích)

Mái nhà của chim
Lợp nghìn lá biếc
Mái nhà của cá
Sóng xanh rập rình.

Mái nhà của dím
Sâu trong lòng đất
Mái nhà của ốc
Tròn vo bên mình.

Mái nhà của em
Nghiêng giàn gấc đỏ
Mái nhà của bạn
Hoa giấy lợp hồng.

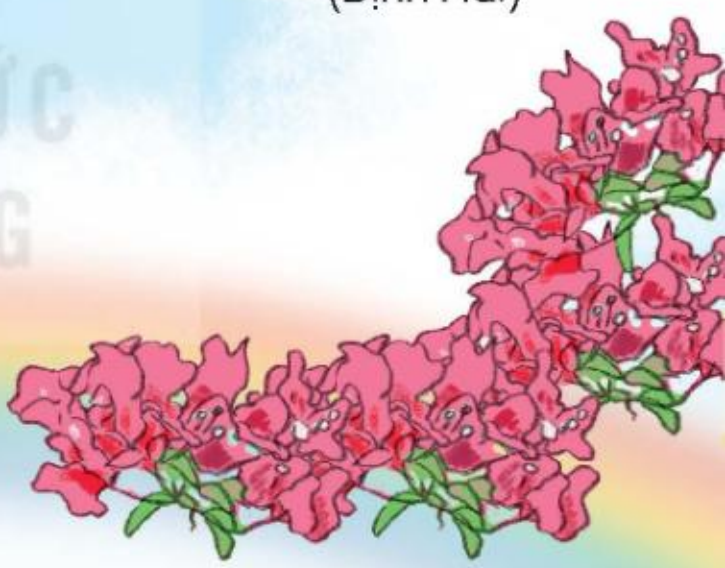
Mọi mái nhà riêng
Có mái nhà chung
Là bầu trời xanh
Xanh đến vô cùng.

Mọi mái nhà riêng
Có mái nhà chung
Rực rỡ vòm cao
Bảy sắc cầu vồng.

Bạn ơi, ngước mắt
Ngước mắt lên trông
Bạn ơi, hãy hát
Hát câu cuối cùng:
Một mái nhà chung
Một mái nhà chung...

(Định Hải)







KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Bài thơ nhắc đến mái nhà riêng của những con vật nào?

2. Ghép từ ngữ ở A với từ ngữ ở B để nói đúng đặc điểm ngôi nhà của từng con vật.

A	Mái nhà của chim	Mái nhà của cá	Mái nhà của dím	Mái nhà của ốc
B	sâu trong lòng đất	tròn vo bên mình	lợp nghìn lá biếc	sóng xanh rập rình

3. Giới thiệu về mái nhà riêng của các bạn nhỏ trong bài thơ.

4. Mái nhà chung của muôn loài là gì?

5. Em muốn nói điều gì với những người bạn cùng sống dưới mái nhà chung?

* Học thuộc lòng 4 khổ thơ em thích.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: M, N, V

1. Viết tên riêng: Việt Nam

2. Viết câu: Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ.

(*Theo* Bảo Định Giang)

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

biển, tiết kiệm nước, phá rừng, sông, núi, bảo vệ động vật hoang dã, đồi, sử dụng túi ni lông, trồng rừng, lãng phí nước, đại dương, tiết kiệm điện

Các dạng địa hình của Trái Đất	Hoạt động bảo vệ Trái Đất	Hoạt động gây hại cho Trái Đất
M: biển	M: trồng rừng	M: phá rừng

2. Cùng bạn hỏi – đáp về nội dung tranh. Viết vào vở câu hỏi, câu trả lời của em và bạn.

M: – Cô công nhân đang làm gì?

– Cô ấy đang phát cỏ.



3. Chuyển những câu dưới đây thành câu cảm hoặc câu khiến:

a. Nước hồ trong xanh.

b. Ánh nắng rực rỡ.

c. Chúng ta bỏ rác đúng nơi quy định.

d. Cả lớp có ý thức tiết kiệm giấy viết.

1. Sưu tầm và chia sẻ với bạn tranh ảnh về Trái Đất.



2. Viết đoạn văn tả bức tranh về Trái Đất.

G: a. Giới thiệu bức tranh về Trái Đất (tên bức tranh, người vẽ,...).

b. Tả bức tranh:

– Những sự vật, hoạt động được vẽ trong tranh

– Màu sắc, hình ảnh nổi bật của bức tranh

– Ý nghĩa của bức tranh

c. Nêu cảm nghĩ của em khi ngắm bức tranh.

3. Trao đổi bài làm với bạn để góp ý và sửa lỗi. Bình chọn các đoạn văn hay.

1. Tìm đọc sách báo viết về hành tinh xanh của chúng ta.

Ví dụ:

Ếch nhỏ và đầm lầy

Một con ếch sống trong khu đầm lầy. Nó nghĩ chỗ này không tốt, muốn chuyển đến nơi khác sinh sống. Nó bèn rao: "Bán đầm lầy đây! Bán đầm lầy đây!".

Một con trâu đi ngang qua nói: "Ngâm mình dưới nước chỗ này cũng được. Nhưng đáng tiếc không có cỏ.". Nói xong trâu đi thẳng. Ếch bèn trồng cỏ xung quanh đầm lầy. Sau đó nó lại rao bán. Một con vịt trời bay đến và nói: "Cái đầm này ít nước quá.". Thế rồi vịt trời cũng bay đi.

Ếch dùng ống trúc dẫn nước từ con suối trên núi xuống đầm lầy. Nước nhanh chóng tràn đầy đầm lầy. Nhưng chim nhỏ lại nói ở đây thiếu cây. Thỏ con nói ở đây không có đường đi. Khỉ con nói ở đây không có nhà... Ếch nghe lời các bạn, trồng thêm cây, sửa đường, xây nhà xung quanh đầm lầy. Rồi nó lại rao to: "Bán đầm lầy đây! Bán đầm lầy đây! Xem này, một nơi tuyệt đẹp. Có hồ nước, có cỏ cây hoa lá, chim hót ríu ran trên cây. Đường đi rộng rãi...". Nói đến đây, ếch chợt dừng lại. Nó nghĩ: Một nơi tuyệt đẹp thế này, sao lại rao bán? Thế là ếch không bán đầm lầy nữa.

(Truyện cổ thế giới)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH

– Ngày đọc: (…) – Tên bài: (…)	– Tác giả: (…) – Nội dung chính: (…)
Điều em ấn tượng nhất: (…)	Bài tiếp theo mà em dự định đọc: (…)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

Tuần 35

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

1. Bức tranh dưới đây cho em biết điều gì?



2. Nêu tên 1 – 2 bài đọc em yêu thích ở mỗi chủ điểm.

3. Đọc một bài em yêu thích và trả lời câu hỏi.

a. Bài đọc đó thuộc chủ điểm nào?

b. Bài đó viết về ai hoặc viết về sự vật gì?

c. Chi tiết nào trong bài đọc khiến em thấy thú vị?

4. Trò chơi: Ghép từ ngữ để tạo câu.

Cách thực hiện: bạn thứ nhất nêu từ ngữ chỉ sự vật, bạn thứ hai nêu từ ngữ chỉ đặc điểm hoặc hoạt động phù hợp.

a. Ghép từ ngữ chỉ sự vật với từ ngữ chỉ đặc điểm thích hợp.



b. Ghép từ ngữ chỉ người hoặc con vật với từ ngữ chỉ hoạt động thích hợp.



5. Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô vuông.

Tưởng tượng

Anh: – Sao em không uống thuốc đúng giờ thế ■

Em: – Thuốc đó đắng lắm ■

Anh: – Hãy tưởng tượng thuốc rất ngọt ■ Em sẽ uống dễ dàng ■

Em: – Hay là anh cứ tưởng tượng em đã uống thuốc rồi, được không ạ ■

(Theo *Truyện cười thông minh dí dỏm*)

6. Tìm câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu khiến trong truyện vui ở trên.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾT 3 – 4

1. Nêu tên tác giả các bài thơ dưới đây. Đọc thuộc 2 – 3 khổ thơ trong một bài thơ em đã học.

Đất nước là gì?

Cho con hỏi nhé
Đất nước là gì
Vẽ bằng bút chì
Có vừa trang giấy?
(...)

Tiếng nước mình

Tiếng bố là dấu sắc
Có phải không bố ơi?
Cao như mây đỉnh núi
Bát ngát như trùng khơi.
(...)

Một mái nhà chung

Mái nhà của chim
Lợp nghìn lá biếc
Mái nhà của cá
Sóng xanh rập rình.
(...)

2. Đọc bài dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Đàn chim gáy



Bây giờ đang là mùa gặt tháng Mười, hàng đàn chim gáy cấn đuôi nhau, lượn vòng rồi sà xuống ruộng gặt.

Đó là những con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa. Cái bụng mịn mượt, cổ quàng chiếc "tạp dề" công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng gáy càng trong càng dài, mỗi mùa càng được vinh dự đeo thêm vòng cườm đẹp quanh cổ.

Khi ngoài đồng đã đông người gặt thì chim gáy về, bay vần quanh trên các ngọn tre, rồi từng đàn sà xuống những thửa ruộng vừa gặt quang. Con mái xuống trước, cái đuôi lái lượn xoè như múa. Con đực còn nán lại trong bờ tre, cất tiếng gáy thêm một thôi dài. Xong rồi anh chàng mới thủng thỉnh bước ra, ưỡn cái ngực đầy cườm biếc lượn nhẹ theo. Chim gáy nhặt thóc rụng. Chim gáy tha thẩn, cặm cụi sau người đi mót lúa.

Tôi rất thích chim gáy. Con chim gáy phúc hậu và chăm chỉ, con chim gáy mơ màng, con chim no ấm của mùa gặt hái tháng Mười.

(*Theo* Tô Hoài)

Từ ngữ

– *Thủng thỉnh*: chậm rãi, từ từ, tỏ ra không có gì phải vội vàng.

– *Tha thẩn*: (đi) thong thả và lặng lẽ từ chỗ này đến chỗ khác.

a. Khi nào chim gáy bay về cánh đồng làng?

b. Nêu những đặc điểm của chim gáy.

c. Em thích đặc điểm nào của loài chim gáy? Vì sao?

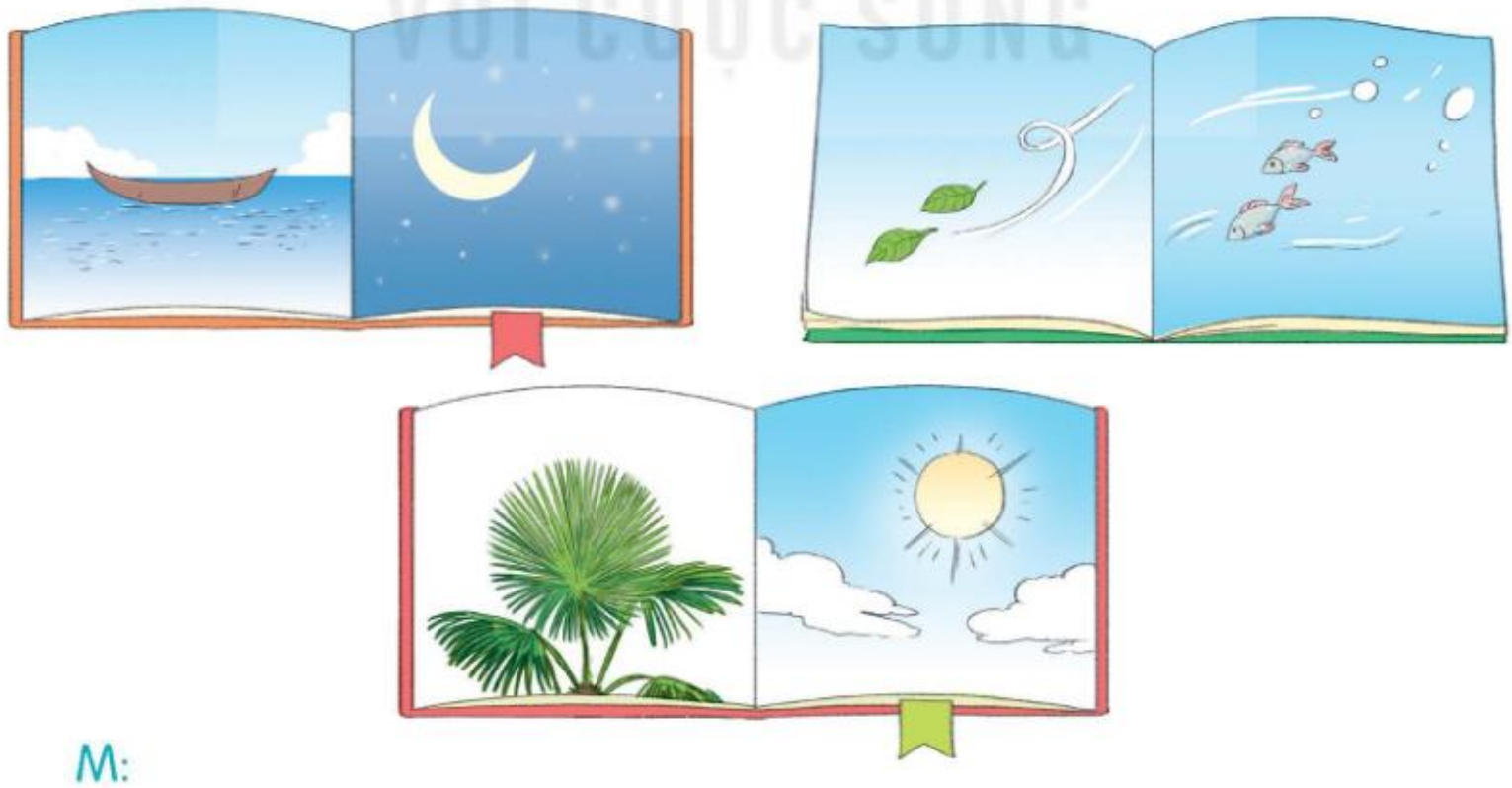
3. Tìm từ ngữ chỉ đặc điểm trong bài *Đàn chim gáy* theo các nhóm dưới đây:



4. Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ dưới đây:

hiền lành	chăm chỉ	đông đúc

5. Dựa vào tranh dưới đây, đặt câu có hình ảnh so sánh (theo mẫu).



M:

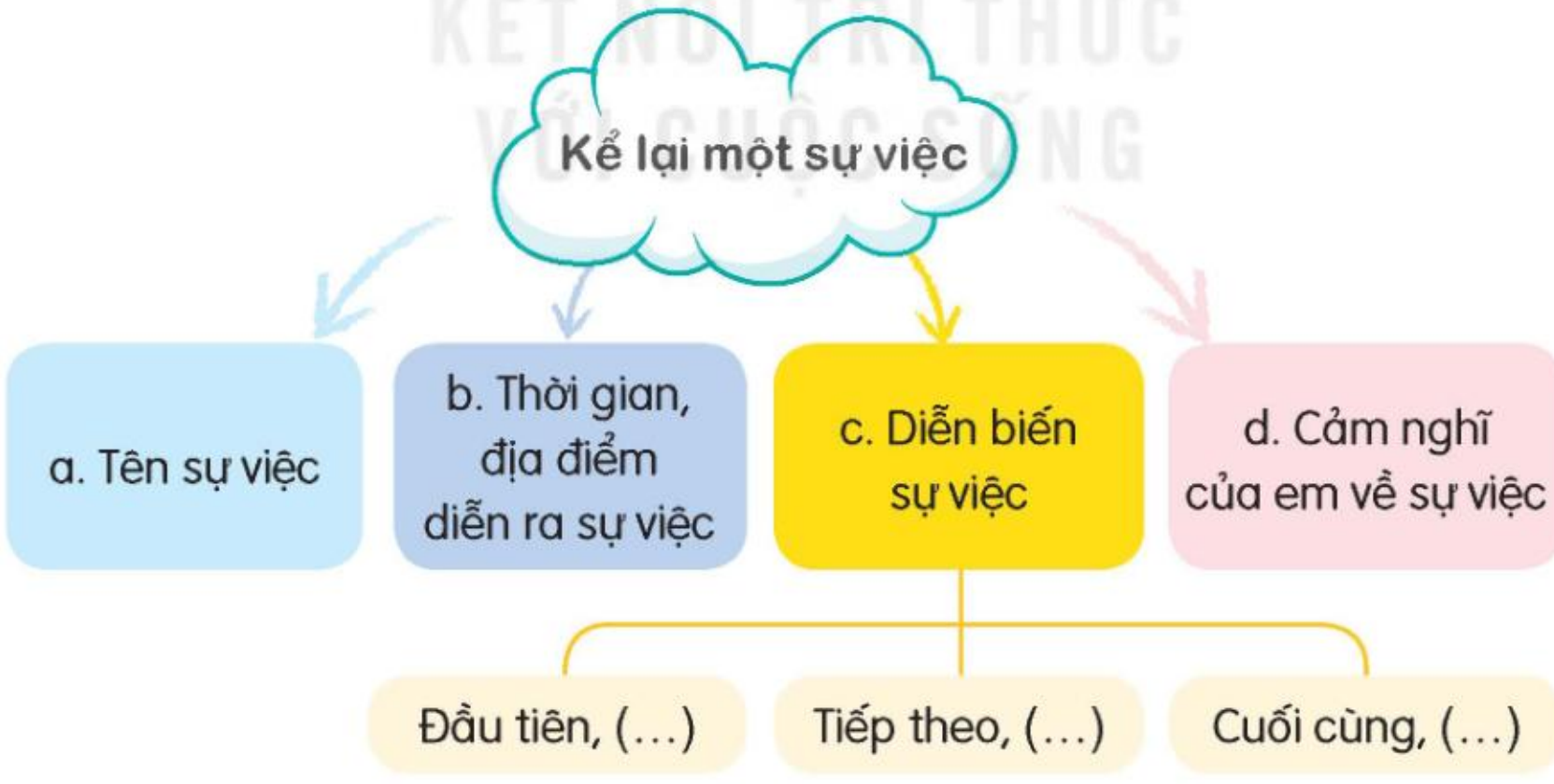
Vầng trăng khuyết trông như con thuyền trôi.

TIẾT 5

1. Nhìn tranh, kể lại sự việc theo suy đoán của em.



G: Trước khi kể, em hãy ghi tóm tắt sự việc theo sơ đồ sau:



2. Viết lại điều em đã kể thành một đoạn văn.

3. Trao đổi đoạn văn em viết với bạn để góp ý và sửa lỗi.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 2

(Đề tham khảo)

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

Cây cau

Trông cây cau thẳng
Em mới hỏi mèo
Mải đi bắt chuột
Có quên tài trèo?

Cau đứng làm thước
Đo tháng, đo ngày
Từng nấc, từng nấc
Vòng đều thân cây.

Cau cao, cao mãi
Tàu vươn giữa trời
Như tay xoè rộng
Hứng làn mưa rơi.

Mo như thìa lớn
Đón nước mưa lành
Tàu cau soi bóng
Bơi trong chum sành.

Chiều xuân mưa tạnh
Mây trời xanh êm
Tàu cau phe phẩy
Vẫy gọi trăng lên.

Bộp! Mo cau rụng
Xoè hoa trắng ngà
Bên cửa em học
Hương bay vào nhà
Thoảng thơm trong gió
Hương cau bay xa.

(Ngô Viết Dinh)



a. Đọc bài thơ, em biết điều gì về cây cau?

b. Em thích hình ảnh nào nhất trong bài thơ?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Đọc hiểu

Cuộc chạy đua trong rừng



Ngày mai, muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật nhanh nhất.

Ngựa con thích lắm. Chú tin chắc sẽ giành được vòng nguyệt quế. Chú sửa soạn không biết chán và mải mê soi bóng mình dưới dòng suối trong veo. Hình ảnh chú hiện lên với bộ đồ nâu tuyệt đẹp, với cái bờm dài được chải chuốt ra dáng một nhà vô địch…

Ngựa cha thấy thế, bảo:

– Con trai à, con phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng. Nó cần thiết cho cuộc đua hơn là bộ đồ đẹp.

Ngựa con mắt không rời bóng mình dưới nước, ngúng nguẩy đáp:

– Cha yên tâm đi. Móng của con chắc chắn lắm. Con nhất định sẽ thắng mà!

Cuộc thi đã đến. Sáng sớm, bãi cỏ đông nghẹt. Chị em nhà hươu sốt ruột gặm lá. Thỏ trắng, thỏ xám thận trọng ngắm nghía các đối thủ. Bác quạ bay đi bay lại giữ trật tự. Ngựa con ung dung bước vào vạch xuất phát.

Tiếng hô "Bắt đầu!" vang lên. Các vận động viên rần rần chuyển động. Vòng thứ nhất... Vòng thứ hai... Ngựa con dẫn đầu bằng những bước sải dài khoẻ khoắn. Bỗng chú có cảm giác vướng vướng ở chân và giật mình thảng thốt: một cái móng lung lay rồi rời hẳn ra. Gai nhọn đâm vào chân làm ngựa con đau điếng. Chú chạy tập tễnh và cuối cùng dừng hẳn lại. Nhìn bạn bè lướt qua mặt, ngựa con đỏ hoe mắt, ân hận vì không làm theo lời cha dặn.

Ngựa con đã rút ra được bài học quý giá: đừng bao giờ chủ quan, cho dù đó là việc nhỏ nhất.

(*Theo* Xuân Hoàng)

Từ ngữ

- *Móng*: miếng sắt hình vòng cung gắn vào dưới móng chân lừa, ngựa,... để bảo vệ chân.
- *Đối thủ*: người (hoặc đội) tranh thắng thua với người (đội) khác.
- *Thảng thốt*: hoảng hốt vì bất ngờ.

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu:

a. Muông thú trong rừng mở hội thi để làm gì?

- Chọn con vật khoẻ nhất
- Chọn con vật nhanh nhất
- Chọn con vật đẹp nhất

b. Ngựa con đã chuẩn bị như thế nào cho hội thi?

- Đến gặp bác thợ rèn để xem lại bộ móng
- Chăm chỉ tập chạy với những bước sải dài
- Chải chuốt, mải mê soi bóng mình dưới suối

c. Ngựa con được cha khuyên thế nào?

- Cần chuẩn bị cho mình một bộ đồ nâu tuyệt đẹp
- Cần chải chuốt bộ bờm dài cho ra dáng nhà vô địch
- Cần phải đến bác thợ rèn để xem lại bộ móng

d. Vì sao ngựa con không nghe lời khuyên của cha?

e. Chuyện gì xảy ra với ngựa con trong cuộc thi? (Viết tiếp vào chỗ trống để hoàn thành câu trả lời.)

Cái móng của ngựa lung lay rồi (...). Gai nhọn (...) làm ngựa con đau điếng. Ngựa con chạy (...) và cuối cùng (...).

g. Qua câu chuyện, em rút ra bài học gì?

h. Tìm trong câu chuyện 4 từ chỉ đặc điểm của ngựa con.

i. Tìm từ có nghĩa giống và từ có nghĩa trái ngược với từ *khoẻ khoắn*.

k. Chọn dấu câu thích hợp thay cho ô vuông.

Năm ấy, muông thú mở cuộc chạy đua trong rừng■ Tham gia cuộc đua có ngựa con■ hươu chị■ hươu em■ thỏ trắng■ thỏ xám,... Ai sẽ trở thành nhà vô địch đây■ Tất cả đều mong muốn mình giành được vòng nguyệt quế của cuộc đua.

B. VIẾT

1. Nghe – viết:

Nhà ốc

Ba gửi cho bé
Hẳn một ngôi nhà:
Một vỏ ốc biển
Từ ngoài đảo xa!

Bao nhiêu ngọn gió
Chơi trốn chơi tìm
Gió vào nhà ốc
Nói cười huyên thuyên...

Bé nghe gió kể
Miền xa nắng tràn
Bé nghe gió hát
Những lời mênh mang.

Mơ mình nhỏ lại
Lấy ốc làm nhà
Cuộn trong vỏ ốc
Như ngồi lòng ba!

(Thuỵ Anh)

2. Viết đoạn văn kể về một sự việc đã để lại cho em nhiều ấn tượng trong năm học vừa qua.

G: – Sự việc để lại nhiều ấn tượng là gì?
– Sự việc đó diễn ra ở đâu? Khi nào?
– Sự việc đó diễn ra thế nào? Điều gì làm cho em ấn tượng nhất?
– Em có cảm nghĩ gì về sự việc đó?

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
B	
bài thơ	14
bài văn	14
C	
câu	9
câu cảm	13
câu chuyện	17
câu hỏi	29
câu kể	69
câu khiến	13
câu thơ	33
câu văn	29
chi tiết	12
D	
dấu câu	46
dấu chấm	93
dấu chấm than	93
dấu gạch ngang	60
dấu hai chấm	72
dấu hỏi	43
dấu huyền	91
dấu nặng	91
dấu ngã	43
dấu ngoặc kép	100
dấu phẩy	72
dấu sắc	91
dấu thanh	92
Đ	
đoạn văn	14
K	
khổ thơ	12
N	
nhân vật	18
T	
tiếng	10
từ	21
từ ngữ	9

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

Tên riêng nước ngoài	Trang
An-đéc-xen (Andersen)	128
Cô-li-a (Kolia)	129
Đác-uyn (Darwin)	60
Ê-li-át (Elias)	117
Ê-ti-ô-pi-a (Ethiopia)	113
Liu-xi-a (Lusya)	113
Oan Đi-xni (Walt Disney)	128
Oan-tơ (Walter)	49
Ô-lim-pi-a (Olympia)	111
Ô-lim-pích (Olympic)	111
Pép-pơ (Pepper)	117
Pu-skin (Puskin)	113
Si-skin (Shishkin)	129
Va-li-a (Valia)	58
V.Ô-xê-ê-va (V.Ozeyeva)	63
Vích-to Huy-gô (Victor Hugo)	113
Xơ-un (Seoul)	117
Y-éc-xanh (Yersin)	126

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: NGUYỄN HƯƠNG GIANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THU HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN THẾ PHI
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 3 - TẬP HAI
Mã số: G1HH3V002h26
In ..... bản, (QĐ.....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/27-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-30708-8
Tập hai: 978-604-0-30709-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 3, tập một
2. Tiếng Việt 3, tập hai
3. Toán 3, tập một
4. Toán 3, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 3
6. Đạo đức 3
7. Âm nhạc 3
8. Mĩ thuật 3
9. Công nghệ 3
10. Tin học 3
11. Hoạt động trải nghiệm 3
12. Giáo dục thể chất 3
13. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập một
14. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-30709-5

9 786040 307095

Giá: 18.200 đ